

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS. Đinh Khắc Thuân. Những nội dung trình bày trong luận văn là kết quả nghiên cứu của tôi, đảm bảo tính trung thực và chưa từng được ai công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Những chỗ sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác, tôi đều trích dẫn rõ ràng. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường về sự cam đoan này.

Hà Nội, ngàytháng năm 2015

Tác giả luận văn

Trần Thị Thu

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	4
MỞ ĐẦU.....	5
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ LÀNG VĂN LÂM	12
1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên	12
1.1.1. Vị trí địa lý	12
1.1.2. Điều kiện tự nhiên	12
1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	15
1.2.1. Lịch sử và dân cư	15
1.2.2. Yếu tố kinh tế	20
Tiểu kết chương 1	28
Chương 2: DIỆN MẠO VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG LÀNG VĂN LÂM	29
2.1. Văn hóa vật thể	29
2.1.1. Hệ thống di tích thờ tự	29
2.1.2. Làng xóm, nhà ở.....	47
2.2. Văn hóa phi vật thể.....	51
2.2.1. Lễ hội truyền thống	51
2.2.2. Nghề thủ công truyền thống.....	58
Tiểu kết chương 2	64
Chương 3: SỰ BIẾN ĐỔI CỦA VĂN HÓA LÀNG VĂN LÂM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA.....	65
3.1. Những yếu tố tác động đến sự biến đổi văn hóa truyền thống làng Văn Lâm	65
3.1.1. Quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa	65

3.1.2. Hoạt động du lịch tại khu du lịch Tam Cốc - Bích Động và hoạt động du lịch tại làng nghề	66
3.2. Một số biến đổi văn hóa truyền thống làng Văn Lâm.....	74
3.2.1. Biến đổi văn hóa vật thể.....	74
3.2.2. Biến đổi văn hóa phi vật thể.....	78
3.3. Giải pháp bảo tồn và phát triển văn hóa làng Văn Lâm	82
3.3.1. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể	82
3.3.2. Phát triển nghề thủ theo hướng bền vững	84
3.3.3. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về môi trường	87
Tiểu kết chương 3	90
KẾT LUẬN	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	94
PHỤ LỤC.....	96

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CNH - HĐH	: Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
KDL	: Khu du lịch
Nxb	: Nhà xuất bản
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
Tr	: Trang
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Stt	Nội dung các bảng thống kê	Trang
1	Bảng 3.1: Số lượng khách đến khu du lịch Tam Cốc - Bích Động từ 2007 đến 2014	67
2	Bảng 3.2: Bảng số liệu về lao động tại làng nghề thêu ren Văn Lâm từ 2011 đến 2014	69

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Từ xa xưa, làng - xã là một đơn vị hành chính quan trọng trong bộ máy chính quyền phong kiến nói chung và là một đơn vị tụ cư truyền thống ở nông thôn nói riêng. Làng xã của người Việt được hình thành sớm cùng với quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, chính vì vậy làng xã là nơi hình thành và bảo lưu những giá trị văn hóa của mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc. Nói tới văn hóa truyền thống của người Việt là nói tới văn hóa làng. Trong các loại hình làng truyền thống thì làng nghề là một trong những loại hình làng tiêu biểu. Trước hết, làng nghề là một cơ sở “công thương” góp phần giải quyết việc làm cho người dân lúc nông nhàn, cải thiện đời sống kinh tế của cộng đồng dân cư. Bên cạnh đó, làng nghề thủ công còn chứa đựng những giá trị văn hóa điển hình của làng xã truyền thống, là nơi gắn kết các cộng đồng dân cư về kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong số các nghề thủ công truyền thống thì nghề thêu có lịch sử hình thành lâu đời, gắn liền với lịch sử dân tộc, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cộng đồng và xã hội.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, hội nhập kinh tế và hội nhập văn hóa đang đặt ra những cơ hội và thách thức, dẫn đến sự biến đổi của văn hóa làng nghề. Do đó, việc tận dụng cơ hội và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa, công nghiệp hóa nông nghiệp - nông thôn tới sự biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống là một yêu cầu cấp thiết.

Là một tỉnh nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, Ninh Bình có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển một số nghề thủ công truyền thống như nghề thêu ren, nghề chạm khắc đá, nghề dệt chiếu cói, v.v..., trong đó làng nghề thêu ren Văn Lâm là một trong những làng nghề có lịch sử khá lâu đời với nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Dưới tác động của quá trình đô thị hóa và hoạt

động du lịch tại khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, văn hóa truyền thống làng nghề thêu ren Văn Lâm cũng có những biến đổi nhất định. Do đó, việc nghiên cứu văn hóa làng nghề thêu ren Văn Lâm sẽ góp phần gìn giữ và bảo lưu những giá trị văn hóa cổ truyền, định hướng cho việc phát triển làng nghề theo hướng bền vững trong bối cảnh hiện nay.

Trên cơ sở đó, tác giả xác định việc nghiên cứu “***Văn hóa truyền thống làng Văn Lâm (xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình)*** làm đề tài luận văn thạc sỹ Văn hóa học.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề và cơ sở lý luận của đề tài

Nghiên cứu về làng xã Việt Nam từ xưa đã có rất nhiều học giả, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến với nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau. Thời kỳ Pháp thuộc, người Pháp có một số công trình nghiên cứu về làng xã phục vụ cho chính sách cai trị, trong đó phải kể đến “*Nông dân đồng bằng châu thổ Bắc Bộ*” (1936) của Pierre Gourou. Đây là một công trình nghiên cứu công phu, nghiên cứu làng xã Bắc Bộ trên phương diện đời sống vật chất và tinh thần.

Bên cạnh công trình nghiên cứu của Pierre Gourou còn có nhiều cơ quan cũng như học giả người Việt nghiên cứu về làng xã như: Phan Kế Bính với “*Việt Nam phong tục*”, Viện Sử học với “*Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*” (2 tập, 1977 - 1978), Trần Từ với “*Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*” (1984). Các công trình này nghiên cứu làng xã trên nhiều phương diện như: cơ sở kinh tế - xã hội, cơ cấu tổ chức, đặc trưng của một số loại hình làng v.v...

Giai đoạn từ 1990 đến nay đã có nhiều nhà nghiên cứu, nhiều đề tài khoa học, nhiều sách, luận án v.v... nghiên cứu về làng xã nói chung và làng nghề nói riêng như: “*Hương ước và quản lý làng xã*” (Bùi Xuân Đính, 1998),

“Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam” của Bùi Văn Vượng, “Làng nghề, phố nghề Thăng Long - Hà Nội” của Trần Quốc Vượng và Đỗ Thị Hảo, “Làng thêu Quất Động” của Nguyễn Thị Sáu.

Tác giả Trương Đình Tường trong “Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình” (2005) giới thiệu khái quát về văn hóa dân gian Ninh Bình, trong đó đề cập đến một số thành tố văn hóa tại làng Văn Lâm như đền Thái Vi, đình Các.

Luận văn thạc sĩ Việt Nam học “Phát triển kinh tế - xã hội làng nghề thêu ren Văn Lâm theo hướng bền vững” của tác giả Đỗ Thị Hồng Thu (Viện Việt Nam học - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011) giới thiệu khái quát về làng nghề Văn Lâm, đánh giá những tác động của nghề thêu đến sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong bối cảnh hiện nay và đề xuất một số giải pháp để phát triển làng nghề bền vững.

Đối với văn hóa truyền thống làng Văn Lâm thì chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và cụ thể.

Tuy nhiên, các đề tài nghiên cứu trên đã tạo tiền đề, cơ sở lý luận và thực tiễn để triển khai đề tài luận văn này. Đồng thời luận văn được thực hiện dựa trên quan điểm duy vật biện chứng và quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Quan điểm duy vật biện chứng xem xét các cơ sở hình thành làng, quan điểm duy vật lịch sử xem xét sự tồn tại và phát triển của văn hóa làng theo thời gian.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở các nguồn tư liệu, các công trình nghiên cứu về làng xã nói chung và làng thêu ren Văn Lâm, luận văn chỉ ra những tiền đề và cơ sở cho sự hình thành và phát triển của làng Văn Lâm, từ đó làm rõ một số giá trị văn

hóa làng Văn Lâm, đồng thời đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, luận văn cần thực hiện những nhiệm vụ cụ thể sau:

Nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển làng Văn Lâm

Tìm hiểu giá trị văn hóa vật thể (hệ thống di tích thờ tự: đình, đền, chùa và kiến trúc làng xã) và phi vật thể (lễ hội, nghề thủ công truyền thống) của làng Văn Lâm

Nghiên cứu những yếu tố tác động tới văn hóa truyền thống làng Văn Lâm trong giai đoạn hiện nay, từ đó đề ra những giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của làng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu diện mạo văn hoá truyền thống của làng Văn Lâm, trong đó tập trung tìm hiểu các thành tố văn hoá vật thể như: hệ thống di tích thờ tự, cảnh quan làng xóm, kiến trúc nhà ở và các thành tố văn hoá phi vật thể là lễ hội và nghề thủ công truyền thống.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu: luận văn giới hạn nghiên cứu trong phạm vi địa giới hành chính của làng Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được các nhiệm vụ nghiên cứu kể trên, luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp điền dã dân tộc học: phương pháp này được sử dụng nhằm nghiên cứu văn hóa làng Văn Lâm qua việc quan sát, khảo sát thực tế, điều tra hồi cố v.v...

Phương pháp nghiên cứu liên ngành: luận văn kết hợp các phương pháp sử học, phương pháp điều tra xã hội học (phỏng vấn nghệ nhân, lao động tại làng nghề, chính quyền địa phương v.v...)

Phương pháp thống kê, thu thập và xử lý thông tin: thông qua thông tin sơ cấp và thông tin thứ cấp tác giả tiến hành đánh giá các yếu tố tác động đến sự biến đổi văn hóa truyền thống của làng.

6. Giới thuyết một số khái niệm liên quan đến luận văn

6.1. Khái niệm văn hóa

Theo nghĩa thông dụng, thuật ngữ văn hóa hoặc để chỉ trình độ học vấn, hoặc để chỉ các sinh hoạt cộng đồng, hoặc phản ánh những biểu hiện, những cách ứng xử trong mối quan hệ xã hội.

Trong lĩnh vực khoa học, nội dung khái niệm văn hóa cũng có những cách hiểu khác nhau, tùy theo cách tiếp cận của người nghiên cứu, của mỗi dân tộc.

Hồ Chí Minh cho rằng: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn tác giả sử dụng khái niệm văn hóa như sau: “Văn hóa là tổng thể những hệ thống giá trị, những chuẩn mực, những thói quen, những khả năng, những hoạt động có ý thức, mang tính xã

hội và sáng tạo trong thực tiễn của một cộng đồng người nhất định trong lịch sử nhằm thỏa mãn nhu cầu của cuộc sống và thể hiện bản sắc riêng của cộng đồng đó”.

6.2. Khái niệm truyền thống

“Truyền thống” (Tradition) theo gốc từ Latinh, được viết là “Tradio”, gồm động từ “Tradere” nguyên nghĩa của nó là truyền lại, nhường lại. Dưới góc độ chính trị - xã hội “truyền thống là di sản về xã hội và văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, được duy trì trong suốt thời gian dài”.

Qua định nghĩa trên có thể hiểu truyền thống là tập hợp những tư tưởng tình cảm, thói quen, tập quán, lối sống và cách ứng xử của một cộng đồng người nhất định, được hình thành và phát triển trong lịch sử, đã trở nên ổn định và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

6.3. Khái niệm biến đổi văn hóa

Biến đổi được hiểu ở đây là sự thay đổi của một sự vật, hiện tượng từ trạng thái ban đầu sang trạng thái khác. Biến đổi văn hóa mà luận văn đề cập đến chủ yếu đề cập đến sự thay đổi cụ thể của cảnh quan làng xóm, kiến trúc nhà ở, nghề thủ ở làng Văn Lâm. Sự biến đổi thường mang tính tiếp biến, không phải là sự biến đổi thay thế hoàn toàn cái cũ bằng cái mới mà nó chồng xếp lên nhau, biến đổi lẫn nhau.

7. Đóng góp của luận văn

Luận văn khi hoàn thành là nguồn tư liệu tham khảo về văn hóa làng Văn Lâm trên các phương diện: điều kiện hình thành làng và văn hóa làng nghề. Trên cơ sở những giải pháp mà luận văn đề xuất cơ quan quản lý địa phương sẽ có những biện pháp nhằm bảo tồn văn hóa làng cũng như phát triển bền vững làng nghề trong giai đoạn mới.

8. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận văn được kết cấu theo 3 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan về làng Văn Lâm

Chương 2. Diện mạo văn hóa truyền thống làng Văn Lâm

Chương 3. Sự biến đổi của văn hóa làng Văn Lâm và những vấn đề đặt ra

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ LÀNG VĂN LÂM

1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Ninh Hải là một xã miền núi thuộc địa phận huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, cách trung tâm huyện Hoa Lư khoảng 15km về phía Tây Nam. Ninh Hải tiếp giáp với 3 huyện: Nho Quan, Tam Điệp, Gia Viễn cùng với 4 xã của huyện Hoa Lư là Ninh Xuân, Ninh Thắng, Ninh Vân và Trường Yên.

Xã Ninh Hải gồm 5 thôn: Văn Lâm, Hải Nham, Gôi, Đam Khê Trong và Đam Khê Ngoài. Làng Văn Lâm nằm ở phía Đông xã Ninh Hải, trên trục đường vào khu du lịch Tam Cốc - Bích Động. Từ quốc lộ 1A qua cầu Vòm khoảng 1km là đến địa phận của làng.

Làng Văn Lâm tiếp giáp với xã Ninh Thắng ở phía Đông, thôn Đam Khê Trong ở phía Tây, xã Ninh Vân ở phía Nam và xã Ninh Xuân ở phía Bắc.

Làng Văn Lâm có vị trí thuận lợi cả về đường thủy và đường bộ. Từ cầu Vòm, ngoài quốc lộ 1A du khách có thể xuôi theo dòng sông Vân về ngã ba cầu Yên rồi theo sông Thiện Dưỡng, sông Ngô Đồng sẽ đến được địa phận làng. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có hoạt động sản xuất thủ công và hoạt động du lịch.

1.1.2. Điều kiện tự nhiên

Về điều kiện tự nhiên

Ninh Hải là một xã miền núi với diện tích núi đá vôi tương đối lớn. Ở đây vừa có núi cao trùng điệp, vừa có sông ngòi uốn lượn. Sông Ngô Đồng là con đường đi lại chủ yếu của nhân dân các thôn trước khi có đường bộ nối vào xã như hiện nay. Con sông này được xem như chiếc cầu nối Văn Lâm với

thể giới bên ngoài. Song song với sông Ngô Đồng là con kênh đào nối ra sông Thiện Dưỡng, con kênh này được ví như những mạch máu nối liền các xóm trong thôn.

Khí hậu

Nhiệt độ trung bình năm của Văn Lâm là $23,5^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất là $30,7^{\circ}\text{C}$. Mùa đông lạnh nhất vào các tháng 12, tháng 1, tháng 2; mùa mưa kéo dài từ tháng 8 đến tháng 10.

Chế độ thủy văn và nguồn nước mặt

Văn Lâm là một vùng núi thấp, địa hình Karst - núi đá vôi với đỉnh cao nhất là 244m. Tại khu vực này có các sông ngòi và lạch hẹp lòng, nông và ngắn. Phía Bắc gồm các sông Hoàng Long, sông Để, sông Lạc Khoái là nguồn nước cung cấp nước chính cho khu vực. Hệ thống thoát nước có sông Vân Sàng và sông Sào Khê với chiều dài tổng cộng 7km, lòng hẹp, ngắn. Khu Tam Cốc - Bích Động có khoảng 30 hang động nằm rải rác, trong đó khoảng 1/3 là hang xuyên thủy động, trong hang có nhiều nhũ đá hình thù đẹp, hấp dẫn du khách.

Đặc điểm sinh vật - sinh thái cảnh quan

Xã Ninh Hải nằm ở rìa nam châu thổ sông Hồng, là nơi giao lưu các luồng di cư thực vật từ phía Nam, phía Bắc, phía Tây và từ biển vào, xen kẽ trong cấu trúc thành tạo 2 địa chất là Diệp Tân Lạc (đồi núi đất) và Diệp Đồng Giao (trũng và đồi núi Karst - đá vôi), là nơi chuyển tiếp giữa nhiều dạng địa hình: đồng bằng bãi bồi tích nguồn gốc sông, biển đệ tứ tạo nên cánh đồng chiêm trũng ngập nước. Điều này tạo nên phong môi trường sinh thái rất đa dạng. Qua số liệu thống kê cho thấy ở đây có 618 loài ngành thực vật bậc cao; 2 loài ngành tháp bút; 36 loài ngành dương xỉ; 4 loài ngành thông; 536 loài ngành ngọc lan. Ngoài ra còn có các loài thực vật quý hiếm: kiềng kiềng,

đình, sến, lát, hoàng đàn; có 10 loài nằm trong sách đỏ Việt Nam cần được bảo vệ, trong đó có 2 loài đang nguy cấp - Endangered (E), 1 loài thuộc cấp hiếm - Rare (R), 2 loài thuộc cấp dễ bị tổn thương - Vulnerable (V), 3 loài thuộc cấp bị đe dọa - Threatened (T) và 2 loài thuộc cấp biết không chính xác - Insufficiently know (K). Động vật có xương sống đã thống kê có khoảng 39 loài; 62 loài chim; 26 loài bò sát; 6 loài lưỡng cư; 44 loài cá và một số loài thú: hổ, báo, gấu, vượn, v.v...; các loài chim quý hiếm: công, yểng, vẹt, sếu, cò sáo. Thống kê thực vật nổi là 88 loài, động vật nổi là 30 loài, động vật đáy là 45 loài và nhiều loài côn trùng.

Văn Lâm còn nổi tiếng với Tam Cốc - Bích Động, khu du lịch có một vị trí đặc biệt, độc lập trong nhiều vùng thắng cảnh của Việt Nam. Nếu Việt Nam có một vịnh Hạ Long với mệnh mệnh biển cả thì đây là một “Hạ Long cạn” mà biển cả chỉ còn ghi lại bằng vết tích trên một nền đồng bằng đệ tứ với những cánh đồng nước của vùng chiêm trũng đông đúc dân cư.

Giao thông

Văn Lâm nằm ở vị trí thuận tiện về giao thông, đi lại, do đó vào thời nhà Trần nơi đây được coi là một căn cứ trọng yếu trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông. Theo đường biển, từ biển Đông đi vào cửa sông Đáy, đến ngã ba Non Nước theo sông Vân Sàng, xuôi phía Nam đến ngã ba Vũ Lâm, rẽ vào phía Tây đến sông Ngô Đồng. Theo đường sông, từ sông Tô Lịch (Thăng Long) xuôi về Nam theo sông Nhuệ, về sông Châu Giang, vào sông Đáy đến ngã ba Non Nước, rồi xuôi sông Vân Sàng đến ngã ba Vũ Lâm rẽ vào sông Ngô Đồng. Về phía Nam, từ sông Ngô Đồng ra ngã ba Vũ Lâm, đi thuyền qua sông Trinh Nữ, sông Hồ sẽ vào được Thanh Hoá. Theo đường bộ là đường Thiên Lý - gần trùng với đường quốc lộ 1A hiện nay - từ động Vũ Lâm ngược lên phía Bắc tới Thăng Long, xuôi về Nam, qua Tam Điệp là vào Thanh Hoá, Nghệ An.

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.1. Lịch sử và dân cư

1.2.1.1. Sự hình thành vùng đất

Vùng đất xã Ninh Hải huyện Hoa Lư ngày nay nằm trong ngạch núi đá vôi từ Hòa Bình chạy qua Trường Yên - Ninh Hải (huyện Hoa Lư) tới biển Đông. Ninh Hải nằm trong vùng trũng, đồng ruộng xen kẽ với nhiều dãy núi đá vôi. Địa hình lồi lõm, không bằng phẳng, nhiều kênh rạch, sông hồ xen lẫn núi nhấp nhô, hang động kỳ thú, tạo thành những thắng cảnh đẹp. Dấu vết của những lần kiến tạo địa chất ở đây rất rõ.

Vào đầu nguyên đại trung sinh thuộc kỷ Triat, cách ngày nay khoảng 225 triệu năm, toàn bộ đất đai vùng Hà Nam Ninh còn nằm dưới đáy biển.

Dấu tích còn lại đến ngày nay là những ngấn sóng biển vỗ vào làm mòn lõm các thành vách núi như dãy núi Dốc Sườn Bò xã Văn Phương, huyện Hoàng Long (Gia Viễn ngày nay) và khu vực núi Ninh Vân xã Ninh Hải huyện Hoa Lư [11, tr.6].

Vào cuối kỷ Giuda, đầu kỷ Bạch Phấn do chịu ảnh hưởng của chuyển động tạo sơn Kemeni đã tạo nên vùng đồi núi ngày nay. Sự chuyển động tạo sơn đó làm sụt lún phần còn lại xuống tạo thành miền võng. Tiếp đó là quá trình biến tiến mạnh đến sát miền núi.

Sang đầu nguyên đại tân sinh thuộc kỷ Paleogen cách ngày nay khoảng 70 triệu năm, ảnh hưởng của tạo sơn Alps đã nâng ghềnh phía Nam sông Hồng lên. Từ đó biển lùi dần và hình thành vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng thuộc đồng bằng Bắc Bộ.

Cách Ninh Hải 9 km theo đường bộ là tới di chỉ Thung Lang (Tam Điệp, Ninh Bình), nơi đã phát hiện thấy dấu vết của người nguyên thủy có niên đại cách ngày nay từ 3 đến 4 vạn năm.

Theo hướng Đông Nam phía đi tới bờ biển Kim Sơn cách Ninh Hải 17km là con đê Hồng Đức đắp năm 1471. Đây là tuyến đê ngăn mặn có quy mô lớn kéo dài từ Yên Mô (Ninh Bình) đến Xuân Thủy (Nam Định); từ cửa biển Thần Phù (thế kỷ XV thuộc địa phận Yên Mô, Ninh Bình) đến cửa Muộn Hải - cửa sông Hồng thời bấy giờ. Đương thời con đê này được đắp khá kiên cố bằng đất sét già (đất đồng) và đất thịt pha cát.

Đất Ninh Hải rất trũng, không bằng phẳng. Hệ thống sông, hồ, ngòi chằng chịt như sông Ngô Đồng, Tam Cốc, xen lẫn với những dãy núi già cỗi mà dấu vết của những lần kiến tạo địa chất rất rõ. Đặc biệt trong lòng núi đá Ninh Hải có rất nhiều hang động, có những con sông chạy qua lòng trái núi như Tam Cốc, xuyên thủy động, v.v...

Như vậy vùng đất Ninh Hải được hình thành rất sớm. Sự hình thành vùng đất kéo theo sự định cư của con người. Cho đến thế kỷ XIII khi nhà Trần lấy Ninh Hải làm căn cứ địa Trường Yên để chống giặc Nguyên Mông thì vùng đất Ninh Hải dần đông đúc.

Địa danh Ninh Hải qua các thời kỳ

Theo các tài liệu lịch sử, gia phả, thần phả, văn bia... địa danh Ninh Hải ngày nay có nhiều tên gọi khác nhau qua các thời kỳ lịch sử.

Làng Văn Lâm xã Ninh Hải huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là vùng đất cổ. Lịch sử hình thành và phát triển của Văn Lâm còn gắn liền với cố đô Hoa Lư ở thời kỳ độc lập tự chủ, thế kỷ X. Đến thời Lý - Trần vùng đất Ninh Hải nằm ở lộ Trường Yên. Theo sách “*Ninh Bình tỉnh chí*”, sách Hán Nôm, kí hiệu A,1268 Viện Hán Nôm, thì vùng đất Vũ Lâm nói riêng, Ninh Bình nói chung được chép như sau:

Ninh Bình thời cổ thuộc đất Nam Giao. Bộ lạc Hùng Vương cũng gọi là Nam Giao. Từ xa xưa chỉ có các dân tộc thiểu số miền ngược

nội thuộc nước Tần, gọi là Tượng Quận, đời Hán gọi là Giao Chỉ, đời Tấn đời Tùy trở về sau thuộc Giao Châu, sau đời Đường thuộc đất An Nam. Cuối đời Lương có địa danh Trường Châu, do cát biển ngày càng bồi đắp, cư dân ngày càng đông đúc, các huyện Yên Ninh, Lê Gia bắt đầu ra đời từ đây. Nhà Đinh xây dựng kinh đô ở Hoa Lư, gọi là Trường An, đến đời Tiền Lê cũng theo như vậy. Nhà Lý gọi Hoa Lư là phủ Trường An, còn gọi là châu Đại Hoàng. Năm thứ 10 niên hiệu Quang Thái (1397) đổi là trấn Thiên Quan, cuối đời Trần phân chia phần đất bên phía đông thành Trường An, gồm hai huyện Lê Bình (nguyên chú: nguyên là Lê Gia, sau đổi), An Ninh, bên phía đông thành châu Tuyên Hóa, gồm 3 huyện Đông Lai, Xích Thổ. Nhà Minh bắt được Hồ Quý Ly, chia đất thành quận huyện, sáp nhập Trường An vào phủ Kiến Bình, Sơn Nam, còn Tuyên Hóa thì sáp nhập vào châu Quảng Vũ, Hưng Hóa [14, tr.12].

Thời nhà Mạc, vùng đất Ninh Hải thuộc huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, trấn Thanh Hoa Ngoại. Theo văn bia ở chùa Bích Động (xã Ninh Hải), niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ năm (1709) Ninh Hải ngày nay thuộc xã Đạm Khê, huyện Yên Mô, phủ Trường Yên, trấn Thanh Hoa Ngoại.

Năm 1806 nhà Nguyễn đổi trấn Thanh Hoa Ngoại thành đạo Thanh Bình. Năm 1821 đổi phủ Trường Yên thành phủ Yên Khánh. Năm 1822 đổi đạo Thanh Bình thành đạo Ninh Bình. Năm 1830 đổi đạo Ninh Bình thành trấn Ninh Bình. Năm 1831 đổi trấn Ninh Bình thành tỉnh Ninh Bình. Thời Nguyễn, Ninh Hải ngày nay thuộc hai xã Đạm Khê và Văn Lâm, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Đầu thế kỷ XX Ninh Hải thuộc địa phận của hai huyện Yên Mô và Gia Khánh. Hai thôn Đạm Khê và Côi Khê thuộc tổng Dương Vũ huyện Yên Mô còn Hải Nham và Văn Lâm thuộc tổng Vũ Lâm huyện Gia Khánh.

Năm 1945 xã Đồng Văn được thành lập bao gồm bốn thôn: Văn Lâm, Đam Khê, Côi Khê và Hải Nham. Năm 1949 sát nhập ba xã Đồng Văn, Vũ Lâm và Long Thành thành xã Ninh Thắng. Năm 1953 thực hiện cải cách ruộng đất, xã Ninh Thắng tách thành ba xã nhỏ là Ninh Hải (Đồng Văn), Ninh Thắng (Vũ Lâm) và Ninh Xuân (Long Thành). Năm 1976 đổi huyện Gia Khánh thành huyện Hoa Lư, sát nhập hai tỉnh Ninh Bình và Nam Hà thành tỉnh Hà Nam Ninh, trong đó xã Ninh Hải thuộc huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình. Sau năm 1991 khi tách tỉnh Hà Nam Ninh xã Ninh Hải thuộc huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình.

1.2.1.2. Quá trình phát triển của làng

Đất Văn Lâm thời Đinh - Tiền Lê thuộc châu Đại Hoàng, thời Lý thuộc phủ Trường Yên, thời Trần thuộc xã Vũ Lâm, lộ Trường Yên. Tên làng Văn Lâm có từ thời Trần khi vua Trần Thái Tông về xã Vũ Lâm năm 1295. Đến năm Minh Mạng thứ 12 (1831) Văn Lâm thuộc tổng Vũ Lâm, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Năm 1945 huyện Gia Khánh được thành lập, đất Văn Lâm, tổng Vũ Lâm thuộc huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình. Địa danh này được giữ nguyên cho đến trước cách mạng tháng Tám năm 1945. “Năm 1946 huyện Gia Khánh thành lập bốn tiểu khu A, B, C, D thôn Văn Lâm thuộc tiểu khu D, gồm bốn xã lớn là xã Ninh Hải, Ninh Thắng, Ninh Vân và Ninh Xuân” [5, tr.22]. Năm 1948 - 1949 ba xã Ninh Hải, Ninh Thắng và Ninh Xuân hợp nhất thành xã lớn là xã Ninh Thắng, thôn Văn Lâm thuộc xã Ninh Thắng, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình. Tháng 12 năm 1956 các xã lớn lại được chia tách ra thành các xã nhỏ như cũ, thôn Văn Lâm lại trở về xã Ninh Hải, huyện Gia Khánh. Tháng 12 năm 1975 tỉnh Ninh Bình và Nam Hà hợp nhất thành tỉnh Hà Nam Ninh, thôn Văn Lâm thuộc xã Ninh Hải, huyện Gia Khánh, tỉnh Hà Nam Ninh. Năm 1977 huyện Gia Khánh đổi tên là huyện Hoa Lư thôn Văn Lâm thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Hà Nam Ninh. Tháng 12 năm 1991 tỉnh Hà Nam Ninh lại được tách ra thành hai tỉnh như cũ, thôn Văn Lâm thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

1.2.1.3. Nguồn gốc các dòng họ

Động Vũ Lâm trước khi vua Trần Thái Tông đến tu hành vốn là một khu rừng già rậm rạp, hoang vu. Dân cư thưa thớt, vắng vẻ. Nơi này có rất nhiều quạ cho nên thường được gọi với cái tên Ô Lâm (nghĩa là rừng Quạ). Khi đến đây dựng am tu hành, thấy vậy, vua Trần Thái Tông đã truyền bảo các phụ lão rằng: “Trẫm muốn kiếp sau ở giang sơn này, vui phong tục này, nên mong dân mỗi ngày một đông, ruộng mỗi ngày càng được mở rộng để cho con cháu. Các người nên chăm chỉ cày cấy, chớ phụ lòng trẫm”. Cũng từ đó, Ngài khuyến khích nhân dân và khẩn hoang được 155 mẫu ruộng để canh tác. Nhà vua còn chiêu dân lập ấp, đặt thành 4 giáp gồm: Giáp Ngoài (còn gọi là Giáp Trên) gồm họ Vũ, họ Đỗ; Giáp Các (còn gọi là Giáp Hai) gồm họ Lê ở khu Đại Các; Giáp Trung (còn gọi là Giáp Ba) gồm một chi của họ Đỗ khác, một chi của họ Đinh nằm ở khu Trung Hoà; Giáp Cật (còn gọi là Giáp Bốn) gồm họ Phạm, họ Bôn, họ Lưu. Công lao ấy của vua Trần Thái Tông được nói trong bài ca dao hiện còn lưu truyền ở thôn Văn Lâm:

“Chiêu dân lập xã từ đây,
Hành cung các sở đặt bày tuần du.
Chi tộc cho ở các khu,
Đặt làm bốn giáp khiến cho tự điền”.

Trước cách mạng tháng Tám năm 1945 làng Văn Lâm gồm sáu xóm là: xóm Ngoài, Tam Bằng, Đoàn Kết, xóm Chùa, xóm Đông và xóm Tây và bốn giáp gồm: giáp Thượng, giáp Trung, giáp Các và giáp Cật. Hai giáp Thượng và Trung lập ngôi đình gọi là đình Trung (nay không còn), hai giáp Các và Cật lập chung một ngôi đình gọi là đình Các. Đình Trung và đình Các là không gian sinh hoạt chung của các giáp, là nơi họp bàn việc làng và tổ chức hương ẩm trong các dịp lễ tết, hội hè.

1.2.2. Yếu tố kinh tế

1.2.2.1. Kinh tế nông nghiệp

Là một vùng đất thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng nên kinh tế chính của người dân Văn Lâm trước đây là canh tác nông nghiệp lúa nước. Cây lúa giữ vai trò quan trọng trong đời sống, là cây lương thực chính của cư dân nơi đây. Tuy nhiên, do một số thửa ruộng trồng lúa nằm xen kẽ giữa những dãy núi đá vôi và hang động xuyên thủy nên diện tích đất canh tác của làng chỉ vào khoảng 300ha. Bên cạnh đó chất lượng đất canh tác lại xấu, không thuận lợi cho việc trồng cây lúa hay hoa màu. Trong khoảng 300ha đất nông nghiệp thì $\frac{1}{2}$ diện tích ruộng (ở phía Tây Bắc của làng) chỉ trồng cây lúa được một vụ (vụ chiêm) vì diện tích đất này nằm xen kẽ giữa những dãy núi đá vôi, mùa mưa, nước lớn không trồng cây được. Diện tích còn lại nằm ở phía Đông và phía Nam của làng có thể canh tác lúa hai vụ như các địa phương khác trong tỉnh là vụ chiêm và vụ mùa. Vụ chiêm cấy vào khoảng cuối tháng 12 đến đầu tháng giêng âm lịch và thu hoạch vào cuối tháng 4, đầu tháng 5. Vụ mùa thường cấy vào đầu tháng 6, thu hoạch vào tháng 9 hoặc đầu tháng 10 âm lịch. “Vụ chiêm khi cấy thường gặp rét và một số năm còn gặp hạn nhưng là vụ lúa chủ lực” [5, tr.37]. Vào những năm thời tiết thuận lợi, khoảng đầu tháng 3 âm lịch, khi có những trận mưa rào đầu mùa cũng là lúc lúa chiêm xanh tốt mượt đồng. Vụ mùa khi cấy thường gặp nắng nóng, đến tháng 7, tháng 8 âm lịch lại thường gặp mưa bão, lụt lội nên dễ bị thất bát.

Các giống lúa trước đây chủ yếu là giống lúa cổ truyền như lúa dế, lúa chấu, lúa lóc, tám xoan, hương di, lúa nếp râu, nếp cái hoa vàng..., phần nhiều là giống lúa dài ngày, thân cao, năng suất thấp. Cho đến trước Cách mạng tháng Tám 1945 năng suất lúa chiêm cao nhất cũng chỉ khoảng 60-70kg/sào (18-20 tạ/ha), còn vụ mùa năng suất thường cao hơn, nhưng nếu gặp bão, lụt thì năng suất có thể chỉ còn 30-40kg/sào. Từ giữa những năm 60 trở đi, khi

phong trào thủy lợi và cải tiến kỹ thuật nông nghiệp phát triển mạnh thì các giống lúa mới ngắn ngày, năng suất cao hơn đã được đưa vào sản xuất rộng rãi như giống chân trâu lùn, bao thai, mộc tuyền... Cùng với việc cải tạo đồng ruộng, mở rộng diện tích, chủ động tưới tiêu nước, cải tiến kỹ thuật làm đất, kỹ thuật cấy lúa và sử dụng các loại phân bón hóa học đã làm cho năng suất lúa ngày một nâng cao. Hiện nay các loại giống lúa và cơ cấu mùa vụ gieo trồng cũng đã có những thay đổi đáng kể cùng với việc áp dụng ngày càng nhiều các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hiện nay, vụ lúa đông xuân ở Văn Lâm có 90% diện tích được cấy bằng giống lúa xuân muộn, mà nền với các giống lúa lai, lúa thuần Trung Quốc có năng suất cao. Vụ lúa mùa cũng có tới 90% diện tích cấy lúa mùa sớm và lúa mùa trung bằng các giống lúa ngắn ngày, lúa lai năng suất cao để phát triển sản xuất vụ đông.

Quen cảnh sống trong vùng chiêm trũng nhiều đời, những người nông dân Văn Lâm đã nhận thức được những khó khăn mà thiên nhiên tác động đến cho một cộng đồng trồng lúa nước. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, họ đã rút ra những kinh nghiệm gieo trồng phù hợp với đồng chiêm trũng, nên ở đây dân thường cấy giống lúa cây cao, thân cứng, chịu được nước như dẻ thanh, cút, tám, nếp chiêm..... Trong những chân ruộng này người dân đã rút kinh nghiệm phải cấy sớm, *“phân gio không bằng cấy mò tháng sáu”*. Để cấy mò được người dân phải cắm vè (vè là một cành tre cắm xuống ruộng đánh dấu đường cấy), nếu không cấy sớm thì đến mùa khô ruộng sẽ khô cứng, rất khó cấy bừa.

Bên cạnh việc trồng lúa, trước đây ở Văn Lâm người dân còn trồng một số loại cây lương thực khác như khoai lang, sắn, dong riềng, củ từ, khoai sọ, v.v... Sản phẩm của các loại cây này có thể được dùng trong bữa ăn hàng ngày, bổ sung cho gạo. Trong những năm mất mùa hay những vụ lúa giáp hạt, khoai lang, sắn, dong riềng trở thành nguồn lương thực quan trọng.

Mỗi gia đình ở Văn Lâm là một đơn vị sản xuất nông nghiệp, trong đó trồng trọt và chăn nuôi kết hợp chặt chẽ với nhau. Cây lúa là chủ yếu, chăn nuôi là phụ. Ngoài ra, mỗi gia đình đều có khu vườn trồng các loại cây rau, củ, quả phục vụ đời sống hàng ngày. Một số hộ gia đình còn đào ao để nuôi cá hoặc trồng rau muống, rau cần.

1.2.2.2. Kinh tế thủ công nghiệp

Theo lời kể của những người cao tuổi trong làng, năm 1285 khi nhà Trần đến Văn Lâm (hành cung Vũ Lâm), bà Trần Thị Dung (vợ của Thái sư Trần Thủ Độ) đã truyền dạy nghề thêu cho người dân ở vùng đất này. Đến giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông, khi nhà Trần trở lại Thăng Long thì nghề thêu dần dần bị mai một.

Nghề thêu ren xuất hiện ở Văn Lâm khoảng gần 100 năm trước. Vào năm 1928 gia đình cụ Đình Xuân Tuyềnh tuy làm nghề thuốc nam ở xóm Tam Bằng (nay là đội 3 thôn Văn Lâm) nhưng vẫn đói khổ nên cụ phải bán đi ba sào ruộng tư điền, một sào đất thổ cư và cô con gái Đình Thị Tánh làm con nuôi cho một gia đình ở Hà Nội để lấy tiền cho hai người con trai là Đình Xuân Hênh và Đình Xuân Xoang đi học nghề thêu ren. Sau ba năm học được nghề hai ông về làng truyền dạy nghề cho bà con. Lúc đầu chỉ có ít người theo học, sau dần tiến tới cả làng làm thêu. Để ghi nhớ công lao của các ông, hàng năm người dân thôn Văn Lâm vẫn tổ chức cúng giỗ [5, tr.66].

Thời Pháp thuộc sản phẩm của làng thêu Văn Lâm được bán ở khắp cả nước và xuất khẩu sang Pháp. Một số khách sạn do người Pháp xây dựng cũng sử dụng sản phẩm thêu ren Văn Lâm. Người Pháp còn dán nhãn Venice, một thương hiệu thêu ren nổi tiếng của Italia lên sản phẩm Văn Lâm nhằm thu hút khách hàng. Tuy nhiên nghề thêu ren thời kỳ này bị thu hẹp do những khó khăn của thời chiến. Năm 1954 khi hòa bình lập lại ở miền Bắc nghề thêu

ren cũng được phục hồi. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, nghề thêu được mở rộng ra khắp các xã của huyện Hoa Lư. Tuy nhiên cho đến nay làng Văn Lâm, vốn được coi là cái nôi sản sinh nghề thêu ren ở Hoa Lư, vẫn là nơi có nghề thêu ren phát triển nhất. Nghề thêu ren ở đây được truyền từ đời này sang đời khác và người dân Văn Lâm làm quen với nghề từ khi còn nhỏ. Ông bà và cha mẹ thường rất quan tâm đến việc truyền dạy nghề cho con cháu. Trước đây phụ nữ làng Văn Lâm khi kết hôn với người ngoài làng vẫn mang theo khung thêu về nhà chồng. Họ vẫn duy trì nghề thêu để kiếm sống trong những lúc nông nhàn.

Năm 1960 hợp tác xã Sao Vàng (Văn Lâm) được thành lập đã đứng ra tổ chức quản lý việc nhận hàng của Ngoại thương Ninh Bình về cho xã viên làm, đến cuối mùa chia tiền cho họ theo điểm. Trong cơ chế bao cấp, quy trình sản xuất thêu của Văn Lâm phải tuân thủ chặt chẽ quy định của ban quản lý hợp tác xã về mẫu mã, kiểu cách. Hợp tác xã giao hàng đúng kỳ hạn cho các cơ quan có đặc quyền xuất khẩu, với giá do nhà nước quy định (thường là rất thấp). Ngày công của người thợ làm ra những sản phẩm thủ công hết sức tinh xảo chỉ xấp xỉ ngày công cày cấy (0.5 - 1kg thóc/công) [16, tr.295].

Trong cơ chế quan liêu bao cấp, người thợ thêu Văn Lâm gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Họ phải bán sản phẩm cho nhà nước với giá thấp và không có quyền tự xuất khẩu trong khi việc tiêu thụ sản phẩm trong nước cũng gặp khó khăn do thêu ren vốn là mặt hàng cao cấp.

Trải qua bao thăng trầm cho đến nay nghề thêu Văn Lâm vẫn khẳng định được vị thế của mình trong việc nâng cao thu nhập, tạo việc làm cho nhân dân trong và ngoài làng. Trong cơ chế thị trường nghề thêu ren truyền thống đã sống dậy và đứng vững. Sản phẩm của làng được xuất sang thị trường Tây Âu và một số nước châu Á. Từ đây đời sống của nhân dân dần

được nâng lên, hội trường hợp tác xã được thành lập, trạm truyền thanh được xây dựng. Ở Văn Lâm có nhiều gia đình làm nghề thêu ren lâu đời, tiêu biểu là gia đình cụ Đình Ngọc Quân. Cụ Quân là một trong ba nghệ nhân giỏi nhất của làng. Tuy mắt cụ đã kém nhưng cụ vẫn hướng dẫn con cháu thực hiện các mẫu thêu mới. Bên cạnh những hộ gia đình làm thêu ở Văn Lâm còn xuất hiện những doanh nghiệp vừa và nhỏ đứng ra sản xuất, thu mua sản phẩm thêu và xuất khẩu.

1.2.2.3. Kinh tế khai thác thủy sản

Bên cạnh nghề trồng lúa nước và nghề thêu ren truyền thống thì người dân Văn Lâm còn tổ chức khai thác thủy sản phục vụ cho đời sống. Vì vậy, nhân dân ở đây và một số vùng đồng chiêm vẫn truyền nhau những câu ca nói về nghề đánh bắt như sau:

Hỡi cô kéo vó bên đồng,
 Cô đi lấy chồng vó lại để không?
 Lấy chồng em vẫn vó vòng
 Được tôm, được tép nuôi chồng, nuôi con.

Người dân Văn Lâm khai thác các nguồn lợi thủy sản tự nhiên bằng những công cụ đánh bắt truyền thống rất có hiệu quả. Những công cụ đánh bắt đó luôn được cải tiến để phù hợp với điều kiện, cung cách và quy mô đánh bắt như vó, nơm, cụp, giậm, lưới, đăng, đó, câu chì, v.v... Nhìn chung quy mô đánh bắt, khai thác thủy sản ở nơi đây nhỏ lẻ, chủ yếu phục vụ cho đời sống hàng ngày của mỗi gia đình. Do đó, khai thác thủy sản không được coi là một nghề mang lại thu nhập chính nhưng nó góp phần làm cho đời sống của người dân đỡ vất vả, đói nghèo.

Với mỗi loại thủy sản lại có những kỹ thuật và công cụ đánh bắt phù hợp với từng địa hình và thời tiết khác nhau. Vào tháng tám, tháng chín âm lịch người dân thường bắt cá rô đồng vì khi đó cá rô béo và ngon. Để bắt cá

rô ở bờ ruộng, bờ mương thường phải đào bực và dùng rô súc. Cách làm bực khá đơn giản. Lấy xẻng đào vào bờ ruộng, bờ mương cái hố có chiều rộng 30 đến 35 phân, sâu vào trong bờ 40 đến 45 phân, sâu xuống dưới bằng mặt ruộng, phía trong hơi lõm xuống. Cái hố như thế được gọi là bực, khoảng cách từ bực nọ đến bực kia từ 10 đến 15 mét. Sau đó dùng rô mau (nan nhỏ, thoáng, sâu) súc chặn cửa bực để bắt cá, cách này gọi là đánh bực. Trước khi đánh bực cần phải làm mồi bực. Mồi bực là cám được rang vàng rồi đem trộn đều và nhuyển với mỡ cho có mùi thơm. Bỏ mồi lần lượt vào các bực đã chuẩn bị để cá vào ăn mồi. Sau khi bỏ hết mồi vào các bực thì quay trở lại bực bỏ mồi đầu tiên để đánh cá. Khi đánh người đánh phải đi nhanh, dùng rô chặn cửa bực, rô hơi ngửa ra phía sau, dùng chân hoặc tay để khua, đuổi phía trong bực để cá, cua chạy ra rô. Vào những ngày có mưa thì đánh bực được nhiều cá rô và cua.

Vào mùa hè, mùa thu người dân Văn Lâm thường đi câu ếch ở các ao bèo cái, bèo tấm, các bụi cây thấp ven ao. Ếch là loại thực phẩm dân dã nhưng thơm ngon, vì vậy nó thường được ví như “gà rừng”. Để câu được ếch người ta thường sử dụng cần câu đơn. Cần câu đơn gồm cây cần (được làm từ cây hóp nhỏ thon, thẳng, dài từ 4-6m), dây câu và lưỡi câu có ngạnh (phần thép cắt ra từ thân của lưỡi câu, bắt chéo một góc khoảng 35^0). Mồi câu ếch có hai loại: mồi nhử và mồi bắt. Vì ếch là loài rất thích màu sắc sặc sỡ nên người đi câu phải dùng các loại hoa màu đỏ như dâm bụt, mào gà để làm mồi nhử ếch ra khỏi chỗ ẩn nấp. Mồi bắt là ngóe hoặc nhái đóng vào lưỡi câu. Mồi nhử đặt vào phần cước trên lưỡi câu, quăng kéo rê trên mặt nước. Khi ếch ra khỏi chỗ ẩn nấp thì gỡ mồi nhử ra và ném mồi bắt cho ếch ăn. Khi ếch nuốt mồi là lúc người câu giật lên, lưỡi câu đóng vào hàm ếch.

Vào những chiều nước lên (mùa hè) thì người dân thường đi đánh giậm cá ở các bờ sông hoặc đánh cá, tôm ở các ruộng, ao, đầm. Giậm dùng để

đánh cua, cáy, cào tôm tép không cần dùng đến cọc và hom nhưng lại có “bầm bập” (có nơi gọi là cái “dọa”). Bầm bập được làm từ một đoạn luồng dài bằng miệng giậm, đường kính khoảng 10 phân, chẻ bỏ khoảng 1/3 cây; hai đầu đục lỗ để lắp tay cầm (buộc bằng dây mây hoặc dây thép) để mang, nhấc, điều chỉnh hướng của bầm bập. Bầm bập có công dụng khua động đuôi tôm, cua, cá về phía giậm. Người đánh giậm một tay cầm cán giậm đưa ra phía trước mặt chừng hơn một mét, từ từ ấn mạnh tay, dìm cái giậm xuống đáy nước. Tay kia cầm dây quai cái bầm bập đồng thời đặt chân lên thân bầm bập dận, lần lần nhích dần về phía miệng giậm. Tay cầm cán giậm kéo nhanh miệng giậm ngửa ra trên mặt nước, dùng tay kia kéo giậm lên khỏi mặt nước. Vì vậy, người đồng chiêm ở Văn Lâm vẫn hát rằng:

Lấy anh thì sướng hơn vua
Anh đi đánh giậm được cua kênh càng
Dem về nấu nấu rang rang
Ăn vào mát ruột lại càng hơn vua.

Tại những thửa ruộng đồng chiêm ở Văn Lâm xưa thường có nhiều tép. Tép thường được người dân đem làm mồi để ăn quanh năm. Để đánh bắt tép người ta dùng vó, một trong những công cụ thủ công truyền thống lâu đời. Vó tép có hai bộ phận chính: gọng vó và lưới vó. Gọng vó làm bằng tre. Cây tre cắt khúc dài khoảng 1,2m, chẻ thành nhiều thanh có bản rộng 1,2cm rồi vót và uốn thành gọng vó. Lưới vó làm bằng vải màn (vó tép thường nhỏ hơn vó tôm). Người dân Văn Lâm thường kéo vó tép ở ruộng hoặc ven ao hồ vào buổi sáng sớm hoặc chiều mát. Mồi kéo tép cũng bằng cám rang.

Để đánh bắt một số loại cá nước ngọt người dân còn dùng lò bóng, một dụng cụ đánh bắt khá phổ biến và hiệu quả ở các trạng thái thời tiết, địa hình và mức nước. Khi trời mưa to gió lớn, nước tràn bờ thì đặt lò sát bờ đón bắt những chú cá đang tìm cách trốn đi; hiu hiu se lạnh gió mùa, nước dấp dề

mặt ruộng, cá rô, cá trê, cá quả căng da muốn tìm nơi nước sâu, bụi rậm ẩn trú thì lờ được đặt ở máng nước, bờ mương, bờ ao, ngòi; mùa đông giá lạnh, lờ được giấu ở cửa hầm nơi góc bụi cây, hoặc sau bụi bèo bông, lùm cỏ, v.v... vì cá từ nơi trú ẩn sẽ ra ngoài tìm chút ánh sáng và khí trời sau những ngày ẩn mình trong bóng tối. Lờ bóng được đan bằng tre. Tre già được chẻ thành nan, vót cho bóng, đan khoanh hình lục giác thành ống, một đầu lồm vào, để cửa cài hom lờ thành thân lờ; đầu kia đan phen hình lục giác (đan riêng), vanh tròn bằng miệng ống, để cửa cài hom rồi ghép với thân lờ.

Bên cạnh việc sử dụng thành thạo những công cụ đánh bắt thủy sản truyền thống thì người Văn Lâm còn truyền dạy cho nhau những kinh nghiệm đánh bắt rất hiệu quả và đơn giản. Trước hết là kinh nghiệm chọn vũng tát cá dựa theo mùa, theo thời tiết và đặc tính của từng loại cá. Vào mùa nắng ấm cá thường hoạt động mạnh mẽ để săn mồi, nô đùa nên vũng nước thường có màu vẩn đục theo nhiều dạng luồng khác nhau. Những vũng nước đục nhưng không có dạng luồng vẩn cuộn chỉ có cá nhỏ với số lượng ít. Mùa đông cá hoạt động ít hơn mùa hè và những ngày giá rét chúng thường tìm nơi trú ngụ nên việc chọn vũng tát không chỉ căn cứ vào màu nước mà còn phải căn cứ vào vị trí của vũng nước. Nếu vũng nước nằm ở nơi khuất gió, có nhiều bèo bông nhưng không quá tăm tối và ở gần khu vực nhiều mồi ăn thì vũng nước đó có nhiều cá. Bên cạnh đó là kinh nghiệm đánh bắt thủy sản theo thời gian “tôm chạng vạng, cá rạng đông” (chạng vạng thì đặt đó tôm, tép; rạng đông thì giăng đăng, lưới, cất vó, đặt đó, câu, v.v... bắt cá). Ngoài ra dân làng còn truyền nhau cách dùng lá sắn bắt ốc nhồi. Người dân thường bó thân và lá sắn thành từng bó nhỏ rồi thả xuống khu vực có ốc. Thời gian thả cây sắn vào buổi chiều, sáng ra đi thu gom ốc. Cho đến khi cây lá sắn bị ăn hoặc rữa hết thì thay cây mới. Ốc nhồi thường tìm đến ăn và bám chặt vào cây sắn, người dân chỉ việc nhấc cây khỏi mặt nước và thu nhặt ốc mang về.

Tiểu kết chương 1

Văn Lâm nằm ở phía Nam cổ đô Hoa Lư thuộc tổng Vũ Lâm thời Nguyễn, từng có hành cung Vũ Lâm do vua Trần Thái Tông thiết lập làm căn cứ phòng thủ bảo vệ Thiên Trường và cửa ngõ phía Nam Thăng Long. Nơi đây có địa thế hiểm trở, nhưng được con người khai phá phát triển thành làng xã với nghề thêu truyền thống, với các hoạt động văn hóa đặc sắc, là cơ sở hình thành văn hóa truyền thống làng xã.

Làng Văn Lâm được hình thành trong những điều kiện địa lý - lịch sử - xã hội nhất định, do đó Văn Lâm mang những sắc thái văn hóa của một làng quê vùng châu thổ Bắc Bộ nói chung và những sắc thái văn hóa của một làng vùng đồng bằng chiêm trũng nói riêng. Đó là vùng đất trũng trên địa hình Karst được hình thành trong suốt quá trình kiến tạo địa chất của trái đất, cùng với thời gian quá trình kiến tạo ổn định kéo theo sự tụ cư của con người. Sự ra đời của hành cung Vũ Lâm thời nhà Trần có ý nghĩa quan trọng, đây được coi như một dấu mốc lịch sử đánh dấu sự ra đời của làng Văn Lâm.

Kinh tế của Văn Lâm trước đây dựa trên ba yếu tố chủ yếu là kinh tế nông nghiệp, kinh tế thủ công nghiệp và kinh tế khai thác thủy sản, trong đó nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo. Việc canh tác nông nghiệp lúa nước ở đây chịu sự chi phối của địa hình khá rõ rệt, đó là sự chia cắt diện tích canh tác bởi những dãy núi đá vôi và hệ thống hang động xuyên thủy. Vì vậy, ở Văn Lâm có $\frac{1}{2}$ diện tích ruộng chỉ canh tác được vụ lúa chiêm. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của nghề thêu, nghề thủ công truyền thống của Văn Lâm. Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử nghề thêu ren Văn Lâm tính đến nay đã có gần 100 năm tuổi. Đây là nghề mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho người dân. Ngoài hai yếu tố kinh tế kể trên thì khai thác thủy sản cũng là một bộ phận cấu thành nên diện mạo kinh tế của làng. Nhân dân Văn Lâm còn lưu truyền nhiều kinh nghiệm quý trong việc đánh bắt thủy sản cũng như cách thức chế tạo công cụ đánh bắt.

Chương 2

DIỆN MẠO VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG LÀNG VĂN LÂM

2.1. Văn hóa vật thể

2.1.1. Hệ thống di tích thờ tự

2.1.1.1. Đình Các

Theo sách “*Thái Vi quốc tế ngọc ký*” thì trước thời Trần vùng này dân cư còn ở thưa thớt thành các chòm xóm gọi là Ô Lâm (rừng Quạ). Khi Trần Thái Tông đến đây khẩn hoang, lập làng thì vùng đất có di tích này thuộc lộ Trường Yên (sau đổi thành trấn Trường Yên). Theo “*Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên*” (Nguyễn Tử Mẫn), thì năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), khi phủ kiêm huyện Yên Khánh được thành lập thì di tích thuộc xã Văn Lâm, tổng Vũ Lâm, tỉnh Ninh Bình.

Đình nằm ở phía Tây Bắc thôn Văn Lâm trên một khu đất cạnh mình con sông. Theo nhân dân địa phương thì con đường chạy qua trước cửa đình là thân sông, đuôi sông ở tận đò Ba Vương, đầu sông ở đền Thái Vi còn đình Các ở giữa. Đình quay hướng Nam trông ra hồ bán nguyệt, là nơi tụ thủy, tụ phúc, hai bên có hai cây đa cổ thụ [9, tr.33].

Tương truyền, đình được khởi dựng từ thời Trần, cùng thời gian xây dựng hành cung Vũ Lâm. Đây là nơi các quan văn võ tập trung sửa áo mũ trước khi vào am Thái Vi tiếp kiến các vua Trần. Trải qua thời gian và chiến tranh tàn phá, ngôi đình từ thời Trần, thời Lê không còn nữa. Đến thời Nguyễn nhân dân mới dựng lại đình như ngày nay nhưng vẫn có bóng dáng của kiến trúc thời Hậu Lê. Thời kháng chiến chống Pháp, giặc Pháp vào đình phá vỡ hết đồ thờ, khi hòa bình lập lại, nhân dân địa phương mới khôi phục lại, đảo ngôi đình, trồng cây xung quanh.

Đình có dáng thấp, đao cong, cổ kính với kiến trúc kiểu chữ Nhất, không có chuỗi vồ. Đây là một ngôi đình cổ, chỉ có một tòa Đại Đình, năm gian, bốn hàng chân cột bằng gỗ lim, tường được xây bằng đá với kích thước dài 40cm, hai bên đốc có bốn cột đá trụ vuông (25cm*25cm) đỡ mái. Vì kèo kiểu chồng rường, hoành vuông, ngói vẩy. Hai vì giữa các mảng chồng rường được trang trí theo mô típ tứ linh: long, ly, quy, phượng. Các con rường được tạo hình rồng. Bốn chiếc bẩy cũng được chạm rồng rất mềm mại. Hai đầu hồi là hai kẻ góc, đỡ bốn đao cong cổ kính.

Gian giữa đình thờ vọng Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Hiền Từ Hoàng Thái Hậu. Phía trước có ban thờ Linh Các Đại Vương, tương truyền là vị tướng trấn giữ nơi đây. Hai gian bên thờ thổ thần của giáp Các và giáp Cật. Phía sau đình là con đường dẫn vào đền Thái Vi. Gian giữa trước kia được trang trí như một long cung, nay mới được khôi phục.

Nhân dân địa phương mới khôi phục lại toàn bộ đồ thờ tự trong đình vốn đã bị giặc phá hết trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Hiện nay trong đình còn lưu giữ được hai tấm bia cổ là Đại Các đình thạch bi và Đông Giáp tân bình thạch bi nói về việc tu sửa đình.

Hàng năm đình Các có các ngày lễ sau:

Ba ngày tết nguyên đán mở cửa đình để dân làng vào thắp hương

Ngày 15/3 âm lịch là chính hội

Ngày 5/6 lễ cơm mới

Ngày 15/7 lễ Xá tội vong nhân

Ngày 15/8 tết Trung thu

Ngày 15/10 lễ cơm mới

Đáng chú ý nhất là ngày 15/3 là hội đền Thái Vi, lễ hội đền làng thuộc tổng Vũ Lâm xưa. Ngay từ ngày 14/3 nhân dân Văn Lâm đã mở cửa đền,

rước bát hương Thánh ra đình Các. Sáng ngày 15/3 các làng của tổng Vũ Lâm xưa như: Khê Đầu Thượng, Khê Đầu Hạ, Xuân Áng, Khả Lương, Hành Cung, Hạ Trạo, Tuân Cáo, làng Dầu đều rước kiệu về đình để tế các vua Trần. Sau khi tế xong thì tổ chức các trò chơi dân gian như múa rồng, múa lân, đu quay, hát chèo, tam cúc, tổ tôm, v.v...

2.1.1.2. Đền Thái Vi

Đền Thái Vi thuộc địa phận thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Từ bến đò Tam Cốc, rẽ sang phía tay phải là đến cổng chào vào đền Thái Vi. Đi khoảng 1km trên đoạn đường đất nhỏ sẽ thấy ngôi đền thấp thoáng sau những hàng cây rậm rạp. Nếu xuôi dòng theo sông Ngô Đồng, đến cổng Rồng bắc ngang qua sông (dài 2.8m, làm bằng đá và chạm hình đầu rồng), đi bộ khoảng 300m về phía tay trái cũng sẽ đến đền Thái Vi.

Ngôi đền quay về hướng Nam vì hướng Nam là hướng của đế vương, của thánh nhân, của sự sang quý, đồng thời cũng là biểu trưng cho sự oai phong của các vị vua nhà Trần khi được thờ cúng tại đây. Ba mặt Đông, Tây, Bắc của đền đều có núi đá cao sừng sững bao quanh còn mặt phía Nam không có núi chắn nhưng lại có sông Ngô Đồng chảy qua.

Vị trí tọa lạc của đền Thái Vi rất phù hợp với tiêu chuẩn phong thủy nói chung của đền, chùa Việt Nam, đặc biệt là trong việc chọn tiền án, hậu chẩm và hai bên tả hữu.

Tiền án của ngôi đền chính là địa hình, địa vật án ngữ, che chắn và bảo vệ phía trước mặt. Vật che chắn thường được chọn là núi, đồi, gò, đồng, hòn giả sơn, bức bình phong hoặc có thể là hồ, ao, đầm nước để cân bằng âm - dương theo quan niệm “tụ thủy”. Ngoài ra, tiền án cũng có thể là minh đường - con đường dẫn tới đền nhưng không đâm thẳng vào di tích mà từ bên phải hoặc bên trái rẽ vào. Tiền án của đền Thái Vi có tất cả những yếu tố này.

“Toàn bộ phía trước mặt đền là cánh đồng của người dân thôn Văn Lâm xã Ninh Hải, bên cạnh có dòng sông Ngô Đồng chảy qua” [10, tr.65]. Trước cổng đền đặt giếng Ngọc tạo nên sự cân bằng âm - dương. Minh đường không dẫn thẳng đến đền mà rẽ sang phía bên trái để tới cổng đền.

Hậu chảm là vùng đất phía sau đền. Đền Thái Vi có hậu chảm là núi Cẩm Sơn, thế núi cao, vững chắc để làm chỗ dựa cho ngôi đền. Hai bên tả hữu của đền là các núi đồi, các roi đất có hướng châu về di tích theo quan niệm “tả thanh long, hữu bạch hổ”.

Lịch sử xây dựng và trùng tu

Bảo tàng Ninh Bình hiện còn lưu giữ được sách “*Thái Vi quốc tế ngọc ký*” viết bằng chữ Hán, soạn năm Cảnh Trị thứ 5 (1667), đời vua Lê Huyền Tông (1662 - 1671), sao lại năm Bảo Đại thứ 3 (1928), trong tập “Trần Gia Ngọc Phả” cho biết: sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ nhất (1258), vua Trần Thái Tông tròn 40 tuổi, nhường ngôi cho con là thái tử Hoảng rồi lên làm Thái Thượng Hoàng, về vùng núi Vũ Lâm tu hành, dựng Hành Cung Vũ Lâm. Vùng núi Vũ Lâm ngày xưa, nay là thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Cũng theo sách này ghi lại: “Một ngày đến An Khang thuộc địa giới Vũ Lâm, nhìn thấy núi non quanh quần, trùng ngôi liền ngọn, giữa có nham động, trong có ba hang, ruộng đất rộng vài ba mươi mẫu, ngoài có một dải sông nhỏ gọi là sông Ngô Đồng chảy xuyên vào trong động. Thái Tông cùng thị thần lên thuyền, dõng sông chở vào qua lại ba hang tám tắc khen ngợi phong cảnh sơn thủy hữu tình.” Vì vậy lúc đầu, Thái Thượng Hoàng cho dựng một am nhỏ tại chỗ đất cao dưới chân núi phía Đông, bên sông Ngô Đồng ở phía trong hang Cả. Nhưng khi thấy đất nơi đây chật hẹp, lầy lội; là nơi hang cùng núi thẳm, đường lối xa cách, vua cho chuyển am ra động Vũ Lâm (một thung lũng rộng khoảng 20 mẫu, nằm ở phía Tây thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư ngày nay), dựng am Thái Vi

ở đất Triều cũ để thờ Phật và Tam Thanh Thượng Đế. Vì ngài nhận thấy tại nơi này có một ngọn núi nhỏ ở giữa, xa có 9 ngọn núi lớn giống như 9 con rồng châu hồn ngọc, tạo thành thế “cửu long tranh châu”. Được một thời gian, trong lần tuần du văn cảnh và đứng trên đỉnh núi cao, nhìn bao quát toàn vùng, khi nhìn xuống vùng đất là nơi đặt đền Thái Vi ngày nay, ngài đã nhận thấy: trên khu đất có hình đầu rồng, lại có hai giếng song song như tai rồng, hai ao đối nhau như mắt rồng, lại có giếng phía trước hình mũi rồng vì vậy mà người đời thường gọi là “Rồng thần ra động”. Vua Trần Thái Tông đã truyền bảo rằng: “vùng đất này mới chính là nơi đất thánh địa linh nhân kiệt, không thể có nơi thứ hai linh thiêng hơn để lập đền”. Thế nên, Trần Thái Tông lại chuyển am một lần nữa. Ngài cho phu dẫn gỗ dựng am Thái Vi ngay trên mảnh đất hình “đầu rồng” này.

Đến năm 1273 nhân dân thôn Văn Lâm đã cho xây dựng đền Thái Vi dựa trên nền am Thái Vi xưa.

Năm 1288 cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông kết thúc, đất nước sạch bóng quân thù. Vua Trần (lúc này là Trần Nhân Tông) đã rời am Thái Vi, lên Yên Tử (Quảng Ninh) làm một vị đầu đà, sáng lập ra Trúc Lâm tông phái. Mặc dù thời gian ở lại hành cung Vũ Lâm không lâu nhưng các vua Trần đã ghi dấu ở nơi đây biết bao công lao to lớn: chiêu dân lập ấp, đánh tan quân xâm lược bảo vệ dân làng. Vì vậy, để bày tỏ tấm lòng biết ơn và nhớ thương sâu sắc đến các vua Trần, khi họ mất, nhân dân thôn Văn Lâm đã lấy đền Thái Vi làm nơi thờ cúng và tưởng niệm. Gọi là Thái Vi, chính vì đó là nơi hoàng đế nhà Trần xuất gia.

Đời Hậu Lê, đền Thái Vi bị hư hỏng rất nhiều. Tấm bia dựng năm Bảo Đại thứ nhất (1926) ở đền cho biết, nhân dân xã Ô Lâm đã tu sửa lại đền. Nhân dân địa phương còn lưu truyền, đền Thái Vi xưa thấp, mái cong, nguy nga đẹp đẽ.

Năm Ất Sửu đời vua Lê Thế Tông, niên hiệu Quang Hưng (1589), gặp phải nạn lụt lớn, nhân dân thôn tiếp tục phải xây dựng lại ngôi đền.

Đến năm Hoàng Định thứ 5 (1604), đời vua Lê Kính Tông (1600-1619), người dân thôn Văn Lâm đã sửa lại đường đi và cầu dẫn vào đền Thái Vi. Công việc này đã được khắc ghi vào vách núi:

Đền Thái Vi chôn bông lai tiên cảnh. Nơi đây có giếng vàng chứa bạch ngọc nên nước giếng bốn mùa trong vắt như gương. Ngô Giang nước biếc, cầu đá sóng vờn. Làm con đường này, bắc con cầu này để đưa mặc khách tao nhân vào thăm tiên cảnh, để các quan tiện việc tế lễ, để nông phu tiện cày cấy canh tác [4, tr.25].

Cũng chính vì vậy mà đền Thái Vi thời đó đã được tế lễ thường xuyên và trở thành một điểm tham quan đầy hấp dẫn.

Năm Giáp Ngọ (1714), trước tình trạng ngôi đền bị đổ nát nhiều, nhân dân xã Ô Lâm đã quyên tiền tu sửa lại thượng điện (chính tẩm), cột hoành bằng gỗ lim, trên lợp ngói ống.

Sang thời Nguyễn, năm Thành Thái thứ năm (1893), đền được trùng tu lại với quy mô lớn hơn, khang trang hơn.

Năm Ất Sửu (1925), đền Thái Vi lại được tu sửa thành 3 toà: toà thứ nhất 5 gian, toà thứ hai ba gian, toà thứ ba 5 gian. Tất cả đều được làm bằng gỗ lim và cột đá, có chạm khắc, tường xây gạch. Phía ngoài xây thêm ngũ môn, cũng làm từ những cột đá để tăng thêm phần trang nghiêm của đền.

Năm Bính Dần (1926), đền Thái Vi cũng được nhân dân tu sửa thêm một vài lần nữa và hoàn chỉnh như ngày nay.

Đền Thái Vi là nơi thờ bốn đời vua nhà Trần: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông. Đặc biệt, người dân ở đây tỏ lòng thương nhớ sâu sắc tới vua Trần Thái Tông - người đã về đây chiêu

dân, lập ấp, xây dựng khu căn cứ địa Văn Lâm làm hậu cứ để chống giặc Nguyên Mông lần thứ hai vào năm 1285.

Cùng với việc thờ cúng 4 vị vua đời Trần, đền Thái Vi còn thờ Hiền Từ Hoàng Thái Hậu, Đức Thái Tổ Trần Thừa và hai vị tướng tài ba đời nhà Trần là Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn và Đức Chiêu Minh Vương Thái Sư Trần Quang Khải. Ngoài ra, đền còn đặt ban thờ hội đồng quan văn, quan võ, Nam Tào, Bắc Đẩu cùng công đồng các quan.

Các giá trị lịch sử - văn hoá đền Thái Vi

Đền Thái Vi là nơi ghi dấu tích của Vua Trần Thái Tông - người đã về đây chiêu dân lập ấp, xây dựng khu căn cứ địa Văn Lâm làm hậu cứ chống giặc Nguyên Mông lần thứ hai.

Theo sử sách ghi lại, năm 1258, đế quốc Mông Cổ đem quân đánh chiếm Đại Việt lần thứ nhất. Mặc dù số lượng quân Nguyên Mông đông đảo nhưng cuộc chiến này đã kết thúc với chiến thắng của nước Đại Việt, ghi dấu công lao của vua Trần Thái Tông trong việc lãnh đạo quân dân chiến đấu chống quân Nguyên Mông. Cũng sau cuộc kháng chiến này, vua Trần Thái Tông nhường ngôi cho con là thái tử Trần Hoảng (Trần Thánh Tông) rồi lên làm Thái Thượng Hoàng, về vùng núi Vũ Lâm tu hành, dựng hành cung Vũ Lâm. Đến đây, Trần Thái Tông cho xây một am nhỏ tại chỗ đất cao dưới chân núi phía đông bên sông Ngô Đồng. Nhưng sau một thời gian, thấy ở đó chật hẹp, vua cho chuyển am ra động Vũ Lâm dựng am Thái Vi mới.

Động Vũ Lâm có ba mặt là núi đá cao sừng sững bao quanh, mặt còn lại có sông Ngô Đồng chảy vào và một đường bộ men theo dòng sông đó. Vì vậy, đây là một vị trí hoàn toàn kín đáo, mang tính chất của một công trình phòng ngự, địch khó có thể phát hiện ra. Đồng thời từ vị trí này (cách Thăng Long hơn 100 km), giao thông thủy, bộ đều rất thuận tiện. Như vậy, việc chọn

động Vũ Lâm, làm hậu cứ chỉ đạo cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của vua Trần Thái Tông là rất khoa học. Vận dụng tài năng thao lược cũng như óc quan sát nhạy bén, ông phân tích địa thế cũng như các tuyến giao thông ra vào, biến nơi đây trở thành một vị trí thuận lợi cho việc phòng thủ và tấn công địch.

Bên cạnh việc xây dựng hậu cứ, vua Trần Thái Tông còn thiết lập một hệ thống trạm gác rất kiên cố và cẩn mật để kiểm soát những ai ra, vào am Thái Vi (như trạm gác Tuân Cáo, Cửa Quan, Gò Mung). Các trạm gác này liên hoàn và chặt chẽ với nhau nhằm giúp cho am Thái Vi được bảo vệ chắc chắn nhất. Ngoài ra, khi đến thôn Văn Lâm, nhà vua còn chọn cánh đồng Trường Thi làm nơi luyện quân và thi võ của quân sĩ thời Trần; đào tạo một đội quân tinh nhuệ để phục vụ cho cuộc kháng chiến.

Ngày 18 tháng 2 năm 1285, quân ta giao chiến với quân địch trên bờ Bắc sông Hồng sau đó triều đình và toàn bộ quân dân phải rút khỏi Thăng Long để trống kinh thành. Vì vậy, Thoát Hoan không dám đóng quân trong thành mà rút lui ra bờ Bắc sông Hồng. Một cánh quân thứ ba của giặc từ Vân Nam tiến xuống nước ta. Trần Nhật Duật sau khi giao chiến với giặc, rút lui bảo toàn lực lượng về hội quân với vua Trần. Thoát Hoan cho quân truy đuổi quân ta. Trần Bình Trọng cản giặc ở bãi Đà Mạc không may sa vào tay giặc. Quân ta khi đó phải rút lui về phủ Thiên Trường (Nam Định) và phủ Trường Yên (Ninh Bình). Toa Đô lại từ phía Nam tiến quân qua Thanh Hoá và đóng đô tại phủ Trường Yên, cho một bộ phận ra hội với quân Thoát Hoan. Ngày 7 tháng 6 năm 1285, vua Trần kéo quân từ Thanh Hoá ra đánh bại quân giặc ở phủ Trường Yên. Với thắng lợi này, tác giả Lã Đăng Bật đã nhận định trong “*Đất Tam Cốc Bích Động*” (2004): “Rất có thể, khi quân ta lui quân về phủ Trường Yên chiến đấu, chiến thắng tiêu diệt quân giặc ở đó đã có công sức của hành cung Vũ Lâm và hậu cứ kháng chiến do Trần Thái Tông xây dựng” [5, tr.36].

Năm 1273, ngôi đền Thái Vi được xây dựng trên nền am Thái Vi cũ, chính là trên mảnh đất hình đầu rồng này. Nơi đây đã gắn liền với những chiến công vang dội của vua Trần Thái Tông, gắn liền với những vết tích còn sót lại của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ nhất. Vì vậy, cùng với việc phát hiện dấu tích kiến trúc cổ ở chùa Hành Cung, các nhà nghiên cứu cũng khẳng định rằng tại di tích lịch sử văn hoá đền Thái Vi cũng có dấu ấn vật chất của gạch và ngói thời Trần.

Giá trị kiến trúc- điêu khắc

Về kiến trúc: Đền Thái Vi được xây dựng theo kiểu kiến trúc “Nội công ngoại quốc”. Nghĩa là ở bên trong, các gian sẽ được sắp xếp theo kiểu chữ “Công” (工), bên ngoài, các bức tường thành bao bọc và khép kín tạo thành một hình vuông, giống như chữ “Quốc” (國). Đây là lối kiến trúc đặc trưng thường thấy trong các đền, chùa Việt Nam.

Trước cổng đền được đặt một giếng ngọc xây bằng đá xanh. Phía sau đền là dãy núi đá Cẩm Sơn che chắn. Đây là nơi thiên nhiên đã tạo thành thế quần sơn hội tụ, núi non trùng điệp bao bọc thành thế “tiền Ngọc Tỉnh, hậu Cẩm Sơn”. Trên cổng đền hiện có ghi 2 câu đối ghi rõ điều này:

“Tiền Ngọc Tỉnh, hậu Cẩm Sơn, vạn cổ lâu đài tiên thắng địa

Tả Ngô Giang, hữu Cối Lĩnh, thiên thành quách tráng quan chiêm”.

Dịch nghĩa:

“Phía trước có giếng Ngọc, phía sau có núi Cẩm Sơn, hàng vạn năm sau lâu đài vẫn là chuẩn mực nơi thắng cảnh

Bên trái có sông Ngô Giang, bên phải có núi Cối Lĩnh, hàng ngàn năm sau thành quách vẫn còn tráng lệ để chiêm bái”.

Phía ngoài của Nghi môn, có đặt hai con ngựa được làm bằng đá xanh nguyên khối, đứng đối xứng hai bên. Nhìn hai con ngựa đá chầu sẽ nhớ đến hai câu thơ nổi tiếng của vua Trần Nhân Tông:

“Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.”

Dịch là:

“Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng”

Đây là hai câu thơ mà vua Trần Nhân Tông đã ngâm trong ngày 14 tháng 4 năm 1288 (Mậu Tý) khi làm lễ dâng thắng trận ở Chiêu Lăng (lăng vua Trần Thái Tông ở Hưng Hà, Thái Bình), khi vua nhìn thấy chân mấy con ngựa đá châu bên lăng đều lấm bùn. Trước đó, quân Nguyên Mông tràn qua đây đã đào Chiêu Lăng định phá đi mà chưa kịp.

Vào trong Nghi môn, đi qua một đoạn đường nhỏ (thường gọi là đường chính đạo, dẫn thẳng vào đền), bên tay phải sẽ thấy một gác chuông nhỏ. Gác chuông này được xây theo kiểu lâu đài “Phúc ốc trùng thiềm” (kiểu chồng diêm), bao gồm hai tầng, tám mái song song, đăng đối. Bốn mái trên, 4 mái dưới chồng lên nhau, hai lớp cách nhau một khoảng ngắn có tên là “cổ mái” hay “cổ diêm”. Gác chuông được làm toàn bộ bằng gỗ lim. Các mái lợp ngói mũi hài, các góc là các đầu đao cong vút lên như hình đuôi con chim phượng. Hoa tiết ở các đầu đao chạm khắc theo kiểu hoa lá dây, biểu tượng cho sự sinh sôi nảy nở, trường tồn. Trong gác chuông có một cầu thang dẫn từ tầng một lên tầng hai. Tầng một treo một trống cái làm bằng da trâu. Ở tầng hai treo một quả chuông đồng, đúc từ năm Chính Hoà thứ 19 (1689), nặng khoảng 350kg. Mô típ đặt chuông đồng bên trên trống cái không phải chỉ có riêng ở đền Thái Vi mà còn bắt gặp tại tháp chuông chùa Bái Đính và rất nhiều các đền chùa khác nữa. “Chuông treo trên cao là dương, trống đặt bên dưới là âm, sự kết hợp giữa chuông và trống để tạo nên cân bằng âm dương, âm dương hoà hợp” [4, tr.29].

Đối diện với gác chuông theo đường chính đạo là tháp bia và ba tấm bia dựng hai bên. Tháp bia làm bằng đá xanh, dựng năm 1962 và có 4 mặt hình chữ nhật. Trên mỗi mặt có khắc các dòng chữ Hán. Mái cũng được làm cong ở bốn đầu đao. Bên phải tháp bia là một tấm bia được đặt trên mai rùa, bên trái là hai tấm bia nữa. Cả ba tấm bia này cũng được làm bằng đá xanh. Nội dung các tấm bia đều ghi lại những năm trùng tu đền Thái Vi, ghi công đức những người có công tiền cúng xây dựng đền. Hiện nay còn bổ sung thêm hai tấm bia, được đặt vào hai đầu hồi của nhà bia.

Đường chính đạo và sân rồng đều lát đá xanh. Sân rồng rộng khoảng 40m². Hai bên sân rồng là hai dãy nhà Vọng - nơi xưa kia các cụ bàn việc tế lễ. Ngày nay, hai dãy nhà vọng này là nơi để treo bằng công nhận di tích lịch sử văn hoá đền Thái Vi và các tấm ảnh có liên quan đến việc tu sửa ngôi đền. Trong những ngày lễ hội, nơi đây còn được dùng làm địa điểm sửa sang, sắm lễ vật trước khi dâng vào trong nhà Đại Bái.

Từ sân rồng sẽ dẫn đến hai hàng bậc đá đối xứng hai bên. Mỗi bên có 6 bậc, cao khoảng 0.2 mét. Đi qua các bậc đá này là tới Ngũ đại môn (5 cửa lớn) sừng sững, có 6 cột đá tròn, đều được chạm khắc nổi long vương châu vào chính diện. Mặt ngoài các cột đá đều chạm khắc các câu đối bằng chữ Hán. Các xà hiên cũng làm bằng đá, chạm khắc lưỡng long châu nguyệt.

Kiến trúc ở đền Thái Vi, tương tự như các ngôi đền khác, là kiến trúc kín, có bầu không khí như hang động tạo nên cảm giác huyền bí, trầm mặc, thuận tiện cho việc đưa con người vào chốn linh thiêng. Đền được chia thành hai phần: đền ngoài và đền trong. Đền ngoài còn gọi là Tiền tế hay Bái đường, Đại bái. Qua Ngũ đại môn là đến 5 gian Bái đường uy nghi. Trên gian giữa Bái Đường có treo bức hoành phi bằng gỗ, được sơn son thếp vàng với 4 chữ Hán lớn: “Long đức chính trung”, có nghĩa là Đức lớn chính giữa. Phía dưới đặt bàn thờ, hương án. Trên hương án có tam sự, ngũ sự. Gian Bái

đường thờ công đồng trên bệ đá. Tiếp theo là 3 gian Trung đường với hai hàng cột đá tròn, mỗi hàng 4 cột đều được chạm khắc nổi long vân. Ở đây đặt nhang án đá. Hai bên có đôi hạc gỗ cao 2,5 mét và hai bộ bát bửu, chập kích thờ sơn son thếp vàng. Tại Trung đường đặt ban thờ đức vua Trần Nhân Tông. Ngoài ra, xung quanh còn đặt các ban thờ hội đồng văn quan, hội đồng võ quan, quan Nam Tào, Bắc Đẩu cùng công đồng ở chính cửa Tiền tế.

Qua Trung đường vào năm gian Chính tâm, cũng có 8 cột đá tròn được chạm khắc nổi: cầm, kỳ, thi, họa. Gian Chính Tâm chính là phần thứ hai của ngôi đền, gọi là đền trong. Trong Chính tâm có 5 bàn thờ bằng đá. Bộ thứ hai của ban thờ chính giữa được giữ nguyên gốc cổ, có từ khi lập đền và đặt 3 pho tượng đồng mới cao trên 1 mét. Chính giữa là tượng Trần Thái Tông. Bên phía tay phải là tượng Hiền Từ Hoàng Thái Hậu, bên phía tay trái là tượng Trần Thánh Tông. Tầng trên cùng đặt ba chiếc ngai vàng với bài vị của ba ngài cùng đức Thái tổ Trần Thừa và các thế hệ vua Trần. Tầng dưới cùng của ban thờ đặt bát hương của đức thái tổ Trần Thừa và 14 vị vua Trần cùng đức Hiền Từ Hoàng Thái Hậu. Ban thờ bên tay trái tượng Trần Thái Tông, trên đặt pho tượng của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, dưới đặt bát hương thờ ngài. Bàn thờ bên tay phải tượng Trần Thái Tông, trên đặt pho tượng của Đức Chiêu Minh Vương Thái Sư Trần Quang Khải, dưới cũng đặt bát hương thờ ngài.

Phía sau đền Thái Vi là hai mắt rồng ở hai bên. Tương truyền rằng: đây là hai hố sâu, khi dân làng đem đất đá đổ đầy vào đây, một thời gian sau đất lại trũng xuống, ngập nước và không bao giờ bằng mặt đất. Ở giữa hai mắt rồng hiện có lăng mộ Bảo Tháp đức vua Trần Thái Tông. Theo nhân dân thôn Văn Lâm, sau khi vua Trần Thái Tông hiển Phật, thi hài của ngài đã được lưu giữ tại đây. Lăng mộ này được làm toàn bộ từ đá xanh, gồm 4 mặt hình chữ nhật. Mái cũng được làm theo kiểu “Trùng ốc trùng thiềm” với hai tầng tám mái song song, đăng đối. Các góc là các đầu đao đắp cong vút.

Một trong những điểm nhấn trong kiến trúc của đền Thái Vi là nằm ở phần mái. Thông thường, trong kiến trúc của người Việt, mái đền (hay đình hoặc chùa) chiếm tỷ lệ 2/3 chiều cao mặt đứng công trình và dốc mái thẳng. Riêng đền Thái Vi, toàn bộ phần mái phía trên khá nhỏ. Nhìn từ dưới lên chỉ thấy rõ phần triển mái với đặc điểm thẳng, không cong và hếch lên ở góc mái. Còn toàn bộ phần ngói lợp bị khuất và rất khó nhận biết. Chính vì thế, khi nhìn không gian đền Thái Vi sẽ thấy được vẻ thoáng đãng và thanh thoát hơn so với các ngôi đền khác.

Ngoài ra, mái đền cũng được đắp cong ở các góc đầu đao, gắn với hình đuôi rồng uốn lượn. Ngói lợp mái là ngói mũi hài hay còn gọi là ngói vẩy rồng. Phần mái ở đền Thái Vi có sự tách biệt hẳn giữa các gian. Trang trí bên trên mái là ba cặp “lưỡng long châu nguyệt”: cặp lưỡng long châu nguyệt lớn hơn đặt ở phía trên Ngũ đại môn; hai cặp còn lại đặt trên triển mái của gian Bái Đường và Chính Cung. Gian Trung Đường thấp hơn hẳn và không trang trí lưỡng long châu nguyệt trên mái.

Chất liệu xây dựng đền hầu hết là làm bằng đá như cột, sàn, tường. Duy có toàn bộ phần mái phía trên là được làm từ gỗ lim.

Về điêu khắc: Kiến trúc là nơi sản sinh, giữ gìn nghệ thuật điêu khắc và trang trí cổ truyền của dân tộc. Nó là cơ sở vật chất, là môi trường cho các tác phẩm điêu khắc được lưu giữ và tồn tại. Vì vậy, bên cạnh những giá trị cao về mặt kiến trúc thì điêu khắc cũng là một trong những giá trị làm nên nét độc đáo và đặc sắc cho đền Thái Vi.

Từ thời xa xưa, Ninh Bình đã là xứ sở của nghề chạm khắc đá, là một vùng đất màu mỡ hằng di dưỡng nghệ thuật quý giá này. Nhắc tới Ninh Bình, không ai lại không biết đến làng Xuân Vũ, thuộc xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, là một trong những làng nghề chạm khắc đá nổi tiếng trong và ngoài tỉnh. Những người thợ đá Xuân Vũ đã góp công sức của mình để tạc những bức

phù điêu, những hoa văn bằng đá sinh động, công phu ở đền thờ vua Đinh, vua Lê và cả đền Thái Vi. Vì vậy, không phải chỉ có Long Sàng (ở cửa đền vua Đinh) mới chứa đựng những nét điêu khắc tài hoa với quan niệm về triết lý nhân sinh, hồn nhiên sâu sắc mà ở đền Thái Vi người ta cũng thấy được tài nghệ, sự khéo léo của người xưa trong từng kết cấu, chi tiết của ngôi đền.

Giá trị điêu khắc được thể hiện trước hết là ở các hàng câu đối. Bước đến Ngũ đại môn là 6 cột đá tròn, tương đương với ba cặp câu đối được chạm khắc đầy tinh tế. Theo thứ tự từ phải sang trái, hai câu ở hai cột đá ngoài cùng sẽ đối với nhau:

Khẩu thiềm trung nhiếp tư đông a cố sự

Vọng sơn chấn như kiến tây phương mỹ nhân.

Dịch nghĩa:

Ta đánh tiếng chuông lên lại nhớ công lao nhà Trần

Tiếng nói của ta vang vọng khắp núi rừng, nhìn ngọn núi đẹp như người mỹ nhân ở Tây Phương [12, tr.56].

Hai câu đối bên cạnh:

Nam Hải thánh thần Tây Thổ Phật

Văn Lâm sơn thủy Thái Vi từ.

Dịch nghĩa:

Phật ở Tây Trúc được các thánh Đông Thổ sùng bái

Đền Thái Vi xây dựng giữa núi non Văn Lâm.

Cuối cùng là hai câu đối ở hai cột đá chính giữa:

Chính trung hữu minh nguyệt thiên từ phổ hương thiên tử

Tả hữu giai bạt nam long vương tu cát long vương [12, tr.57].

Dịch nghĩa:

*Ngôi đền ngự giữa thung lũng xung quanh là núi non, ở giữa bầu trời
lúc nào cũng soi sáng cho các thiên tử tu hành ở đây*

*Bước đường của nhà Trần gian nan vất vả mới đánh thắng được bọn
đế quốc Nguyên Mông [12, tr.58].*

Song song với 6 cột đá ở Ngũ đại môn là 6 cột đá phía trước mặt gian Bái Đường. Mặt ngoài các cột đá cũng được chạm khắc nổi các câu đối bằng chữ Hán.

Bước vào trong gian Bái đường là hai cặp câu đối được chạm khắc ở 4 cột. Ở hai cột đá ngoài cùng:

Thiên khai thánh minh Lê tiền Lý hậu

Địa trung thần tú Cối Lĩnh Ngô Giang.

Dịch nghĩa:

Trời mở nhà Trần, trước có triều Lê, sau có triều Lý

Mảnh đất đẹp, bên phải có núi Cối Lĩnh, bên trái có sông Ngô Đồng.

Hai cột đá hai bên gian giữa chạm khắc câu đối đầy khí phách:

Nhất thống sơn hà, Thiên Trường phủ vương hầu đệ trạch

Thiên thu hương hoá, Thái Vi cung văn vũ y quan.

Dịch nghĩa:

Thu phục giang sơn, phủ Thiên Trường dựng vương hầu cung thất

Ngàn năm hương hoá, cung Thái Vi văn vũ đều về chầu [12, tr.58].

Chạm khắc các câu đối bằng chữ Hán trên đá là loại hình nghệ thuật tinh vi và điêu luyện, thể hiện tài năng của các nghệ nhân thời xưa. Chạm khắc chữ trên gỗ đã là khó, huống chi đây lại sử dụng chất liệu bằng đá. Đá

rắn, cứng, giòn và dễ vỡ nên khắc càng khó hơn nhiều. Người khắc phải thận trọng, tỉ mỉ từng nét chữ nhỏ, đục nhẹ nhàng và chuẩn xác, làm sao cho chữ phải đúng và đẹp. Mọi chi tiết nhỏ của nét chữ đã khắc là xong, không thể xoá đi làm lại được.

Một điều đặc biệt nữa là các cột đá ở đền Thái Vi mang hình tròn. Vì vậy, việc chạm khắc trên bề mặt cong cũng khó khăn hơn rất nhiều so với các cột đá vuông có bề mặt phẳng. Người thợ không chỉ dựa vào đôi bàn tay khéo léo tài hoa mà thông qua cặp mắt đầy tinh tế và nhạy bén của mình để điều chỉnh kích thước các con chữ và sắp xếp các hàng câu đối một cách hài hoà và cân xứng nhất.

Phần lớn, các câu đối trong đền đều được chạm nổi từ 0.4 - 0.5cm, duy có hai câu đối ở hai cột chính giữa Ngũ đại môn là được chạm nổi lên khoảng 1cm, tạo điểm nhấn rõ rệt cho phần mặt ngoài ngôi đền. Các câu đối đều tô đậm bởi mực đen, nổi bật trên nền màu xanh của đá. Mặc dù là chạm khắc nhưng không hề bị khô cứng mà ngược lại, người ta có thể cảm nhận được sự uyển chuyển trong từng đường nét, tạo nên giá trị về mặt thẩm mỹ và nghệ thuật rất cao.

Bên cạnh những hàng câu đối thì giá trị điêu khắc còn được biểu hiện thông qua các hoạ tiết trang trí trên phần mái, các cột trụ và phần tường phía trong và ngoài ngôi đền.

Giống như các đình, đền, chùa khác, đền Thái Vi cũng sử dụng một số hoạ tiết phổ biến như tứ linh, tứ quý, cá chép hoá rồng... nhưng hoạ tiết được chọn làm trung tâm và xuyên suốt toàn bộ kết cấu của đền thờ là hình tượng rồng với rất nhiều tư thế. Có thể là hình ảnh “long vương châu vào chính điện” ở hai cột đá tròn chính giữa Ngũ đại môn, với hai đầu rồng chạm nổi khoảng 4 - 5cm, hướng mặt vào phía trong ngôi đền. Cũng có thể là hình rồng trong tư thế thân quấn quanh cột, đầu hướng lên phía trên, chạm nổi từ 1 -

1.5cm ở các cột đá còn lại. Hay còn có tư thế rộng cuộn mây, chạm ở phần tường gian Trung Đường (phía trên ban thờ vua Trần Nhân Tông) với các đường chạm nổi khoảng 0.5cm, thanh thoát và đầy tinh tế.

Hình tượng rồng còn được chạm khắc ở phần triển mái của đền qua ba cặp “lưỡng long châu nguyệt”. Tư thế của hai con rồng là đối xứng nhau: mình uốn lượn, đuôi cong vào phía trong, đầu hơi chúc xuống và mắt ngược lên, cùng nhìn vào mặt trăng với ý nghĩa thuần phục. Cái khó trong quá trình chạm khắc là việc ước lượng kích thước của cặp rồng. Bên cạnh đó, từng bộ phận, chi tiết trên mình rồng cũng phải hoàn toàn trùng khớp và tương xứng. Biểu tượng này thường thấy ở hầu hết các đình, đền, chùa của Việt Nam. Theo lý giải của các nhà nghiên cứu, đó là hình ảnh tượng trưng cho tâm linh thần phục thánh thần.

Theo quan niệm phổ biến của người Việt Nam về hình rồng, tổng hợp trong con vật linh thiêng này là trí tuệ, tín ngưỡng, niềm tin, lý tưởng, nguyện vọng và sức mạnh. Bởi vậy, chọn hình rồng làm họa tiết trung tâm cho ngôi đền, các nghệ nhân chạm khắc muốn gửi gắm trong đó sự uy quyền của các vua Trần và sức mạnh của triều đại nhà Trần. Đồng thời, qua từng đường nét chạm khắc bay bổng và thanh thoát, rồng còn mang trong mình ước vọng về một cuộc sống no đủ, về một mùa màng tươi tốt, bội thu của những cư dân nông nghiệp trên mảnh đất Ninh Bình.

Bằng những dụng cụ thô sơ như búa, vồ gỗ hay các loại đục, trét to nhỏ... kết hợp với kỹ thuật chạm khắc thông phong - “chạm bong” đầy tinh tế đã tạo nên những đường nét tao nhã và uyển chuyển trên các hàng câu đối, tạo nên những con rồng uốn lượn sống động và đặc biệt là tạo nên ngôi đền Thái Vi bằng đá vô cùng độc đáo như hiện nay. Ngôi đền này mang đặc trưng của mảnh đất Ninh Bình với những miền núi đá trùng điệp, là sản phẩm của làng nghề chạm khắc đá Ninh Vân, cũng là tâm huyết của những người nghệ nhân

tài hoa có đôi bàn tay vàng và một tấm lòng say mê sáng tạo. Từ những phiến đá thô sơ mà làm nên một công trình kiến trúc, điêu khắc đầy sắc xảo, mang những giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ rất cao.

2.1.1.3. Chùa Sở (Thiền Lâm tự)

Theo truyền thuyết kể lại, sau khi xây dựng am Thái Vi vua Trần Thái Tông ra lệnh cho thị thần dựng một ngôi chùa thờ Phật ở đầu địa giới đất Ô Lâm, đặt tên là chùa Mễ Lâm hay còn gọi là chùa Sở, để làm nơi cầu kinh niệm phật. Do vậy nhân dân trong vùng thường truyền tụng nhau câu ca:

Địa đầu dựng một ngôi chiền
Mễ Lâm, chùa Sở còn truyền đến nay
Non sông may khéo là may
Nhân dân Nghiêu Thuân vui ngày Đường Ngu

Chùa Sở nằm ở phía đông nam thôn Văn Lâm trên một khu đất rộng, bốn phía là ruộng lúa. Chùa quay hướng đông nam, được xây dựng theo kiểu chữ Đinh. Tòa bái đường ba gian hai chái được làm theo kiểu hai tầng tám mái. Kiến trúc vì kèo giá chiêng đơn giản, mái lợp ngói nam. Tòa hậu cung là một gian rộng chạy dài về phía sau. Trong tòa Bái Đường hệ thống cột đều làm bằng đá hình hộp vuông, được kê trên những chân tảng và thất cổ bông vững chắc. Mặt chính của các cột đá đều chạm khắc câu đối bằng chữ Hán. Xung quanh phần trang trí chữ Hán ở các cột, các chân tảng đều trang trí họa tiết, chữ triện, lá lật, tùng, cúc, trúc, mai, v.v... Trên các cột đều ghi dòng lạc khoản Bảo Đại thứ 15 (1940). “Trên thượng lương ghi lại việc trùng tu chùa vào năm Kỷ Dậu triều Đại Nam” [11, tr.16]. Vì kèo của Hậu cung được làm theo kiểu giá chiêng, hai cột ngoài cùng của mặt chính chạm câu đối theo lối chữ triện.

Phía trước chùa về phía bên trái có đền thờ công chúa Ngọc Dung, con vua Trần Thái Tông. Đền làm theo kiểu chữ Đinh với quy mô nhỏ. Tòa Bái Đường gồm ba gian nhỏ, tòa Hậu cung một gian xây theo kiểu cuốn vòm.

Trong Hậu cung có khám đặt trên bệ thờ bằng đá, trong khám đặt tượng công chúa Ngọc Dung. Thượng lương và các cột đá đều ghi lại việc trùng tu đền vào năm Bảo Đại thứ 16 (1941).

Phía sau tòa Hậu cung của chùa có năm gian nhà tổ. Ngôi nhà này mới được nhân dân xây dựng lại trên nền đất cũ (tháng 1 năm 1994), quay hướng đông nam, mái lợp ngói tây.

Chùa Sở còn lưu giữ được hai tấm bia thời Nguyễn khá đẹp và đền thờ công chúa Ngọc Dung cũng có một tấm bia thời Nguyễn, song không xác định được niên đại.

2.1.2. Làng xóm, nhà ở

2.1.2.1. Cảnh quan làng xóm

Là một vùng đất được hình thành lâu đời ở phía nam đồng bằng sông Hồng nên Văn Lâm cũng mang những sắc thái cảnh quan của làng xã cổ truyền Bắc Bộ với những biểu tượng điển hình là cây đa, bến nước, sân đình.

Cây đa cổ thụ được trồng trước cổng đình Các như một cột mốc tự nhiên đánh dấu vị trí của làng Văn Lâm, là cầu nối Văn lâm với các làng lân cận. Cây đa còn là nơi nghỉ chân gặp gỡ của những người đi làm đồng, những khách qua đường. Bến nước là nơi quần tụ, gặp gỡ của phụ nữ trong làng. Tại đây các bà, các chị thường lui tới giặt giũ, chuyện trò hay ngồi thêu thùa, đan lát. Đình Các là trung tâm hành chính, trung tâm văn hóa và trung tâm tôn giáo của làng. Nơi đây diễn ra các hoạt động của chính quyền làng xã như thu thuế, tế lễ, diễn xướng dân gian, hương ẩm, v.v...

Bên cạnh những biểu tượng truyền thống kể trên, cảnh quan làng Văn Lâm còn nổi bật với phong cảnh hữu tình của hệ thống hang động xuyên thủy Tam Cốc. Tam Cốc là nơi có cảnh quan thiên nhiên kết hợp hài hoà giữa sông và rừng với nhiều hang động. Giữa những dãy núi đá vôi là sông Ngô Đồng

chảy uốn khúc tạo thành phong cảnh sơn thủy hữu tình. Nơi đây có nhiều hang động diệu kỳ. Vào mùa mưa, tuy nước dâng cao nhưng không ảnh hưởng tới hệ thống giao thông, đồng thời còn tạo nên cảnh sắc ngoạn mục hiếm có. Mực nước thủy triều còn giúp cho việc di chuyển trên sông dễ dàng, hình thành những con đường thủy lưu thông từ cổ đô Hoa Lư tới Tam Cốc - Bích Động.

Tam Cốc nghĩa là Ba hang (Hang Cả, Hang Hai, Hang Ba), còn có tên Xuyên Thủy động. Theo lời kể của những người cao tuổi trong làng thì tên gọi ba hang được đặt theo trình tự du khách đi thuyền vào nhưng cũng có thể tên này được đặt theo độ lớn từng hang. Trong ba hang thì Hang Cả là hang lớn nhất và cũng là hang đẹp nhất của Xuyên Thủy động, với chiều dài 127m, nằm dưới một quả núi lớn vắt ngang qua hai dãy núi lớn hai bên sông Ngô Đồng. Khi vào trong hang du khách sẽ cảm thấy mát lạnh và thực sự ấn tượng trước những dải nhũ đá buông xuống với những hình thù khác nhau. Ra khỏi Hang Cả, khách du lịch tiếp tục khám phá Hang Hai và Hang Ba. Hai hang này ngắn và thấp hơn Hang Cả. Xa xưa vùng này là biển cả sóng vỗ, qua nhiều thế kỷ nước bào mòn vào vách đá tạo nên những hình thù kỳ lạ.

Vào mùa lúa Tam Cốc chìm trong màu xanh của những cánh đồng lúa trải dài dọc hai bờ sông Ngô Đồng với những dãy núi trùng điệp. Phong cảnh hữu tình của làng quê Văn Lâm còn được tạo nên bởi suối Tiên với dòng nước trong vắt có thể nhìn thấy từng đàn cá bơi lội trong các lớp rong rêu ở phía dưới. Theo truyền thuyết, nơi đây xưa kia các Tiên nữ thường xuống tắm nên mới gọi là suối Tiên.

Chợ Văn Lâm họp tại khu vực Đình Các và sân của bến thuyền đi Tam Cốc hiện nay. Chợ Văn Lâm vốn không phải là chợ làng mà xưa kia nó là chợ của cả tổng Vũ Lâm. Do mục đích phát triển du lịch mà hiện nay khu vực chợ được phân thành hai hệ thống: chợ bán thực phẩm, các đặc sản của làng quê phục vụ người dân địa phương cũng như các nhà hàng khách sạn và du khách

và hệ thống các gian hàng lưu niệm trưng bày các mặt hàng thủ ren truyền thống phục vụ du khách.

2.1.2.2. Kiến trúc nhà ở truyền thống

Nhà ở là một nhu cầu thiết thực, không thể thiếu được đối với con người. Vì vậy, người xưa coi việc làm nhà là một trong ba việc lớn của đời người là: làm nhà, lấy vợ, tậu trâu. Ngôi nhà là nơi thờ cúng tổ tiên, là nơi “cho các cụ đi về” đồng thời là nơi sinh sống của nhiều thế hệ, do đó nó có vai trò hết sức quan trọng đối với mỗi thành viên trong gia đình và cộng đồng gia đình. Người ta thường quan niệm làm nhà phải được đất, được hướng, được tuổi, lại phải bố trí nội thất sao cho phù hợp thì mới tốt. Người dân Văn Lâm cũng rất chú trọng đến những phong tục, tập quán, những điều kiêng kỵ trong việc xây dựng nhà cửa.

Trước hết người ta thường chọn khu đất cao ráo, không bị ngập khi mưa hay không bị cuốn trôi khi có lũ lụt. Nếu là đất đồng thì người ta đào ao vượt thổ. Nhà đa số được làm theo hướng nam theo quan niệm dân gian: “Lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng nam” để đón gió biển, tránh gió bắc lạnh và độc. Khi vượt thổ hay cắm đất làm nhà, ngôi nhà thường được dựng ở phía bắc khuôn viên, phía trước để ao, vườn, sân và đường vào thông thoáng. Thủ tục để dựng nhà mới thường theo các bước sau:

Căn cứ vào tuổi của chủ nhà, người ta chọn ngày, tháng, năm, giờ để dựng nhà. Người ta quan niệm: “lấy vợ xem tuổi đàn bà, làm nhà xem tuổi đàn ông”. Về tuổi thì tối kỵ tuổi kim lâu “Làm nhà, lấy vợ, tậu trâu/ Trong ba việc ấy kim lâu chớ làm. Ngoài ra người dân còn tra “Cửu trạch” để chọn các năm Trạch Phúc, Đức, Bảo, Lộc để làm. Sau đó người ta chọn hướng nhà theo “bát quái cửu trạch”, thường chọn hướng Sinh khí, Diên niên, Phúc đức, Phục vị và tránh các hướng Tuyệt mệnh, Lục sát và Ngũ quỷ [14, tr.128].

Sau khi chọn được ngày lành tháng tốt người ta làm lễ khởi công, có lễ cúng tổ tiên và Thổ thần (nơi làm nhà). Những nhà chủ yếu được làm bằng tre và gỗ thì chiếc thước mực (thước tầm) được giữ rất cẩn thận. Khi làm xong nhà thước mực được gác lên mái, coi đó là sự an nguy của chủ nhà. Người ta quan niệm nếu thước mực không may bị gãy, chủ nhà tất sẽ không trường thọ [14, tr.128].

Khi đã có thước mực và bản vẽ của ngôi nhà người chủ sẽ chọn ngày giờ để làm lễ động thổ, đào móng rồi xây tường. Đến ngày cất nhà và đặt thượng lương cũng phải chọn ngày giờ cẩn thận. Nếu là nhà tre hoặc gỗ thì chủ nhà sẽ chọn những người thân thích mà vợ chồng song toàn, khỏe mạnh, đông con cháu, làm ăn phát đạt để cùng chủ nhà nâng thượng lương lên gian chính giữa. Sau khi làm nhà xong người ta chọn ngày giờ tốt để về nhà mới, sau đó làm lễ cúng bái cáo yết tổ tiên cùng thần linh, thổ địa.

Xưa kia nhà ở của cư dân Văn Lâm chủ yếu là nhà tranh vách đất, trên mái lợp rạ giũ rồi, vuốt đều và xếp nếp theo từng lớp. Tường nhà có thể được làm theo một trong hai cách sau. Cách thứ nhất là đắp tường bằng đất thịt, trộn trấu, mùn cưa nhào kỹ với nhau rồi nện hai bên thật chặt. Cách thứ hai là làm tường vách. Vách có xương là tre, luồng chẻ, buộc ô vuông hay mắt cáo, rồi lấy bùn ao nhào trộn lẫn rơm, trát kín và phẳng. Lúc vách khô người ta lấy cát vàng trát mặt ngoài cho nhẵn và đẹp. Những gia đình có điều kiện thường làm nhà với hệ thống cột, vì kèo, đòn tay, bẩy kẻ... bằng gỗ rất chắc chắn và kiên cố.

Nhà thường có ba gian, hai chái, nền cao hơn sân. Bài trí trong nhà thường là: gian giữa đặt bàn thờ gia tiên (cũng có khi bàn thờ gia tiên được xây lồi ra phía sau gian giữa), rồi kê một cái rương lớn để đựng thóc, trên đặt các đồ thờ. Nhà nào có điều kiện thường đặt thêm bộ bàn ghế tiếp khách. Hai gian bên kê giường ngủ. Nhà thường không có cửa bên và cửa sau để phòng trộm. Một số nhà giàu thường xây nhà ngói, có nền lát gạch Bát Tràng.

Bố trí khuôn viên thổ cư ở trước nhà là sân - vườn - ao. Trong vườn người ta thường trồng các loại cây phổ biến như “chuối sau, cau trước” có giếng nước (giếng khơi) trước bếp. Nhà bếp được tiếp nối, tạo thành chữ L với nhà trên. Chái nhà thường làm buồng cho phụ nữ hoặc làm kho, có nhà lại bố trí chái nhà đặt cối xây lúa, cối giã gạo.

Khuôn viên nhà thường được bao quanh bởi tre hoặc hóp, làm tường bao chống trộm hoặc có nhà chỉ trồng các loại cây gai, cây xương rồng. Trong vườn người ta thường trồng rau ăn hoặc trồng chuối và các loại cây ăn quả như đu đủ, na, hồng, nhãn, v.v... Ao thường thả cá để ăn hoặc thả vịt, thả rau rút (nhút), rau muống bè và bèo để nuôi lợn. Những nhà khá giả, ao to thì thường thả sen và nuôi cá.

2.2. Văn hóa phi vật thể

2.2.1. Lễ hội truyền thống

Về không gian: Lễ hội đền Thái Vi được tổ chức tại đền Thái Vi thuộc địa phận thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Từ xa xưa, lễ hội này được liệt vào hàng “quốc gia tế lễ”, ngang hàng với lễ hội đền Hùng ở Phú Thọ hay lễ hội đền Đinh Lê ở Trường Yên - Hoa Lư. Lúc đó, vua thường lệnh cho các văn võ bá quan trong triều cũng như nhân dân cả nước về tụ hội ở đền Thái Vi tế lễ. Ban tế gồm các quan trong triều, chủ tế là một vị hoàng thân do vua chỉ định. Vì vậy, lễ hội đền Thái Vi ngày trước diễn ra trong không gian rộng lớn, không phải chỉ dành riêng cho nhân dân thôn Văn Lâm mà còn có sự chuẩn bị và tham gia của các vùng khác trong cả nước.

Về thời gian: Lễ hội đền Thái Vi diễn ra vào mùa xuân. Hàng năm, người dân thôn Văn Lâm tổ chức lễ hội đền Thái Vi trong 3 ngày: 14, 15 và 16 tháng 3 âm lịch vì nhân dân địa phương cho biết, sau khi đánh thắng giặc Nguyên Mông, ngày 15 tháng 3 âm lịch là ngày vua tôi nhà Trần về Thiên Trường (Nam Định) bái yết tổ tiên, ăn mừng chiến thắng.

Đây là một dịp quan trọng để nhân dân Văn Lâm nói riêng và nhân dân cả nước nói chung thể hiện những tình cảm, lòng biết ơn và những ước nguyện của mình đối với ông bà tổ tiên, với những người có công lớn đối với đất nước. Trên tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, qua lễ hội đền Thái Vi, nhân dân Văn Lâm và nhân dân cả nước muốn hướng tấm lòng thành kính của mình để tưởng nhớ công lao của ba vị vua đời Trần là Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông, đặc biệt là vua Trần Thái Tông - người đã về đây chiêu dân, lập ấp, xây dựng khu căn cứ địa Vũ Lâm làm hậu cứ để chống giặc Nguyên Mông lần thứ hai (năm 1285).

Cùng với ý nghĩa hướng về cội nguồn, lễ hội đền Thái Vi còn là nơi người dân hội tụ để cầu mong các vua Trần che chở, bảo vệ và ban phước lành trong năm mới. Người già cầu sức khỏe, người buôn bán cầu làm ăn phát tài, người nông dân cầu mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu...

Quy trình tổ chức lễ hội

Phần lễ trong lễ hội đền Thái Vi bao gồm hai hoạt động chính là rước kiệu và tế. Rước kiệu ở đền Thái Vi không chỉ có một đoàn mà là trên dưới 30 đoàn của các xã trong huyện Hoa Lư và tỉnh Ninh Bình. Ngoài ra xã Khánh Hoà huyện Yên Khánh cũng bố trí một đoàn rước kiệu đến đền Thái Vi. Cỗ kiệu đặt bài vị của hoàng tử Ngự Câu Vương và công chúa Huyền Tư, xuất phát từ chùa Dầu xã Khánh Hoà. Theo lời kể của các cụ cao niên ở đây thì sau khi vua Trần Thái Tông lên làm Thái Thượng Hoàng đã lui về vùng núi Vũ Lâm, dựng hành cung Vũ Lâm thuộc thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư làm nơi tu hành, đồng thời cũng là hậu cứ chỉ đạo cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Để chuẩn bị tốt cho cuộc kháng chiến, vua Trần ngay từ khi đó đã có kế sách bảo vệ hành cung Vũ Lâm thật kiên cố. Vì vậy, hoàng tử Ngự Câu Vương đã được lệnh của triều đình đem quân đến miền duyên hải phía Nam lập căn cứ địa để trấn giữ phía Đông Nam. Đến hai xã

Hương Du và Phương Du thuộc xã Khánh Hoà, thấy địa thế thích hợp, hoàng tử Ngự Câu Vương đã dừng chân, cho đóng quân và đặt bản doanh. Người chiêu lập hiền tài, tuyển quân sỹ chuẩn bị cho việc phòng thủ bảo vệ phía Đông Nam của hành cung Vũ Lâm.

Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông kết thúc thắng lợi, sau một năm, công chúa Huyền Tư là chị ruột của hoàng tử Ngự Câu Vương được lệnh của triều đình đến đại bản doanh của hoàng tử để thăm em và cổ vũ tinh thần cho quân sỹ. Khi đến đây, thấy Linh Nha tự (nay gọi là chùa Dầu) cổ kính, địa thế đẹp nên đã xin vua cha cho ở lại chùa để tu hành. Thấy chị ở lại chùa Dầu, hoàng tử Ngự Câu Vương cũng xin vua cha không về Thăng Long nữa, ở luôn lại đây tu hành cùng chị. Chính vì vậy, khi tổ chức rước kiệu đền Thái Vi có đặt thêm một đoàn rước kiệu ở chùa Dầu để tưởng nhớ công ơn của hai vị hoàng tử và công chúa đã có công giúp các vua Trần đánh thắng giặc Nguyên Mông.

Ngay từ chiều ngày 14 tháng 3 âm lịch, dân làng Văn Lâm đã làm lễ mở cửa đền, rước bát hương thánh ra đình Các - tương truyền là nơi các quan vào trình báo trước khi vào hành cung Vũ Lâm, tể cáo yết các vua Trần.

Sáng ngày 15 tháng 3 âm lịch, các làng thuộc tổng Vũ Lâm xưa đều rước kiệu thánh của làng mình về đình Các để tế. Đầu tiên là làng Khê Đầu (làng thượng và làng hạ) - làng anh cả rước kiệu thánh qua các làng: Xuân Áng, Khả Lương, Hành Cung, Hạ Trạo, Tuân Cáo. Đến làng nào, kiệu làng ấy lại nối tiếp vào. Làng Dầu, xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh cũng phải rước sớm để kịp về đây. Khi tế xong ở đình Các, lại tiến hành rước các cỗ kiệu đến đền Thái Vi để tế các vua Trần.

Đi đầu đoàn rước kiệu là một chiếc trống cái to do 2 người khiêng và một người mặc áo thụng, đi hia, đội mũ cánh én (mặc phẩm phục) làm thủ hiệu trống, rồi đến 5 người cầm 5 lá cờ ngũ hành. Tiếp đó đến kiệu bát cống

(kiệu 8 người khiêng), trên đặt bài vị các vua Trần, hoàng hậu, công chúa đời Trần cùng với hương hoa và lễ vật. Tiếp đó là kiệu 4 người khiêng bày nhiều lễ vật là hương hoa, oản, quả. Sau đó là phùng bát âm, rồi tới ban tế lễ do ông chủ tế dẫn đầu đi hàng đôi. Tất cả đều mặc thâm phục. Sau cùng nhân dân địa phương và khách du lịch đến đây dự hội. Các cỗ kiệu đều được sơn son thếp vàng lộng lẫy, do các trai thanh nữ tú ăn mặc theo trang phục lễ hội xưa, rước kiệu với tấm lòng trang nghiêm, thành kính. Kiệu tiến, kiệu lùi nhịp nhàng, tạo nên không khí vui tươi, náo nhiệt.

Khi các cỗ kiệu đã được rước về trước đền Thái Vi thì sẽ đến phần tế. Đây là một nghi lễ quan trọng được tổ chức tại sân đền. Ban tế gồm 15 đến 20 người, gồm một ông chủ tế, hai ông bồi tế, một ông đọc văn tế, hai ông xướng tế (Đông xướng và Tây xướng) và mỗi bên tả hữu có từ 5 đến 10 ông chấp sự để thực hiện việc dâng hương, tiến tửu. Ngôn ngữ, điệu bộ và lễ phục của ban tế mô phỏng phong cách cung đình Huế (thế kỷ XIX): áo thụng màu xanh và đỏ; tay áo dài, rộng; cổ áo cao gấp đôi áo thường, tà và gấu may to, cài 5 khuy; đầu đội mũ, chân đi hia. Nghi thức tế tại đền Thái Vi là dâng 3 tuần rượu: hành sơ hiến lễ, hành á hiến lễ, hành chung hiến lễ, đều phải trải qua 4 giai đoạn:

1. Nghênh thần: chủ tế lễ 4 lễ
2. Hiến lễ: Dâng lễ 3 lần, mỗi lần chủ tế và bồi tế đều quỳ để hiến lễ, đọc văn tế (còn gọi là đọc chúc)
3. Âm phúc và thu tộ: Chủ tế nhận lộc thần linh ban
4. Lễ tạ: Chủ tế lễ 4 lễ

Khi tế lễ phải thấp hương và đốt nến, có nhạc do ông chiêng, ông trống xướng lên. Sau khi dâng rượu tuần một, ông chủ tế đọc khúc văn tế ca ngợi công đức của vua Trần Thái Tông. Sau mỗi khúc tế lại có hai người phùng

trò gồm một người nam và một người nữ. Người nam chơi đàn tranh, người nữ dẫn giải bằng lời ca trù. Phần tế kết thúc, dân địa phương và khách du lịch vào đền dâng hương để tưởng nhớ công lao của các vị vua nhà Trần, cầu mong những điều tốt đẹp cho gia đình và bản thân.

Phần hội ở đền Thái Vi thực sự là phần vui chơi giải trí của nhân dân và những người đến dự hội. Các trò chơi rất phong phú và đa dạng, bao gồm: kéo chữ, múa lân, đánh cờ người, đấu vật và bơi thuyền.

Kéo chữ: Dân làng tổ chức kéo chữ “Thiên hạ Thái Bình” và “Trúc Lâm đạo sĩ”. Đội kéo chữ có khoảng 120 em 14-15 tuổi, chia làm hai hàng, một bên nam, một bên nữ, chạy theo hàng kép ở giữa rồi toả ra hai bên theo sự điều khiển của anh cò tiền chạy sau nắm các nét chữ. Khi chạy hết nét, các em ngồi xuống, chữ nổi lên. Chạy hết chữ này mới sang chữ khác.

Đấu vật: Sới vật thường ở trước sân đền. Hai bên trái chiếu hoa để các đô vật lễ thần trước khi đấu. Quanh sân cắm cờ ngũ hành. Hai trống cái cho già làng cầm trịch, đánh ba tiếng một, điều khiển trận đấu. Lại cử ba người tuần, một người đánh trống bung thúc lúc đang vật, cổ vũ đua tài, hai người cầm cờ đuôi nheo nhỏ phát hiệu vật. Các đô vật đều cởi trần, đóng khố. Lệ vật, muốn thắng phải nhấc bổng đối phương lên khỏi mặt đất, gọi là “bốc”, hoặc vật ngã ngửa “lắm lưng, trắng bụng”. Nếu chỉ mới ngã sấp thì chưa thua. Bên gặp tình thế này thường nằm bò áp đất, lừa địch thủ từng miếng không để họ bốc lên, chân rời đất hoặc lật ngửa ra.

Cờ người: bàn cờ là cả chiếc sân rộng, quân cờ là người đóng, nam đứng quân đỏ, nữ đứng quân đen. Mỗi bên 16 quân, tên quân viết chữ nho ở ngực áo hoặc lưng áo. Riêng tướng chọn người đẹp người đẹp nét, có lòng che, có ghé ngồi. Người đánh xướng nước đi (theo nguyên tắc mã lệch, tượng điều, xe liền, pháo lệch...) người đóng quân chuyển vị trí theo. Ăn quân nào là bị loại ra khỏi sân. Cho đến khi tướng bị chiếu, hết nước đi là thua.

Ngoài ra, lễ hội đền Thái Vi còn tổ chức các trò chơi khác như tổ tôm điếm hay rước rồng trên sông Ngô Đồng, cũng thu hút được rất nhiều người tham gia.

Ý nghĩa: Lễ hội đền Thái Vi là một loại hình sinh hoạt văn hoá của người Văn Lâm nói riêng và của nhân dân cả nước nói chung. Nó có sức mạnh thu hút mọi tầng lớp xã hội và trở thành một nhu cầu, một khát vọng của mỗi con người. Lễ hội được tổ chức là dịp để người dân thôn Văn Lâm nghỉ ngơi sau những ngày tháng lao động vất vả, và cũng là dịp để mỗi con người khi về đây dự hội sẽ thể hiện lòng tôn kính của mình với các vị vua nhà Trần. Thông qua lễ hội, những nét đẹp văn hoá của dân tộc được gìn giữ, lưu truyền và kết tinh thành những giá trị vô cùng độc đáo và đặc sắc. Những giá trị ấy không chỉ thấm nhuần truyền thống quý báu của dân tộc mà còn mang thần thái riêng của mảnh đất cổ đô lịch sử hào hùng.

Lễ hội đền Thái Vi là nơi biểu hiện giá trị cố kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng. Sau thời gian lao động, sản xuất; sau những ngày nông vụ vất vả, tất cả những người dân thôn Văn Lâm lại cùng nhau hội tụ tại một không gian chung để tổ chức buổi sinh hoạt văn hoá tập thể. Trước ngôi đền linh thiêng, họ hướng tâm lòng thành kính của mình đến các vị vua đời Trần - những người đã có công dẹp giặc, lập ấp chiêu dân trên đất Văn Lâm này. Lễ hội chính là nơi thể hiện sự cộng cảm của các tâm hồn. Ở đó, con người cùng nhau chuẩn bị buổi lễ, tổ chức trò vui; cùng nhau hưởng thụ không gian văn hoá do chính mình sáng tạo ra. Sức mạnh cộng đồng lúc này được trỗi dậy mạnh mẽ, đặc biệt là qua các trò chơi, trò diễn dân gian trong ngày hội. Đấu vật, đua thuyền, cờ người, múa lân là những hoạt động đại chúng có sức hút mạnh mẽ đông đảo mọi người ở cả hai phía: tham gia và tham dự, nhập cuộc và hưởng thụ. Nội dung và hình thức của mỗi trò chơi này không chỉ khơi gợi hứng thú giải trí mà còn đáp ứng nhu cầu về rèn luyện tinh thần và thể lực của con người như đấu vật, đua thuyền.

Quan trọng hơn, nó còn góp phần vào việc xã hội hoá cá nhân, nêu cao tính kỷ luật và ý chí chiến đấu chung của mỗi thành viên tham gia. Tinh thần đồng đội sẽ vượt lên trên hết, không quan trọng thắng thua, không quan trọng giải thưởng và bỏ qua những ghen ghét, hận thù... Chỉ còn lại tình đoàn kết gắn bó giữa người chơi với người chơi, giữa người chơi và người cổ vũ. Dù là nhân dân thôn Văn Lâm hay khách dự hội trong khắp mọi miền đất nước thì mọi người đều hoà chung và gắn kết thành một khối cộng đồng vững chắc, cùng nhau mang đến cho lễ hội không khí nhộn nhịp, náo nhiệt và tươi vui.

Lễ hội đền Thái Vi là nơi con người thể hiện truyền thống “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, hướng tấm lòng về nguồn cội. Đạo lý này đã thấm nhuần trong tư tưởng của mỗi người dân Việt Nam qua hàng ngàn năm dựng nước giữ nước. Vì vậy, đối với người dân thôn Văn Lâm nói riêng, tổ chức lễ hội đền Thái Vi là dịp quan trọng để họ gửi gắm tấm lòng biết ơn sâu nặng của mình đến các vua Trần, những người đã về đây chiêu dân lập ấp, ban cho họ cuộc sống an lành, no đủ. Còn đối với khách hành hương nói chung, tham gia vào lễ hội là để hồi tưởng lại quá khứ lịch sử hào hùng của thời Trần, với 175 năm tồn tại đã giúp cho đất nước hưng thịnh phồn vinh, nhân dân ấm no, hạnh phúc. Đặc biệt là những chiến thắng vang dội trong 3 lần kháng chiến chống quân Nguyên Mông, làm cho nhân dân thoát khỏi lầm than, cực khổ. Truyền thống cao đẹp này cứ nối tiếp từ thế hệ này sang thế hệ khác theo sức lan toả của lễ hội, từ đó, công ơn vĩ đại của các vua Trần cũng không ngừng sáng mãi trong lòng mỗi con người Việt Nam.

Lễ hội đền Thái Vi mang yếu tố tâm linh sâu sắc, giải quyết những khát khao, những mơ ước của cộng đồng dân cư. Đến với lễ hội đền, người dự hội muốn gửi gắm vào đó những ước nguyện của bản thân, về những điều chưa thực hiện được, hay những vấn đề mà cuộc sống không thể đem lại cho họ. Mỗi người có một mục đích khác nhau. Có người đến cầu tài, cầu lộc, cầu duyên; có người cầu bình an, sức khỏe cho gia đình. Cũng có những người

đến đây chỉ để tìm lấy những giây phút bình yên nhằm xua tan đi những lo toan bộn bề trong cuộc sống. Nhưng dù với mục đích nào, mọi người khi đến đây đều có chung một tấm lòng thành kính, từ đó họ tìm được đến với đức tin, sự thanh thản, bình an trong tâm hồn. Hơn thế nữa, yếu tố tâm linh còn tạo cho họ niềm tin vào tương lai, cuộc sống, niềm lạc quan yêu đời, yêu chân lý, trọng cái thiện, từ đó, tâm hồn và nhân cách của con người được sưởi ấm tinh thần nhân đạo và nhân văn.

2.2.2. Nghề thêu ren truyền thống

2.2.2.1. Quy trình thêu

Quy trình sản xuất sản phẩm thêu ren bao gồm những công đoạn cơ bản: pha cắt, in mẫu, thêu, kiểm hoá, giặt tẩy.

Pha cắt: Đây có thể được coi là khâu khởi đầu để tạo nên sản phẩm thêu ren. Trên cơ sở mẫu thêu, đội ngũ nghệ nhân, tay kim sẽ tiến hành tính toán định mức vải cần sử dụng để có thể làm nên sản phẩm theo đúng kích cỡ, tiêu chuẩn khách hàng yêu cầu.

In mẫu lên vải thêu: sau khi có số liệu từ khâu pha cắt, những người thợ làng nghề tiến hành in mẫu thêu. Đây là khâu đòi hỏi độ chính xác và kỹ thuật rất cao.

Thêu: sản phẩm thêu ren của làng nghề được các nghệ nhân, những người thợ thực hiện bằng đôi bàn tay khéo léo cùng với tâm hồn thăng hoa của người dân làng nghề thêu ren truyền thống.

Kiểm hoá: để có thể có được một sản phẩm thêu ren hoàn hảo cả về kỹ thuật và hình thức, các thợ thêu của làng nghề rất coi trọng khâu kiểm hoá. Với kinh nghiệm và tay nghề của mình, những tay kim, những kỹ thuật viên luôn cố gắng tìm ra và chỉnh sửa lại từ những sai sót nhỏ nhất của sản phẩm thêu ren như đường thêu, sợi chỉ thừa, v.v...

Giặt tẩy: Sản phẩm sau khi được kiểm hoá sẽ được chuyển sang khâu giặt tẩy. Tại đây, những thợ thêu sẽ làm sạch những vết dơ, đảm bảo cho sản phẩm được sáng và đẹp.

2.2.2.2. Kỹ thuật thêu

Dụng cụ thêu bao gồm: khung thêu, dao chổ, dao dùi chích sợi, kéo, chỉ thêu các màu, vải thêu (vải trắng, sa tanh, lụa...), kim thêu các cỡ, thước. Tùy theo số lượng và kích thước của từng mẫu hàng mà có những cỡ khung thêu khác nhau nhưng có hai loại khung cơ bản là khung chữ nhật và khung tròn. Khung chữ nhật thường dùng cho các mẫu hàng có kích thước lớn và dành cho một nhóm từ 4 đến 5 người thêu cùng lúc. Có ba loại khung chữ nhật với kích thước khác nhau gồm: khung dài 3,2m, 2,5m và 1,2m. Khung tròn thường có đường kính 40cm và 30cm, chủ yếu dùng để thêu khăn và để chứa những sản phẩm thêu của khung chữ nhật.

Cách căng khung chữ nhật: thợ thêu cần kiểm tra khung cẩn thận, đảm bảo khung không mọt, kim không gỉ trước khi đặt vải nền vào khung. Sau đó người thợ sóng vải vào hai que thép (hai que này được làm bằng thép hoặc gỗ để đặt lọt xuống rãnh khung thêu). Bốn ngón tay trái cầm vải, ngón tay cái đặt trên que thép và giữ chặt. Tay phải cầm kim vắt từ trái qua phải, khâu 3 - 4 mũi ôm vải vào que thép rồi quấn vài vòng chỉ để giữ chặt lại. Tiếp tục miết kim khâu (mỗi mũi kim cách nhau khoảng 3cm) cho đến hết chiều dài que thép. Lặp lại thao tác trên với que thép thứ hai. Nếu khổ vải lớn và dài thì hai người thợ thêu, mỗi người một đầu cầm hai que thép đặt vào rãnh khung rồi lấy dây buộc cố định. Đặt hai mép khung thêu sát nhau đảm bảo cho mép vải bằng nhau rồi vừa cuộn vừa vuốt phẳng vải đến độ rộng để ngồi thêu (khoảng 45 - 50cm). Lấy đôi nhánh tre xỏ vào hai đầu khung đồng thời lấy đinh hoặc que cắm vào lỗ nhánh để căng khung. Trước khi bắt đầu thêu người thợ cần kiểm tra độ phẳng đều của các họa tiết, tránh làm hỏng vải nền.

Đối với khung tròn thì thao tác căng khung đơn giản hơn so với thao tác căng khung chữ nhật. Người thợ chỉ cần đặt nền vải đã in mẫu lên vòng tròn trong của khung, điều chỉnh sao cho mẫu thêu nằm ngay chính giữa. Sau đó dùng vòng tròn ngoài đặt chặn lên nền thêu sao cho khít với vòng tròn trong rồi ấn mạnh tay cho hai vòng tròn này lồng vào nhau, kéo nhẹ căng đều vải nền. Thao tác cuối cùng là vặn ốc cố định nền thêu.

Tư thế ngồi thêu và động tác tay: ngồi thêu ngay ngắn như ngồi viết, khoảng cách từ mắt tới mặt vải thêu khoảng 25 đến 30cm. Mỗi khi phải thêu quá sang phía tay phải hoặc tay trái thì người thêu phải dịch chuyển theo. Tuyệt đối không được thêu với tay, không ngồi lệch, nhìn lệch để tránh làm hỏng cột sống của người thợ đồng thời đảm bảo được độ chính xác và tính thẩm mỹ của sản phẩm.

Tùy theo mỗi thợ thêu mà họ sử dụng tay trái hoặc tay phải để thêu. Tay cầm kim thêu phải đặt trên khung, ngón trỏ và ngón cái cầm kim, ngón giữa đeo đê (bao tay) để ấn kim xuống. Khi rút kim lên thì ngón giữa phải quay kim ngược lại rồi tiếp tục động tác đâm kim xuống và điều chỉnh sợi chỉ cho căng và mượt. Ngón thứ tư chống xuống mặt vải để lấy cữ cầm kim đồng thời làm trụ cho hai ngón tay cầm kim có thể xoay một góc 30^0 . Ngón út để trong tư thế thoải mái, dùng để hất chỉ cho khỏi rối đồng thời đo lường sức kéo của sợi chỉ (đảm bảo cho độ căng vừa phải).

Nếu người thợ thêu sử dụng tay phải để thêu thì tay trái phải để dưới khung, ngón cái và ngón trỏ cầm kim (kim đặt cách đầu ngón trỏ khoảng 3 - 4cm) đầu ngón dùng để tìm chỗ kim cắm xuống, ngón giữa đeo đê ấn kim lên, khi rút hết kim ra khỏi bức thêu thì ngón giữa quay kim ngược lại. Ngón thứ tư và ngón út dùng để căng và giữ sợi chỉ dài khỏi bị rối.

Trong quá trình thêu yêu cầu thợ phải cầm kim chính xác, thẳng đứng, khi rút kim lên xuống thì mũi kim hơi chéch khoảng 15^0 (nếu chéch quá 15^0 sẽ

chạm kim sang người ngồi bên cạnh, ngồi trước mặt, chỉ dễ bị rơi và sòn. Khi đón kim và rút sợi chỉ lên xuống người thợ cần thao tác đều tay, đảm bảo độ căng của sợi chỉ xuống mặt vải, tránh giật chỉ nhiều lần hay thêu vội vàng, hấp tấp. “Ở làng thêu Văn Lâm những thợ thêu sử dụng một số kỹ thuật thêu cơ bản như: thêu nổi đuôi, thêu vận lướt, thêu bạt, thêu đâm xô và đặc biệt là kỹ thuật thêu ren” [7, tr.45].

Thêu nổi đuôi: là thêu nối tiếp một đoạn dài, mỗi mũi dài khoảng 5mm. Khi đâm kim lên xuống phải đảm bảo đúng vào mũi chỉ trước, nếu mũi thêu cách nhau 1-2mm thì nền vải sẽ bị lộ hoặc đường thêu không thẳng (hình gấp khúc), không chồng khít lên nét vẽ.

Thêu vận lướt: cách thêu này dùng để thêu những đường nhỏ như cành mềm, sóng lá, dây nho, đường viền vòng nhỏ, mảng mây bay cách điệu, đường viền lá tre v.v...Tùy theo đường vận lướt to nhỏ mà thêu bằng chỉ đơn hoặc chỉ đôi. Muốn thêu một đoạn từ A sang B thì mũi đầu tiên lên kim tại điểm A xuống kim tại điểm B, mũi thứ hai lên kim từ điểm giữa khoảng AB và xuống kim tại điểm A' (khoảng cách giữa AB và BA' bằng nhau). Tùy theo đường vận rộng hay hẹp mà mũi chỉ dài từ 4-6mm, rộng 1,2 - 1,5 mm, mỗi mũi thêu vận đều chênh nhau 2-3mm. Với những đường vận rộng trên 2mm thì sử dụng kỹ thuật thêu bạt.

Thêu bạt: thêu bạt áp dụng khi thêu các đường viền lớn, các đoạn thẳng, gấp khúc, cánh hoa dài và nhỏ, đoạn thẳng có giới hạn hai mép trên dưới. Cách thêu sợi chỉ chéo, phủ kín và khít hai nét vẽ, thêu nối tiếp liền nhau để đảm bảo độ phẳng, bóng. Cũng có trường hợp thêu đường bó ngang vuông góc với chiều dài. Trong mẫu thêu hoa cúc cánh nhỏ thì người thợ bắt đầu thêu từ đài hoa, tiếp đến thêu các cánh ngắn ở giữa theo chiều bạt, còn các cánh khác ở phía trên và dưới đài hoa thì thêu bạt đối xứng hai bên, những đoạn cánh cong nhiều thì thêu xen kẽ mũi dài mũi ngắn. Yêu cầu người thợ thêu phải thêu kín nền mẫu ở mặt trên, các mũi chỉ không được chồng chéo lên nhau ở mặt dưới.

Thêu đậm xô: kỹ thuật này chủ yếu sử dụng trong thêu hàng màu và thêu các họa tiết hoặc các khối thêu lớn. Thêu đậm xô nhấn mạnh đến kỹ thuật tạo độ đậm nhạt cho một khối hình. Cách thêu đậm xô so le là mút chỉ hàng thứ hai lùa vào khe của hai sợi chỉ đã thêu trước, sắc đậm nhạt phải hài hòa với nhau. Mũi thêu phải tập trung vào điểm nhỏ nhất, hẹp nhất của mẫu thêu theo chiều thuận (canh chỉ). Ví dụ khi thêu hoa hồng thì cuống hoa nhỏ hơn phần thân, thêu hoa sen thì đầu múp của hoa phải nhỏ hơn cuống, v.v... Trong một cánh hoa chỗ nào có ánh sáng chiếu vào thì thêu sắc nhạt, cánh cong xuống, không có ánh sáng trực tiếp thì thêu sắc đậm. Nhìn chung mũi thêu đậm xô thường đi theo chiều cong, mặt phồng, mặt lõm của mẫu thêu như lá cây, cánh hoa, chim thú, v.v...

Thêu ren: là kỹ thuật sử dụng trong thêu hàng trắng. Thêu ren đòi hỏi trình độ tay nghề cao của người thợ thêu vì trước khi thêu người thợ phải khoét hồng vải trên mặt hàng rồi mới căng lên khung, do đó nếu thêu hồng thì người thợ không thể sửa lại giống như thêu hàng màu. Việc căng khung cũng phải đảm bảo độ chuẩn xác, nếu không sẽ làm hỏng mẫu thêu. (Việc căng khung trong thêu hàng màu được phép lệch từ 0.5 đến 1cm vì sau khi thêu người thợ có thể sửa lại). Dụng cụ thêu ren cần thêm dao chỗ, dao dùi chích sợi. Khi vải hàng đã được căng ngay ngắn trên khung thêu, người thợ sẽ tiến hành “rút hàng”, tức là các mảnh vải nền sẽ được người thợ dùng kéo hoặc dao trích làm thùng bằng cách rút bỏ một số sợi chỉ (theo chiều ngang hoặc chiều dọc). Thêu ren có hai dạng cơ bản là thêu ngang chỉ bó chặt (còn gọi là thêu nổi) và thêu bạt sợi chỉ theo đường thẳng nghiêng một góc 35° đến 40° , còn những nét lượn vòng thì người thợ phải điều chỉnh mũi kim cho phẳng, đẹp. Khi đã thêu xong một sản phẩm, tùy theo yêu cầu của khách hàng mà sản phẩm có thể thêm một lượt làm thùng trên mặt mẫu để làm sên thường, rua rùa hay rua mặt sàng, v.v...

2.2.2.3. Sản phẩm thêu

Sản phẩm thêu truyền thống của Văn Lâm trước đây được phân thành hai loại là hàng trắng và hàng màu, trong đó hàng trắng chủ yếu sử dụng kỹ thuật thêu ren. Thợ thêu Văn Lâm sử dụng nhiều họa tiết trong khi thêu hàng trắng như các hoa văn cách điệu (hoa hồi, hoa dâu, hoa cúc, hoa chanh, hoa con bướm) [Pl.2, A.6, tr.99] và các hoa văn hình học. Sản phẩm của thêu hàng trắng là vỏ chăn, ga trải giường, rèm cửa, khăn ăn, khăn trải bàn, v.v... còn sản phẩm của hàng thêu màu thì đa dạng hơn với các loại tranh thêu và các họa tiết thêu trên quần áo, khăn tay, túi xách, ví... Với các sản phẩm hàng màu thì người thợ cũng sử dụng đa dạng hoa văn như hoa hồng, hoa cúc rồi, chim công, chim sẻ, nho thắt khuyết hay các hoa văn trang trí phong cảnh.

2.2.2.4. Mô hình sản xuất

Hình thức tổ chức sản xuất truyền thống ở làng nghề thêu ren Văn Lâm là các hộ gia đình. Đây là mô hình sản xuất tồn tại từ lâu đời, mọi lao động già trẻ trong các làng nghề đều có thể được huy động vào các công việc thích hợp, từ chuyên chở vải, chỉ thêu, hàng thêu ren đến thêu, cắt, vẽ tranh,... Chủ gia đình hoặc các lao động chính trong gia đình thường là nghệ nhân, thợ giỏi hoặc là người có tay nghề đảm nhận việc chỉ đạo các công đoạn, thực hiện các khâu đòi hỏi kỹ thuật cao, khó, phức tạp, tính thẩm mỹ cao và nghiệm thu đánh giá chất lượng sản phẩm. Trong sản xuất của lao động hộ gia đình ở làng nghề có hai dạng:

+ Các thành viên trong gia đình làm toàn bộ các công đoạn từ mua nguyên, vật liệu đến pha cắt, in mẫu, thêu và hoàn thiện sản phẩm thêu ren. Trong mô hình sản xuất này, hộ gia đình chủ động bỏ vốn, thực hiện và hạch toán. Những hộ gia đình theo hình thức này thường là những hộ làm nghề thêu ren từ khá lâu, trong gia đình có nghệ nhân và thợ giỏi về thêu ren.

+ Các thành viên trong gia đình làm hàng gia công (theo từng công đoạn hoặc toàn bộ quá trình thêu) tạo sản phẩm trung gian hay sản phẩm hoàn thiện cho một chủ đầu tư (là hợp tác xã trên địa bàn xã hoặc một chủ tư nhân).

Tiểu kết chương 2

Làng Văn Lâm có các yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể khá đặc sắc. Đó là các di tích tôn giáo, tín ngưỡng cùng lễ hội, phong tục tập quán thuần hậu. Bên cạnh đó Văn Lâm còn được biết đến với nghề thêu ren truyền thống. Nghề này có từ lâu đời được duy trì đến nay và trở thành nghề truyền thống đặc sắc cả về khía cạnh văn hóa và khía cạnh kinh tế.

Trên phương diện văn hóa vật thể, Văn Lâm là một trong số ít làng ở Ninh Bình có những di tích tâm linh, tôn giáo điển hình của làng xã cổ truyền gắn liền với thời Trần. Trong đó, đình Các được khởi dựng từ thời Trần, cùng thời gian xây dựng hành cung Vũ Lâm, là nơi các quan văn võ tập trung sửa áo mũ trước khi vào am Thái Vi tiếp kiến các vua Trần. Nơi đây có đặt bàn thờ vọng các vua Trần và các vị thần bảo hộ làng xã. Đền Thái Vi gắn liền với những chiến công vang dội của vua Trần Thái Tông với những vết tích còn sót lại của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ nhất. Vì vậy, đền Thái Vi là kiến trúc tôn giáo có giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật đặc sắc. Chùa Sở tương truyền cũng được xây dựng từ thời Trần Thái Tông, là nơi cầu kinh niệm Phật.

Trên phương diện văn hóa phi vật thể, lễ hội đền Thái Vi là một lễ hội lớn được nhân dân tổng Vũ Lâm xưa cùng cư dân một số làng thuộc phủ Yên Khánh long trọng tổ chức. Lễ hội là dịp nhân dân tỏ lòng biết ơn thành kính trước công lao của vua quan nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông cũng như công cuộc khai hoang, lập ấp, lập làng. Nghề thêu ren truyền thống của Văn Lâm có lịch sử hình thành lâu đời, trải qua nhiều thăng trầm và được lưu truyền cho đến nay. Nghề thêu ở Văn Lâm nổi tiếng với kỹ thuật thêu ren đòi hỏi trình độ tay nghề cao của người thợ. Sản phẩm thêu nơi đây khá đa dạng, phong phú với nhiều mẫu mã, kích thước.

Chương 3

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA VĂN HÓA LÀNG VĂN LÂM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Những yếu tố tác động đến sự biến đổi văn hóa truyền thống làng Văn Lâm

3.1.1. *Quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa*

Thực hiện chủ trương và đường lối đổi mới của Đảng nên sau khi tách tỉnh Ninh Bình từ tỉnh Hà Nam Ninh (năm 1991), Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình nói chung, Đảng bộ và nhân dân xã Ninh Hải nói riêng đã tích cực tiến hành quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH - HĐH). Quá trình CNH - HĐH ở đây đã đạt được những thành tựu nhất định trên các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội, tác động đến sự biến đổi của văn hóa xã Ninh Hải và văn hóa làng Văn Lâm.

Một trong những thành tựu nổi bật nhất của quá trình CNH - HĐH là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế có cơ cấu công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn. Hiện nay tỉ trọng nông nghiệp của xã chiếm 30% trong khi tỉ trọng dịch vụ - công nghiệp chiếm 70%. Bên cạnh đó, đời sống nhân dân được cải thiện, an sinh và công bằng xã hội được đảm bảo, y tế, giáo dục được đầu tư phát triển, thu nhập bình quân đầu người tăng, tỉ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 0,3%, an ninh trật tự và an toàn xã hội được tăng cường.

Về công tác văn hóa: một số hoạt động thông tin tuyên truyền chào mừng các ngày lễ lớn được tổ chức tốt, đặc biệt là công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, tổ chức thành công lễ hội đền Thái Vi, đại hội thể dục thể thao, v.v... Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực; Ủy ban nhân dân (UBND) xã đã điều chỉnh quy

hoạch xây dựng Nông thôn mới đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương; triển khai dồn điền đổi thửa gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng và chỉnh trang hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi, nhà văn hóa thôn, xóm, trường học, công trình nước sạch và các công trình phúc lợi khác. Xã Ninh Hải là 1 trong 4 xã điểm đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huy động nhân dân hưởng ứng tham gia phong trào hiến đất, góp công, góp của xây dựng các công trình công cộng.

Toàn xã tiếp nhận và bàn giao 200 tấn xi măng cho các thôn làm đường giao thông nông thôn; nhân dân đóng góp 555 ngày công, 55 triệu 500 nghìn đồng. Kết quả đã làm được trên 1.729 km đường giao thông thôn; xây mới, sửa chữa 02 nhà văn hóa thôn; 01 nhà văn hóa xã; 01 chợ. Đến nay UBND xã Ninh Hải đạt 14/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nhân dân trong xã phấn khởi, tin tưởng và tích cực hưởng ứng phong trào xây dựng nông thôn mới.

3.1.2. Hoạt động du lịch tại khu du lịch Tam Cốc - Bích Động và hoạt động du lịch tại làng nghề

Theo số liệu thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình, số lượng khách du lịch đến khu du lịch (KDL) Tam Cốc - Bích Động có những biến động nhất định nhưng nếu so sánh số lượng khách giữa hai thời điểm (2007 và 2014) thì lượng khách tăng lên là đáng kể. Năm 2014 tổng lượng khách là 281.214 lượt, tăng 8.5% so với năm 2007 (259.093 lượt). Năm 2010 số lượng khách đến Tam Cốc đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2007 - 2014 với 330.309 lượt. Điều này được lý giải bởi việc chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh tại KDL này (Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch chỉ quản lý về mặt Nhà nước còn việc kinh doanh tại KDL do doanh nghiệp Xuân Trường đảm nhận). Tuy nhiên trong hai năm 2013 và 2014 tổng lượng khách tham quan có xu hướng giảm so với năm 2012 (xem bảng 3.1). Điều này được lý giải bởi sự sụt giảm số lượng khách quốc tế đến Việt Nam nói

chung và sự sụt giảm số lượng khách nội địa do sức hút từ quần thể KDL sinh thái Tràng An - Bái Đính.

Năm	Tổng số khách (lượt người)	Khách nội địa (lượt người)	Khách quốc tế (lượt người)
2007	259.093	109.873	149.220
2008	324.224	169.562	154.662
2009	314.538	180.712	133.826
2010	330.309	172.444	157.865
2011	276.795	107.144	169.651
2012	319.999	93.164	226.835
2013	313.714	78.162	226.355
2014	281.214	75.599	205.615

**Bảng 3.1. Số lượng khách đến khu du lịch Tam Cốc - Bích Động
từ 2007 đến 2014**

[Nguồn: Sở Văn hóa - Thể thao & Du lịch Ninh Bình, 2014]

Trong số khách du lịch tham quan KDL Tam Cốc - Bích Động thì số lượng khách tham gia vào hoạt động du lịch làng nghề theo đúng nghĩa (tham quan làng nghề, tìm hiểu quá trình sản xuất và mua sắm sản phẩm thủ) chiếm một tỷ lệ nhỏ, mỗi năm có khoảng trên dưới 10.000 lượt người, trong đó trên 80% là khách quốc tế. Đó là các đoàn khách đi theo tour hoặc khách lẻ có hướng dẫn viên đi kèm. Đa số đối tượng khách này lựa chọn việc lưu trú tại các khách sạn xung quanh bến thuyền Tam Cốc và dành thời gian tìm hiểu và tham quan làng nghề, trong đó chủ yếu là khách Pháp, Đức, Úc, Mỹ...

Số lượng khách nội địa tham gia vào loại hình du lịch làng nghề tại Văn Lâm chỉ chiếm khoảng 20% tổng số khách đến làng nghề (khoảng 2.000 lượt), trong đó đa phần là đối tượng học sinh, sinh viên và những nhà nghiên cứu văn hóa.

Hoạt động du lịch làng nghề ở Văn Lâm phát triển ở 3 mức độ chủ yếu, trong đó, hoạt động mua sắm các mặt hàng thủ ren làm quà lưu niệm là phổ biến nhất, chiếm khoảng 75% tổng số du khách đến làng nghề. Hình thức tham quan thuần túy xưởng thủ chiếm khoảng 15% lượng khách, đây là hình thức khá phổ biến đối với các đoàn khách đi theo tour. Hoạt động tham quan kết hợp tìm hiểu các giá trị văn hoá làng nghề và học tập các kỹ thuật thủ ren mới xuất hiện trong thời gian gần đây là một hình thức đặc trưng, thể hiện rõ nét nhất bản chất của du lịch làng nghề. Tuy nhiên hình thức này chưa được phổ biến rộng rãi và chỉ có khoảng 10% khách du lịch lựa chọn.

Hoạt động mua sắm các sản phẩm thủ ren của làng nghề làm quà lưu niệm là hình thức phổ biến nhất của du khách khi đến Văn Lâm. Với hệ thống cửa hàng ở khu vực xung quanh bến thuyền Tam Cốc, du khách sau khi đi thăm các thắng cảnh ở đây có thể mua sắm các đồ lưu niệm như tranh thủ, mũ, ví, túi xách, các bộ khăn ăn, khăn trải bàn, rèm cửa, gối...

Hoạt động tham quan quy trình sản xuất tại các xưởng thủ hoặc tại các hộ gia đình cũng là hoạt động được một số du khách lựa chọn. Một số xưởng thủ lớn đã xây dựng được mặt bằng tương đối quy mô, đảm bảo các yêu cầu về thẩm mỹ, tạo điều kiện cho du khách tới tham quan, tìm hiểu như: doanh nghiệp thủ ren Minh Trang, doanh nghiệp Yến Nhi. Ngoài ra, du khách có thể tìm hiểu về nghề thủ tại một số hộ gia đình trong làng như gia đình cụ Chu Văn Quân, gia đình ông Vũ Thành Luân.

Hoạt động tham quan có thể được đưa vào chương trình du lịch hoặc do du khách tự đến tìm hiểu tại các cơ sở sản xuất thủ ren. Thông thường du khách được quan sát, tìm hiểu công đoạn thủ tại xưởng và có thể được chủ xưởng hay các thợ thủ cung cấp một số thông tin về kỹ thuật và sản phẩm. Bên cạnh việc tham quan xưởng thủ thì du khách còn được hướng dẫn làm thử sản phẩm thủ hoặc người thợ thủ sẽ trực tiếp làm sản phẩm theo ý du

khách. Đây là một hình thức được một số công ty lữ hành quốc tế đưa vào các chương trình du lịch dành cho khách nước ngoài. Sự sáng tạo thể hiện dấu ấn cá nhân trên các sản phẩm thêu ren làm cho du khách rất thích thú. Đây là một hình thức dịch vụ khá chuyên nghiệp để lại được ấn tượng đối với du khách khi đi du lịch làng nghề. Hơn thế nữa, hình thức này giúp kéo dài thời gian lưu trú của du khách tại làng nghề, kích thích gia tăng việc sử dụng các dịch vụ. Tuy nhiên, do tính chất phức tạp của kỹ thuật thêu mà thợ thêu chỉ có thể hướng dẫn du khách làm một vài chi tiết nhỏ trên sản phẩm hoặc thêu tên khách và thông điệp mà du khách lựa chọn lên các sản phẩm đã hoàn thiện.

Ngoài ra, các dịch vụ lưu trú và ăn uống tại làng nghề cũng tương đối phát triển. Hệ thống các cơ sở lưu trú và ăn uống tương đối đa dạng về hình thức và chất lượng.

Hoạt động du lịch tại KDL Tam Cốc - Bích Động cũng như hoạt động du lịch tại làng nghề Văn Lâm đã có những tác động nhất định đến đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân nơi đây, trước hết là sự thay đổi cơ cấu cũng như chất lượng lao động của làng nghề (xem bảng 3.2).

Stt	Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014
1	Số hộ làm nghề	548	700	750	480
2	Tổng số hộ	825	1000	1000	996
3	Tỷ lệ (%)	66	70	75	48
4	Số lao động làm nghề	750	1200	1350	780
5	Tổng số lao động	1100	1500	1500	1150
6	Tỷ lệ (%)	68	80	90	67

Bảng 3.2. Bảng số liệu về lao động tại làng nghề thêu ren Văn Lâm từ 2011 đến 2014

[Nguồn: Sở Công thương Ninh Bình, 2014]

Nguồn nhân lực lao động sản xuất hàng thủ ren: Năm 2014, làng nghề có 996 hộ gia đình, trong đó có 480 hộ làm nghề thủ ren với khoảng 780 lao động trực tiếp tham gia sản xuất (chiếm 67% tổng số lao động của làng nghề). Số lượng lao động này vừa làm hàng thủ ren, vừa chèo đò tại bến thuyền Tam Cốc và bán các sản phẩm lưu niệm cho du khách. Do có điều kiện tiếp cận với hoạt động du lịch từ khá sớm nên những lao động này ngoài kỹ năng sản xuất các mặt hàng thủ ren họ còn có khả năng nắm bắt tâm lý khách hàng và tiếp thị du lịch khá tốt. Hơn nữa, cư dân địa phương ở đây có khả năng nói ngoại ngữ “bồi” tương đối thông thạo, tức là họ tự học tiếng nước ngoài từ du khách nên có thể giao tiếp thông thường mặc dù không biết viết và đọc. Đây là một thuận lợi hết sức cơ bản vì khi phát triển hoạt động du lịch làng nghề thì việc tiếp xúc và giao tiếp với du khách của người dân địa phương trở nên thường xuyên hơn, những kỹ năng về giao tiếp với khách du lịch sẽ trở thành một lợi thế quan trọng.

Nguồn nhân lực tham gia vào hoạt động du lịch: Năm 2014 ở Văn Lâm có 1.000 lao động tham gia làm dịch vụ chèo đò và khoảng 150 lao động phục vụ trong các nhà hàng, khách sạn ở khu vực quanh bến thuyền Tam Cốc. Có thể nói, hầu như toàn bộ lao động trong làng đều tham gia vào hoạt động du lịch. Lực lượng lao động tham gia chèo đò có điều kiện tiếp xúc khá thường xuyên với du khách nên kỹ năng giao tiếp đặc biệt là khả năng giao tiếp ngoại ngữ tương đối tốt. Những lao động phục vụ trong các nhà hàng, khách sạn có phong cách phục vụ khá chuyên nghiệp và chu đáo. Dịch vụ du lịch trở thành một ngành nghề phổ biến của người dân Văn Lâm. Nhiều hộ gia đình vừa sản xuất nông nghiệp, vừa làm hàng thủ ren và dịch vụ du lịch.

Bên cạnh sự thay đổi về cơ cấu và trình độ lao động thì hoạt động du lịch cũng có những tác động tích cực và tiêu cực tới đời sống của cư dân địa phương. Cụ thể:

Tác động tích cực

+ Hoạt động du lịch góp phần quảng bá một cách rộng rãi và có hiệu quả hình ảnh làng nghề và các sản phẩm đặc trưng của làng nghề.

Khi hoạt động du lịch tại Tam Cốc nói chung và hoạt động du lịch tại làng nghề nói riêng phát triển hiệu quả với quy mô mở rộng, chất lượng dịch vụ được nâng cao, người dân trong làng được trang bị các kiến thức cơ bản về du lịch, có thái độ phục vụ chu đáo, v.v... sẽ tạo được ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách. Khi đó mỗi du khách sẽ là một tuyên truyền viên trong việc giới thiệu, quảng bá về làng nghề Văn Lâm. Hình ảnh của làng nghề theo đó sẽ trở nên nổi tiếng, được du khách trong và ngoài nước biết đến. Do đó nếu khai thác hiệu quả các nguồn khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế thì phát triển làng nghề thâm canh rất khả thi. Cùng với hướng xuất khẩu mặt hàng thâm canh qua thương mại, trao đổi với đối tác nước ngoài thì việc quảng bá thông qua kênh du lịch cũng là một hướng đi đúng đắn. Nói cách khác du lịch chính là cầu nối trung gian giữa những người có nhu cầu tìm hiểu, tham quan du lịch làng nghề, xúc tiến đầu tư kinh doanh và làng nghề Văn Lâm. Chính sự kết nối đó sẽ mở ra những cơ hội kinh doanh, đầu tư mới cho sự phát triển lâu dài của nghề thâm canh.

+ Tác động đến kinh tế - văn hóa xã hội của làng nghề

Phát triển hoạt động sản xuất cũng như hoạt động du lịch tại làng nghề theo hướng bền vững cũng mở rộng thị trường đầu ra cho sản phẩm của Văn Lâm. Mặc dù khách du lịch chỉ mua sản phẩm thâm canh với số lượng khiêm tốn nhưng nguồn thu từ đó cũng đáng kể bởi vì lợi nhuận từ việc bán lẻ sản phẩm cho du khách bao giờ cũng cao hơn so với giá bán thông thường (giá đã bao gồm cả phí dịch vụ). Bên cạnh việc bán hàng thâm canh thì các hộ kinh doanh cũng bán thêm các đồ lưu niệm cho khách, đây thực chất là một hình thức xuất khẩu tại chỗ để thu ngoại tệ, đặc biệt là những ngoại tệ có giá trị lớn so với

Việt Nam đồng. Hoạt động “xuất khẩu” này không những tiết kiệm được chi phí vận chuyển, bảo quản, thuế quan mà còn đem lại lợi nhuận cao.

Nhờ hoạt động du lịch mà làng nghề còn tăng khả năng thu hút vốn đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội ký kết các hợp đồng kinh tế với các đối tác trong - ngoài nước. Ngày nay, du lịch công vụ cũng như kết hợp du lịch với việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh là một loại hình khá phổ biến. Do vậy, việc khách du lịch tham quan làng nghề chính là phương thức quảng bá trực quan, sinh động nhất về nghề thêu.

Có thể nói hiệu quả kinh tế nổi trội và bền vững nhất mà hoạt động du lịch mang lại cho nhân dân địa phương là khả năng tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao mức sống. Du lịch nói chung và du lịch làng nghề nói riêng sẽ phát huy được tính cộng đồng của khối dân cư, khuyến khích dân cư tham gia tích cực vào hoạt động du lịch, tạo ra nguồn lợi chính đáng cũng như góp phần bảo vệ những di sản văn hóa của cộng đồng một cách tích cực, chủ động. Khi đó mỗi hộ gia đình đều có thể trở thành một điểm đến, mỗi người dân có thể trở thành một hướng dẫn viên. Tuy điều kiện phát triển du lịch làng nghề tại Văn Lâm mới ở giai đoạn đầu như hiện nay nhưng người dân cũng đã thấy khá rõ hiệu quả kinh tế mà du lịch mang lại cho họ. Các hộ gia đình, các công ty kinh doanh sản phẩm thêu ren, bán hàng lưu niệm cho khách hay những xưởng thêu thu hút khách tới tham quan đã nhận thấy rõ lợi nhuận mà họ thu được.

Song song với việc mở rộng thị trường tiêu thụ thì hoạt động du lịch còn góp phần tạo ra sự đa dạng hóa cho sản phẩm thêu ren. Trước khi có hoạt động du lịch tại Tam Cốc sản phẩm của làng thêu chủ yếu là khăn ăn, khăn trải bàn, rèm cửa, vỏ gối, còn lại là tranh thêu nhưng với số lượng hạn chế, chủ yếu được làm theo hợp đồng trước. Hiện nay để phục vụ nhu cầu của nhiều đối tượng khách, các sản phẩm đa dạng hơn với nhiều mẫu mã, kiểu

dáng, kích thước. Ngoài các sản phẩm truyền thống kể trên thì làng nghề thêu còn sáng tạo những mẫu thêu trên áo, khăn quàng, khăn tay, tranh thêu, ga trải giường, ví, túi xách, v.v...

Hoạt động du lịch còn tạo cơ hội cho nhân dân địa phương tiếp xúc, giao lưu với những đối tượng khách du lịch khác nhau, làm phong phú vốn hiểu biết, hoàn thiện kỹ năng giao tiếp, nâng cao trình độ dân trí.

Tác động tiêu cực

Tác động đến môi trường: tại bất cứ một điểm đến nào rác thải cũng là một trong những vấn đề nan giải nhất. Số lượng khách du lịch càng lớn thì lượng rác thải cũng theo đó mà gia tăng, làm ô nhiễm môi trường và trực tiếp ảnh hưởng đến cảnh quan làng nghề. Hoạt động du lịch kéo theo nhu cầu mua sắm sản phẩm thủ công truyền thống, sản phẩm lưu niệm. Tuy nhiên hệ quả trực tiếp từ hoạt động sản xuất là sự gia tăng ô nhiễm môi trường, đặc biệt là môi trường nước. Các sản phẩm thêu ren đều phải trải qua khâu giặt tẩy bằng hóa chất (trong đó có một số hóa chất rất độc hại) nhưng quy trình xử lý nước thải còn nhiều bất cập làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường nước, tác động trực tiếp đến sự đa dạng sinh thái, sức khỏe người dân và sự an toàn của khách du lịch.

Cùng với sự nâng cao của đời sống kinh tế thì nhiều tệ nạn xã hội cũng xảy ra như đánh bạc, trộm cắp, ma túy, v.v... đặc biệt có một số đối tượng kinh doanh nhỏ thường bắt chẹt khách, bán hàng với giá quá cao hay mở dịch vụ “cò mồi” cho những nhà nghỉ, nhà hàng kém chất lượng. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh của làng nghề cũng như chất lượng và sự chuyên nghiệp trong phục vụ du khách.

Sự phát triển du lịch tất yếu sẽ kéo theo sự du nhập nhiều luồng văn hóa ngoại lai, trong đó có những giá trị hoặc yếu tố văn hóa không phù hợp

với những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương. Du khách đến từ nhiều quốc gia khác nhau với những trang phục, ứng xử, ngôn ngữ, văn hóa, v.v... khác nhau sẽ ảnh hưởng nhất định đến người dân làng nghề, nhất là giới trẻ.

3.2. Một số biến đổi văn hóa truyền thống làng Văn Lâm

3.2.1. *Biến đổi văn hóa vật thể*

3.2.1.1. *Biến đổi cảnh quan làng xóm*

Hiện nay cảnh quan của làng Văn Lâm có những thay đổi rõ rệt. Bên cạnh những biểu tượng truyền thống của làng quê Bắc Bộ điển hình với cây đa, bến nước, sân đình thì cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch của làng cũng được nâng cấp.

Trước hết, hệ thống cơ sở hạ tầng của làng nghề thêu ren Văn Lâm tương đối hoàn thiện. Hệ thống đường giao thông trong làng được bê tông hóa tới 98%, đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại của nhân dân và du khách. Đoạn đường từ quốc lộ 1A vào đến bến thuyền Tam Cốc dài khoảng 1km được xây dựng rất đẹp, phân thành hai chiều thuận tiện cho phương tiện giao thông ra vào làng. Đoạn đường này được trang trí bồn hoa và trồng cây xanh hai bên. Từ đầu đường đoạn quốc lộ 1A rẽ vào có 4 cột đá được trang trí tinh xảo tạo ấn tượng cho du khách khi đến đây.

Hệ thống cấp thoát nước được xây dựng, đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh du lịch. 100% số hộ trong thôn Văn Lâm được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh. Bên cạnh đó hệ thống cấp thoát nước đã được xây dựng, đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất thêu ren. Công trình xử lý nước thải này góp phần giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước trong quá trình giặt tẩy sản phẩm thêu bằng các hóa chất.

Hệ thống thông tin liên lạc cũng được chú trọng đầu tư và nâng cấp. Ngoài ra chính quyền xã Ninh Hải cũng phát triển hệ thống phát thanh với 22

cụm loa trên 07km đường dây, trong đó khu vực thôn Văn Lâm có 04 cụm loa. Về hệ thống liên lạc viễn thông, toàn xã Ninh Hải có 04 trạm thu phát sóng, trong đó thôn Văn Lâm có 01 trạm.

Toàn xã Ninh Hải có 01 trạm y tế được công nhận đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1 năm 2007 nằm trên địa bàn thôn Văn Lâm. Trạm y tế có nhiệm vụ phòng và khám chữa bệnh cho nhân dân trong xã cũng như du khách trong các trường hợp cần thiết.

Do nằm trong khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, một khu du lịch phát triển khá sớm của tỉnh Ninh Bình nên hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch của làng nghề Văn Lâm tương đối hoàn thiện. Hiện nay trong làng có 13 cơ sở kinh doanh lưu trú bao gồm khách sạn và nhà nghỉ với quy mô vừa và nhỏ như khách sạn Yên Nhi, Thề Long, nhà cổ Cỏ Viên Lầu, v.v... Bên cạnh hệ thống cơ sở lưu trú là hệ thống cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ nhu cầu của thực khách với các món ăn đặc sản Ninh Bình như thịt dê cơm cháy, nem nắm, gỏi nhệch... và đồ ăn được nấu theo phong cách ẩm thực châu Âu. Ngoài ra trong thôn còn có 19 cửa hàng nằm dọc hai bên đường đoạn từ Ban quản lý Khu du lịch Tam Cốc -Bích Động đến bến thuyền Tam Cốc và một số cửa hàng nhỏ và các quầy hàng di động rải rác trong chợ, trên thuyền bán các sản phẩm thủ ren và đồ lưu niệm cho du khách với nhiều chủng loại hàng hóa như tranh thêu, vỏ gối, khăn trải bàn, đồ thủ công mỹ nghệ bằng đá, gỗ, sơn mài, v.v...

3.2.1.2. Biến đổi kiến trúc nhà ở

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, xã Ninh Hải nói chung và thôn Văn Lâm nói riêng đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH, xây dựng kinh tế - xã hội, mở rộng quan hệ sản xuất và hợp tác quốc tế. Trong thời gian qua, với sự chuyển đổi từ kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường,

với sự mở cửa kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước nhằm phát huy nội lực, nền kinh tế địa phương đang trên đà phát triển, bộ mặt kiến trúc nông thôn đang thay đổi hàng ngày, điển hình là sự xuất hiện các phong cách kiến trúc hiện đại bên cạnh phong cách kiến trúc truyền thống của dân tộc. *Kiến trúc và tổ chức không gian* nhà ở truyền thống nơi đây đang thay đổi từng ngày. Nếu như nhà ở truyền thống trước kia là ngôi nhà bán kiên cố bao gồm nhà 3 gian hai chái, nhà 5 gian hai chái, hoặc nhà không kiên cố được xây dựng bởi các vật liệu sẵn có tại địa phương như: tranh, tre, nứa, lá, v.v... thì hiện nay, hầu hết các ngôi nhà hiện đại kiên cố đã mọc lên san sát.

Trước hết, do sự phát triển của khoa học kỹ thuật giờ đây con người có thể sử dụng những vật liệu hiện đại như bê tông, cốt thép, tôn, nhựa, kính... những vật liệu bền, đảm bảo cho sự kiên cố của các công trình xây dựng nhà cửa. Không chỉ thay đổi vật liệu xây dựng mà ngay cả kết cấu kiến trúc trong ngôi nhà cũng thay đổi theo. Nếu trước đây, cha ông ta dựa vào thuyết phong thủy để tìm những thế đất, hướng nhà phù hợp với vận mệnh của từng gia chủ khi đặt móng xây nhà, quá trình xây nhà dựa vào kinh nghiệm được tích lũy bao đời trước để lại, thì đến nay đa số các ngôi nhà được lựa chọn kỹ lưỡng cả về vị trí, hướng lẫn thiết kế kiến trúc từ trước khi bắt tay vào khởi công xây dựng. Các thiết kế kiến trúc còn được cụ thể hóa bằng mẫu thiết kế hoặc bản vẽ cho phù hợp với nhu cầu sinh hoạt của từng gia đình. Riêng về kết cấu kiến trúc, nhà ở truyền thống trước kia thường hình thành trên cơ sở của hệ thống cột, kèo với các dạng điển hình như vì kèo ba bốn cột, liên kết bởi xà ngang, dọc bằng gỗ. Hiện nay, do du nhập lối kiến trúc phương Tây hiện đại, nhà ở của nhân dân Văn Lâm chủ yếu là nhà hộp cao tầng kiên cố với bộ khung kết cấu bê tông cốt thép chịu lực thay thế cho bộ khung kết cấu vì kèo, cột gỗ trước đây. Bên cạnh đó, các kiểu trang trí trong kiến trúc của ngôi nhà cũng đã có sự ảnh hưởng từ phương Tây, đó là sự du nhập lối kiến trúc Gô

tích trong trang trí các bộ phận của ngôi nhà như cửa sổ, cửa thông khí, mái hiên, lan can, v.v...

Không chỉ thay đổi về nguyên vật liệu xây dựng, kết cấu kiến trúc mà ngay cả quy hoạch không gian sinh hoạt trong nhà ở cũng thay đổi rõ rệt. Một ví dụ điển hình, trước đây trong ngôi nhà 3 gian hay 5 gian 2 chái người ta chọn gian chính giữa của ngôi nhà (phần trang trọng nhất) để bố trí ban thờ tổ tiên thì đến nay, hầu hết các gia đình có xu hướng đưa ban thờ lên vị trí cao nhất, có thể là tầng cao nhất. Đặc biệt, đối với một số gia đình chủ nhà còn rất chú trọng đến việc vận dụng yếu tố phong thủy vào việc bố trí các đồ đạc, vật dụng gia đình như giường ngủ, bể cá, phòng khách, phòng ngủ, bếp, v.v... thậm trí cả màu sơn của nhà, cửa và các vật dụng cũng được lựa chọn rất kỹ lưỡng, tỉ mỉ.

Hơn nữa, tổ chức khuôn viên khu đất ở cũng có sự thay đổi. Trước đây, quan niệm của người dân khi xây dựng nhà ở là hướng về thiên nhiên và bố trí khuôn viên trong ngôi nhà phù hợp với cuộc sống sinh hoạt thường nhật của gia đình: trước nhà là sân - vườn - ao. Nhưng hiện nay không phải gia đình nào cũng có diện tích đủ lớn để có cả ao, sân hay vườn mà thay vào đó là sự xuất hiện của các không gian mới như nhà kho, chuồng trại gia súc, xưởng sản xuất, thậm chí cả gara ô tô. Không gian của ngôi nhà được sử dụng linh hoạt, đa năng, dễ dàng biến đổi thích ứng cho các điều kiện sinh hoạt của gia đình. Tất cả những thay đổi này được thể hiện rất rõ nét trong các ngôi nhà cao tầng ở trung tâm của làng.

Như vậy, sự biến đổi về kiến trúc và tổ chức không gian trong kiến trúc và không gian nhà ở diễn ra theo quy luật tất yếu dưới tác động của đô thị hóa và quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trước đây, người dân Văn Lâm làm nông nghiệp là chính nên không gian nhà ở truyền thống gồm nhà chính, nhà phụ có sân rộng để phơi nông sản cũng như làm nghề thủ, xung quanh có

vườn rau, vườn cây ăn quả, ao nuôi cá, chuồng trại chăn nuôi gia súc. Ngày nay, dân số gia tăng trong khi diện tích đất trồng trọt lại giảm do dành quỹ đất cho phát triển dịch vụ du lịch. Do đó, không gian nhà ở truyền thống đã biến đổi để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của chủ nhà.

3.2.2. *Biến đổi văn hóa phi vật thể*

3.2.2.1. *Biến đổi trong lễ hội*

Trước đây lễ hội đền Thái Vi được coi là quốc lễ do triều đình đứng ra tổ chức. Ngày nay, lễ hội đền Thái Vi đã trở thành hội làng, do nhân dân thôn Văn Lâm đứng ra tổ chức. Bên cạnh đó là sự góp mặt của một số làng xã khác trong địa bàn tỉnh huyện Hoa Lư. Mặc dù tính chất và quy mô tổ chức của lễ hội bị thu hẹp nhưng không khí vui tươi náo nhiệt của lễ hội vẫn được duy trì. Người tham gia lễ hội ngoài cộng đồng dân cư địa phương còn thu hút được khách du lịch ở khắp mọi miền đất nước.

Công tác chuẩn bị cho lễ hội Thái Vi hiện nay cũng được chính quyền và nhân dân chú trọng, quan tâm. Công việc chuẩn bị được diễn ra khoảng 3 ngày trước khi lễ hội diễn ra. Để chuẩn bị cho lễ hội đền Thái Vi, ban tổ chức đã lập 4 tiểu ban nhỏ là an ninh, tuyên truyền, nghi lễ và hậu cần. Mỗi tiểu ban sẽ phân công nhiệm vụ và giao trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân tham gia. Bộ phận an ninh sẽ triển khai các biện pháp an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông; huy động các lực lượng công an, quân sự, dân quân tự vệ làm nhiệm vụ trong thời gian trước, trong và sau lễ hội. Bộ phận tuyên truyền làm công tác giới thiệu và quảng bá hình ảnh lễ hội, thu hút người dân trong và ngoài tỉnh, cũng như khách du lịch trên khắp mọi miền đất nước. Ban nghi lễ phân công công việc cho nhiều rất nhiều nhóm nhỏ khác nhau như nhóm rước kiệu, nhóm cầm cờ, phường nhạc, ban tế, các đội tham gia trò chơi. Do bộ phận này tham gia trực tiếp vào lễ hội nên đóng vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định đến chất lượng và hình ảnh của buổi lễ. Còn

lại bộ phận hậu cần tiến hành chuẩn bị trang phục, tu sửa kiệu, trang trí không gian tổ chức và chuẩn bị một số công việc khác.

Ngoài ra, ban tổ chức lễ hội đền Thái Vi còn tiến hành công tác chuẩn bị và hoàn thiện kịch bản, nội dung chương trình cho lễ khai mạc và lễ tế. Công tác chuẩn bị chỉ kết thúc khi mọi thứ đã sẵn sàng, từng bộ phận đã nhận rõ trách nhiệm của mình để đảm bảo rằng buổi lễ sắp tới có thể diễn ra thuận lợi nhất.

3.2.2.2. Biến đổi nghề thêu truyền thống

Trước đây, người thợ Văn Lâm sản xuất ra các sản phẩm theo một chu trình khép kín, tất cả các công đoạn đều được tiến hành tại địa phương từ việc trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, xe chỉ sợi, cắt vải thêu, vẽ/in mẫu thêu, chỉnh sửa, giặt tẩy cho đến đóng gói. Các dụng cụ thêu như khung thêu, kim thêu, dao chích, dao kẻ, kim trở mẫu, v.v... cũng được sản xuất tại chỗ do một xưởng rèn phụ trách. Các công đoạn thêu đều được thao tác thủ công, chưa có sự hỗ trợ của trang thiết bị, máy móc hiện đại; chưa có các loại vải thêu, chỉ, kim thêu...ngoại nhập như bây giờ.

“Hiện nay với sự hỗ trợ đắc lực của khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại nhiều công đoạn sản xuất của nghề thêu ren đã được thay thế bởi máy móc như các loại máy thêu, máy sấy, thiết bị dùng để chế tác mẫu mã, hoa văn, họa tiết, đường nét sản phẩm” [2, tr.316]. Ngoài ra, nguồn nguyên liệu cho nghề thêu ren rất phong phú về chủng loại, chất liệu như vải vóc, chỉ thêu, phẩm màu, được sản xuất ở cả trong và ngoài nước. Điều này làm giảm thời gian lao động, gia tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã.

Công đoạn vẽ mẫu hiện nay được làm theo hai phương thức: vẽ thủ công (sử dụng giấy gió hoặc giấy bóng can, bút chì, kim trở) và vẽ hiện đại (sử dụng máy trở mẫu) nhưng đối với các mẫu thêu phức tạp thì phương thức

thủ công vẫn là lựa chọn hàng đầu vì đây là công đoạn đầu tiên để làm ra sản phẩm, là yếu tố đảm bảo cho sự thành công của sản phẩm. Các công đoạn xe chỉ, cắt vải, tẩy trắng, giặt là đều được thực hiện bằng máy và sử dụng hóa chất hỗ trợ.

Hiện nay chỉ có hai khâu được thao tác hoàn toàn bằng tay và cũng là hai khâu quan trọng nhất, đó là khâu thêu ren và khâu chỉnh sửa. Tuy các loại máy thêu công nghiệp đã xuất hiện từ khá lâu song đối với những đơn hàng phức tạp hoặc đơn hàng thêu ren thì người thợ phải thêu thủ công, do đó khâu chỉnh sửa sản phẩm cũng phải làm theo phương thức này.

Giá trị của sản phẩm thủ công truyền thống nằm ở hai chữ ‘thủ công’, tức là sản phẩm phải được làm ra từ bàn tay của người thợ nghề nhưng sự phát triển của công nghệ sản xuất cùng với mục đích lợi nhuận kinh doanh trước mắt đã khiến cho sản phẩm của làng nghề có nhiều biến đổi. Trong số các sản phẩm bày bán cho du khách thì số lượng sản phẩm thủ công do người làng tạo ra đang có xu hướng giảm đi, thay vào đó là các mặt hàng được sản xuất từ nơi khác, các sản phẩm thêu bằng máy như túi, ví....mà ta có thể mua được ở nhiều điểm du lịch khác trong nước. Đó là các sản phẩm được thêu công nghiệp, sản xuất hàng loạt tại các cơ sở tư nhân trong tỉnh và nhiều tỉnh lân cận. Mặc dù sự khác biệt giữa sản phẩm thủ công và sản phẩm công nghiệp rất dễ nhận ra nhưng do sự chênh lệch quá lớn về mặt giá thành mà nhiều du khách vẫn lựa chọn những sản phẩm công nghiệp giá rẻ. Các sản phẩm được sản xuất hàng loạt không chỉ hạn chế về thẩm mỹ mà còn thiếu cả giá trị văn hóa được kết tinh trong đó. Mặt khác do công nghệ sản xuất hiện đại mà đã xuất hiện nhiều mặt hàng được sản xuất công nghiệp hoặc có nguồn gốc từ nơi khác nhưng lại mang kiểu dáng, mẫu mã khá giống với các mặt hàng thủ công của Văn Lâm. Những hộ kinh doanh tại Văn Lâm đang tự gây sức ép đối với chính sản phẩm truyền thống của làng mình, do đó sản phẩm

thêu Văn Lâm đang đứng trước nguy cơ cạnh tranh gay gắt. Trước mắt, những sản phẩm kiểu này chưa thể thay thế hoàn toàn các sản phẩm thủ công đặc trưng của làng nghề nhưng việc kinh doanh quá nhiều mặt hàng này sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của làng nghề về lâu dài.

Năm 2014 theo thống kê của Sở Công thương Ninh Bình, ở Văn Lâm có 480 trên tổng số 996 hộ gia đình tham gia sản xuất thêu ren (năm 2011 có 548 hộ). Tuy nhiên tính chất của nghề thêu ở Văn Lâm không giống như các hoạt động sản xuất khác (đòi hỏi phải có cơ sở để sản xuất), mỗi người dân chỉ cần một khung thêu và các dụng cụ thêu là có thể làm hàng thêu bất cứ lúc nào, bất cứ địa điểm nào. Do đó, con số thống kê như trên chỉ mang tính tương đối vì hầu như gia đình nào ở Văn Lâm cũng có người làm hàng thêu và hầu như người Văn Lâm nào cũng biết nghề thêu. Hình thức hộ gia đình là hình thức tổ chức sản xuất truyền thống nhưng hiện nay hình thức này đang có xu hướng thu hẹp dần. Tuy nhiên, một số ít hộ gia đình có điều kiện phát triển mở rộng quy mô sản xuất, thuê mướn thêm lao động hoặc cho các gia đình khác làm gia công, sau đó giao sản phẩm cho doanh nghiệp xuất khẩu, hoặc cũng có thể gửi đi xuất khẩu trực tiếp từng container theo hợp đồng riêng. Về lâu dài đa phần các gia đình này sẽ làm thủ tục chuyển qua thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH).

Bên cạnh sự phát triển của hình thức sản xuất hộ gia đình thì các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh khác như: doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần ở làng nghề những năm gần đây cũng vận động theo chiều hướng tăng lên. Hiện nay ở Văn Lâm có 08 doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng thêu, thêu ren và thêu đính cườm như doanh nghiệp Tam Cốc, Mỹ Hương, Minh Trang, An Lộc, Yến Nhi. Các doanh nghiệp này đứng ra làm chủ thầu thuê công nhân làm việc trong các xưởng hoặc thu mua hàng do các hộ gia đình và các xưởng sản xuất khác.

3.3. Giải pháp bảo tồn và phát triển văn hóa làng Văn Lâm

3.3.1. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể

Dưới tác động của quá trình CNH - HĐH và hoạt động kinh doanh du lịch diện mạo văn hóa truyền thống làng Văn Lâm có những biến đổi rõ nét. Do đó việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của làng nghề là một yêu cầu cấp bách.

Để làm được việc này trước hết cần *nâng cao nhận thức cho nhân dân địa phương về tầm quan trọng của công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống làng nghề*. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cần chú ý khơi dậy niềm tự hào về truyền thống văn hóa địa phương, từ đó hình thành ý thức tự giác sưu tầm, khôi phục, bảo vệ, chuẩn bị tri thức cho người dân về tính tất yếu cũng như xu hướng biến đổi của văn hóa truyền thống trong bối cảnh CNH - HĐH. Công tác tuyên truyền cần được thực hiện một cách đồng bộ và mạnh mẽ, nên đưa vào chương trình tuyên truyền những thông tin cụ thể, sát thực, gần gũi với sinh hoạt của người dân. Một số giải pháp cụ thể như sau:

- + Cần phát hành nhiều ấn phẩm về văn hóa truyền thống làng Văn Lâm, các ấn phẩm phải đa dạng về hình thức, hấp dẫn về nội dung.

- + Sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng để tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, các truyền thống văn hóa, thông tin văn hóa một cách kịp thời, sâu rộng và có hiệu quả. Tiếp tục duy trì các chuyên mục văn hóa địa phương trên hệ thống phát thanh - truyền hình hay các trang chuyên đề trên báo, tạp chí, v.v...

- + Phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức đoàn thể, câu lạc bộ, hội, nhóm, đưa nội dung văn hóa vào các buổi sinh hoạt định kỳ. Khuyến khích thành lập các câu lạc bộ tại địa phương như câu lạc bộ hát chèo, câu lạc bộ làng nghề nhằm góp phần giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống.

+ Tại các thôn xóm thường xuyên tổ chức sinh hoạt định kỳ hoặc theo tuần/tháng, giao lưu văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao. Tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống như hát chèo, hát xẩm, đưa văn hóa dân gian gần hơn với đời sống nhân dân.

Vật chất hóa quá trình lưu giữ và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, chú trọng tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật. Căn cứ vào kết quả kiểm kê các di sản văn hóa của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan hữu quan và chính quyền địa phương cần tiến hành phân loại, đánh giá, xây dựng các đề án bảo tồn cụ thể với từng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản và truyền dạy, giới thiệu di sản, đầu tư, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động bảo tồn, tôn tạo một cách hợp lý. Những di sản văn hóa truyền thống nổi bật của làng nghề như nghề thêu ren, đình Các, đền Thái Vi cần được lưu giữ thành những tài liệu dưới dạng ấn phẩm sách, hiện vật, ghi âm, phim tài liệu, mô hình, v.v... tạo thuận lợi trong quá trình tìm kiếm và giới thiệu tới cộng đồng một cách hiệu quả.

Với những di sản văn hóa vật thể, đặc biệt là các di tích kiến trúc thờ tự, những hiện vật có giá trị cần căn cứ trên hiện trạng thực tế từ đó đưa ra kế hoạch bảo vệ, trùng tu hay trưng bày một cách cụ thể; tăng cường công tác kiểm tra, quản lý di tích; gắn trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể địa phương trong việc giữ gìn di tích. Với những di sản văn hóa phi vật thể như nghệ thuật truyền thống, làng nghề thêu ren, lễ hội, v.v... cần duy trì một cách thường xuyên và phù hợp, gắn các di sản đó với đời sống nhân dân thông qua những buổi sinh hoạt cộng đồng. Cần có những chính sách hỗ trợ thích đáng hơn với những nghệ nhân làng nghề hoặc những người có công trong việc sưu tầm, đánh giá và duy trì các giá trị văn hóa truyền thống. Cần duy trì và phát triển nghề thêu ren bằng nhiều hình thức như mở những hội thi hàng năm để

các thợ thêu một mặt hoàn thiện tay nghề, một mặt nhằm giới thiệu đến công chúng những sản phẩm độc đáo của làng nghề.

Kết hợp bảo tồn phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch.

Gắn việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống làng thêu ren Văn Lâm với phát triển du lịch bền vững là một trong những giải pháp mang lại lợi ích lâu dài trong bảo vệ văn hóa và phát triển kinh tế. Một mặt, thông qua hoạt động du lịch nhằm giới thiệu, quảng bá văn hóa làng nghề, mặt khác những lợi ích từ hoạt động du lịch sẽ góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm bảo vệ văn hóa của các cấp chính quyền cũng như cộng đồng dân cư và khách du lịch. Phát triển du lịch làng nghề, thay vì hoạt động tham quan và mua sắm đơn thuần khách du lịch sẽ được trải nghiệm, tham gia trực tiếp vào quá trình tạo ra sản phẩm thêu ren. Đây mạnh phát triển loại hình du lịch homestay tại làng nghề nhằm duy trì và bảo tồn những giá trị văn hóa địa phương.

3.3.2. Phát triển nghề thêu theo hướng bền vững

Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm làng nghề thêu ren

Trong xu hướng hội nhập kinh tế hiện nay, sản phẩm làng nghề không còn nằm trong phạm vi một vùng, thị trường trong nước mà còn vươn ra thế giới. Bởi vậy, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm làng nghề truyền thống là yêu cầu cần thiết để bảo tồn, duy trì và phát triển làng nghề, có cơ sở giới thiệu truyền thống văn hoá địa phương và phát huy giá trị kinh tế của sản phẩm thêu ren làng nghề, đăng ký thương hiệu cho sản phẩm làng nghề vì lợi ích lâu dài. Hiện nay, việc đăng ký thương hiệu vẫn là vấn đề mới đối với các cơ sở sản xuất trong làng nghề thêu ren Văn Lâm. Các chủ cơ sở sản xuất ở các làng nghề vừa chưa ý thức được đăng ký thương hiệu là để tự bảo vệ mình, vừa ngại tốn kém về chi phí. Thói quen sản xuất nhỏ đã vô tình kìm hãm sự phát triển của làng nghề. Giải quyết cho vấn đề này, làng nghề và địa phương cần phối hợp với Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Liên

minh hợp tác xã hướng dẫn làng nghề thành lập hiệp hội làng nghề có tư cách pháp nhân, tạo điều kiện cho các sản phẩm làng nghề tham gia các hội chợ thương mại để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ. Nếu được hiệp hội đứng ra đăng ký thương hiệu, khi đó thương hiệu tập thể của làng nghề sẽ được độc quyền sử dụng. Khi đã có thương hiệu, làng nghề cũng nên mở trang Web quảng bá sản phẩm của mình trên mạng Internet, thông qua đó tìm bạn hàng mới, trực tiếp tiếp xúc đối với mọi đối tác để mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Đào tạo và nâng cao trình độ người lao động

Tay nghề của người thợ thủ công gần như quyết định hoàn toàn chất lượng của sản phẩm. Người thợ thủ công phải luôn tinh ý, sáng tạo để sử dụng các kỹ thuật thủ công phù hợp và đạt hiệu quả cao nhất. Vì thế, cần đào tạo cho người thợ thủ công không chỉ thành thạo các kỹ thuật thủ công cơ bản mà còn biết cách vận dụng linh hoạt các kỹ thuật đó. Đồng thời phải đào tạo kiến thức thẩm mỹ cho họ để họ tự tin, tự biết cách xử lý phù hợp với mỗi họa tiết.

Để nâng cao trình độ quản lý và tăng nhanh số lượng, trình độ tay nghề cho người lao động, đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất của các cơ sở sản xuất ở làng nghề thủ công trên địa bàn cần phải có những giải pháp mang tính hệ thống và đồng bộ theo các hướng sau:

Mở rộng quy mô và đa dạng hoá các hình thức dạy nghề, truyền nghề. Cải tiến chương trình và tổ chức lại hệ thống các trường dạy nghề. Tập trung chủ yếu vào đào tạo những kiến thức thiết thực cho việc phát triển nghề, các kỹ năng có tác dụng thiết thực cho nghề thủ công. Ngoài các tổ chức, các trung tâm dạy nghề trong tỉnh cần có cơ sở đào tạo dành riêng cho làng nghề thủ công thông qua các lớp tập huấn ngay tại địa phương. Thông qua các cơ sở này, Nhà nước có sự hỗ trợ về đội ngũ cán bộ giảng dạy và nội dung chương trình. Kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành thực tế tại làng nghề thủ công trên địa bàn, giữa truyền nghề trực tiếp với đào tạo cơ bản.

Nhận thức rõ vai trò của đội ngũ nghệ nhân, thợ lành nghề đối với sự phát triển của làng nghề thủ ren truyền thống. Các cấp chính quyền từ tỉnh, huyện đến xã cần tiến hành những việc cần thiết như: có chính sách ưu đãi đối với những nghệ nhân, thợ giỏi, những người có tay nghề cao.

Thực tế sự phát triển làng nghề thủ ren ở Văn Lâm những năm qua cho thấy rằng việc đào tạo và truyền nghề cho người kế nhiệm có vai trò quan trọng để duy trì và phát triển nghề truyền thống bởi sản phẩm làng nghề không những có giá trị kinh tế mà còn mang đậm nét văn hoá quê hương, giữ gìn và phát triển nghề có ý nghĩa rất lớn về mặt tinh thần. Vì vậy tuyên truyền, nâng cao ý thức và truyền nghề cho lớp người kế cận còn là trách nhiệm của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương và các nghệ nhân làng nghề. Có như vậy làng nghề sẽ hội nhập và phát triển, sản phẩm làng nghề ngày càng vươn xa.

Trên địa bàn thôn nên thành lập "Câu lạc bộ nghề thủ ren truyền thống" nhằm thu hút các nghệ nhân, những người có kinh nghiệm sản xuất hàng thủ ren lâu năm tham gia. Từ đây, các nghệ nhân có điều kiện tiếp xúc và trao đổi kinh nghiệm với nhau, đồng thời cũng là nơi nghệ nhân truyền nghề cho các thế hệ nối tiếp.

Xây dựng hoàn thiện làng nghề - đơn vị phát triển của du lịch cộng đồng: Làng xã cổ truyền có nhiều yếu tố hấp dẫn du khách. Một số làng đã là nơi tham quan du lịch nổi tiếng và các hoạt động du lịch cộng đồng ở làng được thế giới gọi chung là “du lịch làng quê”. Do đó nếu phối hợp lồng ghép việc phát triển du lịch với phát triển nghề thì hiệu quả kinh tế - xã hội sẽ tăng lên rất nhiều. Cần phát triển tính độc đáo riêng của làng Văn Lâm qua các đặc điểm về di tích, cảnh quan, đặc biệt là nghề thủ ren. Khuyến khích làng nghề sản xuất chuyên các vật phẩm lưu niệm, mỹ nghệ mà tránh sự sao chép hoặc bán các sản phẩm của địa phương khác làm mất đi giá trị văn hóa độc đáo. Ngoài ra, nếu phát triển loại hình du lịch homestay thì phải bảo đảm được an ninh, an toàn cho du khách. Cần phải có chương trình tiếp thị và đăng ký

khách từ các tour lữ hành và hệ thống quốc gia. Xây dựng trạm dò, bến thủy có tổ chức, vị trí phù hợp, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và môi trường và quy hoạch các điểm bán hàng lưu niệm, quán ăn đặc sản.

Đẩy mạnh công tác giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên và xây dựng môi trường du lịch tại làng nghề. Đây là hình thức giáo dục mang lại hiệu quả cao đồng thời tiết kiệm được chi phí. Khách du lịch sẽ không tới những điểm du lịch mà ở đó bầu không khí thiếu tính thân thiện, thái độ của người dân không hiếu khách.

Chia sẻ lợi ích từ nguồn thu du lịch để hỗ trợ và tái đầu tư phát triển làng nghề như: hỗ trợ xây dựng các cơ sở phúc lợi chung của cộng đồng như trạm y tế, nhà văn hóa, nâng cấp, sửa sang nhà cửa đường sá, cầu cống... Điều này vừa mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương vừa góp phần giữ gìn nét đẹp văn hoá, thuần phong mỹ tục, đảm bảo sức hấp dẫn riêng biệt của làng nghề mà khách du lịch văn hoá quan tâm.

3.3.3. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về môi trường

Để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về làng nghề ở Văn Lâm trong thời gian tới, cần tăng cường và tổ chức hệ thống quản lý môi trường làng nghề từ quy mô cấp tỉnh, huyện, xã tới thôn xóm. Tỉnh cần sớm đưa ra các chính sách quản lý môi trường phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, như việc quy định về đóng góp cho quỹ môi trường, chế độ thưởng phạt, kê cả thuế môi trường đối với các hoạt động phát sinh hoặc giảm thiểu ô nhiễm.

Bên cạnh đó, cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và phương tiện vận chuyển cho cơ quan quản lý môi trường cấp huyện, xã đáp ứng nhu cầu thu gom, phân loại chất thải rắn để không ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe người dân; củng cố, bổ sung hệ thống cán bộ phụ

trách về môi trường chuyên trách ở cả cấp huyện và cấp xã; khẩn trương xây dựng khu tập kết chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại. Huyện, xã cần tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ cấp tỉnh và trung ương, huy động nguồn vốn đóng góp của các tổ chức kinh tế trong nước hỗ trợ các chương trình, dự án giải quyết ô nhiễm môi trường trong làng nghề thủ công.

Ngoài ra, các cấp chính quyền từ huyện đến xã cần tích cực hỗ trợ cung cấp thông tin, khuyến khích làng nghề thủ công, các hộ sản xuất, cơ sở hoạt động tại làng nghề áp dụng các giải pháp công nghệ giảm thiểu ô nhiễm do sản xuất nghề gây ra, hướng dẫn áp dụng công nghệ mới ít gây ô nhiễm môi trường. Cần đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường làng nghề, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động ở các cơ sở sản xuất.

Bên cạnh việc bảo vệ môi trường sản xuất của làng nghề chính quyền địa phương và các cấp quản lý cần nâng cao trách nhiệm cho cộng đồng đối với bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch. Đây là giải pháp dễ thực hiện, chi phí tiết kiệm và mang lại hiệu quả cao. Thông qua công tác tuyên truyền giáo dục cho cộng đồng dân cư hiểu được mục đích bảo vệ tài nguyên môi trường là ảnh hưởng đến công ăn việc làm và đời sống của cộng đồng.

Ở đâu có tài nguyên và môi trường du lịch thì ở đó có thể thu hút khách du lịch, có việc làm và có thu nhập. Ở đây, môi trường và tài nguyên chịu sự tác động của cả cộng đồng địa phương và khách du lịch; trong đó, cộng đồng dân cư tác động rất lớn đối với tài nguyên thiên nhiên, sự tác động có tính thường xuyên và liên tục vì họ sống đan xen với tài nguyên. Phải làm rõ cho cộng đồng hiểu giá trị tài nguyên đó mang đến sự sinh tồn cho họ, từ đó nâng cao nhận thức và huy động cộng đồng địa phương tham gia vào phát triển du lịch.

Bảo vệ đi đôi với bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên du lịch để tài nguyên du lịch ngày càng hấp dẫn thu hút khách du lịch. Để thực hiện tốt

nhiệm vụ này, nhất thiết cần phải có chính sách và các giải pháp hỗ trợ của các cơ quan quản lý và cộng đồng dân cư. Khai thác hợp lý nguồn tài nguyên và môi trường du lịch là một giải pháp hữu hiệu nhằm bảo tồn đồng thời phát triển nguồn tài nguyên du lịch. Để làm được điều đó thì phải khoanh vùng bảo vệ đối với tài nguyên. Từ đó tính toán đến sức chứa của vùng để xem xét lượng khách du lịch đến tham quan.

Khai thác hợp lý đồng thời gắn liền với bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thông qua các chính sách tái đầu tư từ nguồn thu trong quá trình khai thác tài nguyên phục vụ khách du lịch.

Xác định rõ vai trò và trách nhiệm cho các cấp, các ngành cũng như quần chúng nhân dân trong nhận thức xã hội về du lịch và phát triển du lịch.

Đặt các áp phích bảo vệ môi trường, phát tờ rơi nội quy tham quan cho du khách. Đào tạo kiến thức du lịch sinh thái cho nhân viên khu du lịch. Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức với nội dung cụ thể thiết thực, dễ hiểu, thể hiện các nội dung về bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch.

Hạn chế xả thải và xử lý triệt để các chất thải từ hoạt động của du khách và các dịch vụ phục vụ du lịch. Thiết lập hệ thống thu gom chất thải (bố trí đặt các thùng rác và các công trình vệ sinh).

Có mức phạt thích đáng đối với các hành vi vi phạm nội quy bảo vệ môi trường của nhân viên và khách du lịch: vứt rác, bẻ cây...

Xây dựng khu bán hàng lưu niệm cho các hộ dân tránh tình trạng bán hàng tràn lan tại các điểm tham quan.

Định kỳ kiểm tra bảo vệ, vệ sinh môi trường. Cán bộ cùng tham gia với người dân địa phương, khuyến khích khách du lịch tham gia. Khuyến khích các công ty lữ hành tổ chức các tour du lịch kết hợp với vệ sinh môi trường, trồng cây.

Tiểu kết chương 3

Dưới tác động của quá trình CNH – HĐH và hoạt động kinh doanh du lịch tại KDL Tam Cốc – Bích Động làng nghề thêu ren Văn Lâm nói chung và văn hóa làng nghề nói riêng đứng trước những thách thức và cơ hội lớn. Tác động tích cực của quá trình CNH – HĐH là sự chuyển dịch cơ bản về tỉ trọng ngành nghề trong cơ cấu kinh tế. Hiện nay cơ cấu ngành dịch vụ chiếm 70% trong khi nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 30%. Sự chuyển dịch này kéo theo sự gia tăng thu nhập, việc làm cho người dân trong làng cũng như lao động của địa phương. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật được cải thiện, bộ mặt nông thôn thay đổi, đời sống văn hóa được quan tâm. Bên cạnh đó, nghề thêu cũng có bước phát triển, hoạt động sản xuất ổn định, thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng, các hình thức kinh doanh cũng đa dạng, phong phú hơn. Tuy nhiên làng thêu hiện nay cũng phải đối mặt với nhiều thách thức và tác động tiêu cực từ hoạt động du lịch và quá trình CNH – HĐH như tệ nạn xã hội, văn hóa ngoại lai...

Vì vậy diện mạo văn hóa truyền thống Văn Lâm có những biến đổi trên cả phương diện văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Kiến trúc nhà ở và cảnh quan làng xóm có nhiều thay đổi về kiểu dáng, bố cục, chất liệu. Phương pháp và kỹ thuật thêu truyền thống có sự hỗ trợ của nhiều máy móc, phương tiện hiện đại. Lễ hội đền Thái Vi được tổ chức với nhiều lễ nghi hiện đại...

Trước những thay đổi trong văn hóa làng luận văn đưa ra một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa làng Văn Lâm trong bối cảnh mới. Thứ nhất cần nâng cao nhận thức cho nhân dân địa phương về tầm quan trọng của công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống làng nghề thông qua các biện pháp tuyên truyền, vận động, giao lưu, tọa đàm. Bảo tồn và phát huy văn hóa làng nghề còn được thực hiện thông qua vật chất hóa quá trình lưu giữ và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, chú trọng tăng cường cơ sở vật chất kỹ

thuật. Giải pháp này được thực hiện qua việc sao chép, lưu giữ bằng hình, tài liệu về văn hóa làng nghề cũng như kỹ thuật thủ truyền thống. Kết hợp bảo tồn phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch, phát triển nghề thủ theo hướng bền vững, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm làng nghề thủ ren, đào tạo và nâng cao trình độ người lao động, xây dựng hoàn thiện làng nghề – đơn vị phát triển của du lịch cộng đồng, tăng cường công tác quản lý Nhà nước về môi trường. Trong đó việc kết hợp phát triển làng nghề với hoạt động du lịch là hướng đi đúng đắn, mang lại hiệu quả và lợi ích lâu dài cũng như góp phần bảo vệ văn hóa và môi trường làng nghề.

Các giải pháp trên cần được thực hiện đồng bộ và cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan nhằm tạo hiệu quả cao như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công thương, UBND xã, Doanh nghiệp Xuân Trường... Trong đó chính quyền địa phương cần phát huy vai trò tích cực và chủ động trong công tác quản lý cũng như giữ vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp với cộng đồng trong hợp tác đầu tư và chia sẻ lợi ích.

KẾT LUẬN

Văn Lâm là một trong những làng nghề thủ công truyền thống lâu đời tại Ninh Bình. Nghề thêu ren ở đây được hình thành và phát triển trong gần 100 năm qua đã có những đóng góp nhất định đến đời sống kinh tế - văn hóa của địa phương, góp phần làm đa dạng bản sắc văn hóa của một làng quê chiêm trũng vùng đồng bằng Bắc Bộ. Diện mạo văn hóa truyền thống làng Văn Lâm rất đa dạng với những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể như hệ thống di tích thờ tự (đền Thái Vi, chùa Sở, đình Các), kiến trúc nhà ở truyền thống, nghề thêu ren, lễ hội đền Thái Vi.

Văn hóa làng nghề thủ công truyền thống nói chung và văn hóa làng nghề thêu ren Văn Lâm xã Ninh Hải huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình nói riêng đang đứng trước những cơ hội và thách thức do quá trình CNH - HĐH và hoạt động kinh doanh du lịch đem lại. Hệ quả là một số thành tố của văn hóa truyền thống đang có những biến đổi, tác động không nhỏ đến đời sống của nhân dân, làm cho bản sắc văn hóa địa phương có nguy cơ mai một, đặc biệt là sự biến đổi của nghề thêu ren truyền thống.

Các kết quả nghiên cứu cơ bản mà luận văn đã đạt được gồm:

Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở hình thành và phát triển của làng thêu ren Văn Lâm từ vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên đến sự hình thành vùng đất, quá trình phát triển của làng và sự hình thành các dòng họ. Bên cạnh đó luận văn còn phân tích cơ sở kinh tế của làng nghề truyền thống như kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và khai thác thủy sản.

Luận văn đã khái quát diện mạo văn hóa truyền thống làng nghề thêu ren Văn Lâm trên hai phương diện văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, trong đó nổi bật là các di sản văn hóa kiến trúc thờ tự, nghề thủ công và lễ hội truyền thống.

Trên cơ sở đánh giá những tác động của quá trình CNH - HĐH và hoạt động kinh doanh du lịch tại làng Văn Lâm luận văn đã trình bày những biến đổi văn hóa truyền thống của làng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa làng nghề truyền thống.

Như vậy, luận văn đã đạt được mục đích cũng như nhiệm vụ nghiên cứu đề ra và góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề về văn hóa truyền thống của làng nghề Văn Lâm trong thời kỳ mới.

Tác giả hy vọng luận văn này có thể là một chia sẻ với sinh viên, học viên ngành văn hóa như là một tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, học tập của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Ninh Bình (2013), *Phát triển bền vững du lịch Ninh Bình*, công ty TNHH Thương mại Hà Phương, Ninh Bình.
2. Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Ninh Bình (2013), *Ninh Bình - 185 năm lịch sử và phát triển*, công ty TNHH Thương mại Hà Phương, Ninh Bình.
3. Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Ninh Bình (2013), *Kỷ yếu hội thảo Ninh Bình - 20 năm đổi mới và phát triển*, công ty TNHH Thương mại Hà Phương, Ninh Bình.
4. Lã Đăng Bật (2005), *7 di tích danh thắng Ninh Bình nổi tiếng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Lã Đăng Bật (2004), *Đất Tam Cốc - Bích Động*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Đảng bộ xã Ninh Hải (2013), *Lịch sử Đảng bộ xã Ninh Hải*, công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Huy Phong, Ninh Bình.
7. Diệp Đình Hoa (chủ biên) (2000), *Người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Chu Văn Lượng, *Bản chép tay kỹ thuật thêu ren Văn Lâm truyền thống*.
9. Trần Đức Ngôn (2005), *Văn hóa truyền thống ngoại thành Hà Nội dưới tác động của kinh tế thị trường*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
10. Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh Ninh Bình (2015), *Báo cáo tổng kết số lượng khách du lịch năm 2014*, tài liệu lưu hành nội bộ, Ninh Bình.
11. Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh Ninh Bình (1996), *Lý lịch di tích đình Các*, tài liệu lưu hành nội bộ, Ninh Bình.
12. Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh Ninh Bình (1996), *Lý lịch di tích đền Thái Vi*, tài liệu lưu hành nội bộ, Ninh Bình.

13. Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao Ninh Bình (1988), *Nghiên cứu khảo sát phong vật chí xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, tài liệu lưu hành nội bộ, Ninh Bình.
14. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
15. Đỗ Thị Hồng Thu (2012), *Phát triển kinh tế xã hội làng nghề thêu ren Văn Lâm theo hướng bền vững*, Luận văn Thạc sĩ Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
16. Đinh Khắc Thuân (2003), *Bản dịch Ninh Bình tỉnh chí*, sách Hán Nôm, kí hiệu A. 1268, Viện Hán Nôm, Hà Nội.
17. Trương Đình Tường (2004), *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
18. Nguyễn Văn Trò (2012), *Cố đô Hoa Lư*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
19. UBND Ninh Bình (2010), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng 2030*, Ninh Bình.
20. UBND xã Ninh Hải (2012), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011, phương hướng nhiệm vụ năm 2012*.
21. UBND xã Ninh Hải (2013), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, phương hướng nhiệm vụ năm 2013*.
22. UBND Ninh Hải (2014), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2013, phương hướng nhiệm vụ năm 2014*.
23. UBND Ninh Hải (2015), *Báo cáo tổng kết công tác 6 tháng đầu năm 2015*.
24. Đinh Văn Viễn (2009), *Làng Côi Trì (Yên Mô - Ninh Bình) từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
25. Trần Văn Vượng (1999), *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

MỤC LỤC PHỤ LỤC

Stt	Tên phụ lục	Nguồn	Trang
1	Phụ lục 1: Bản đồ du lịch tỉnh Ninh Bình	Tác giả sưu tầm	97
2	Phụ lục 2: Bản chép tay kỹ thuật thêu và một số mẫu thêu	Tác giả sưu tầm và chụp tháng 05/2014	98
3	Phụ lục 3: Một số hình ảnh về làng nghề thêu ren Văn Lâm	Tác giả sưu tầm	101

PHỤ LỤC 1

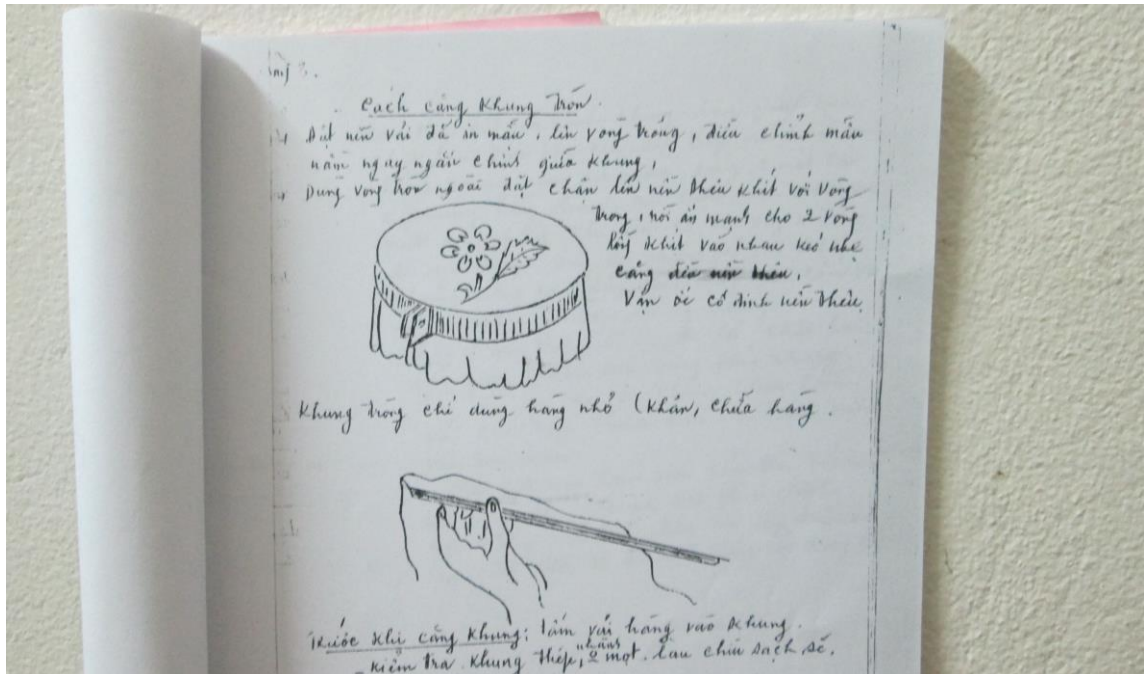
BẢN ĐỒ DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH



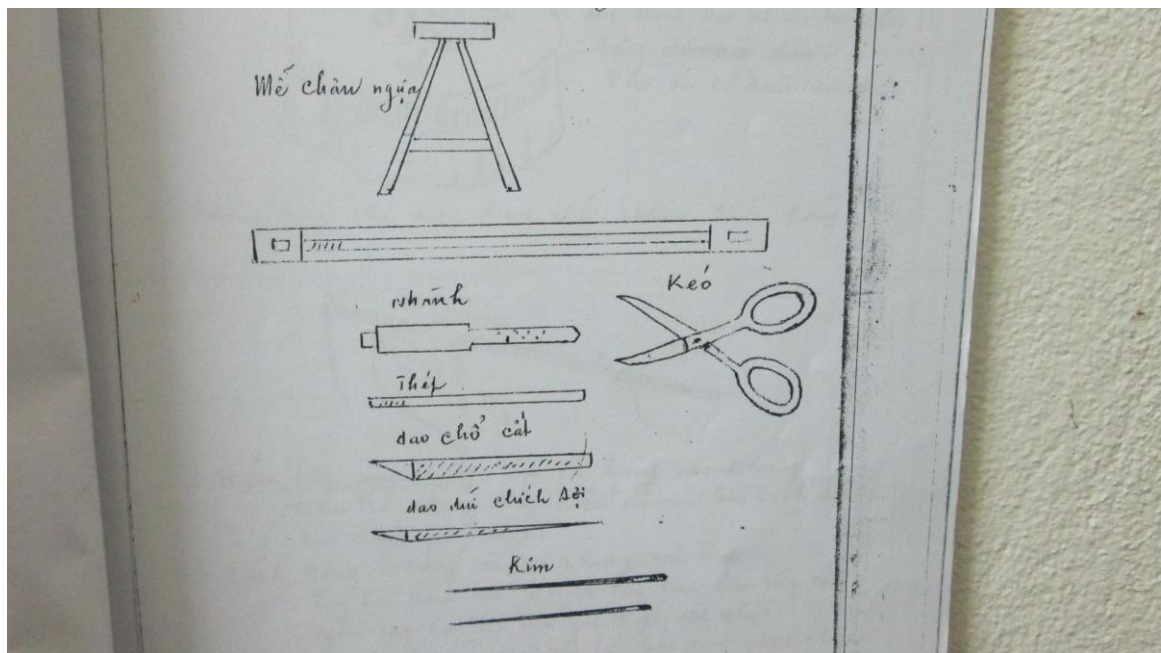
(Nguồn: Internet, năm 2015)

PHỤ LỤC 2

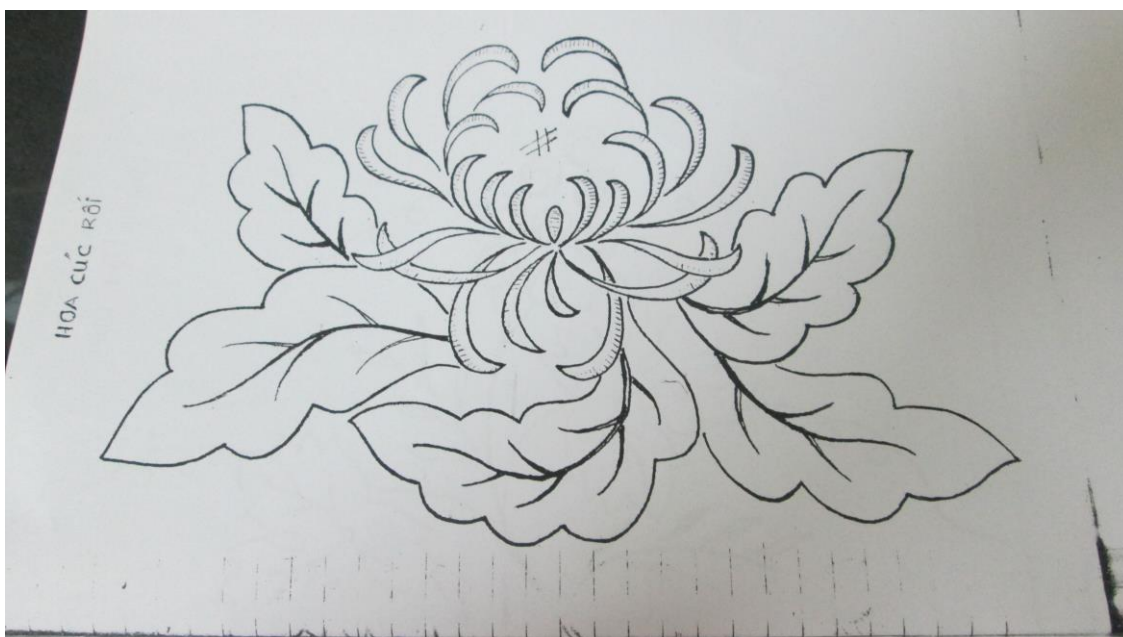
BẢN CHÉP TAY KỸ THUẬT THÊU VÀ MỘT SỐ MẪU THÊU



Ảnh 1: Kỹ thuật căng khung tròn (Nguồn: Tác giả chụp tháng 05/2014)



Ảnh 2: Một số dụng cụ thêu (Nguồn: Tác giả chụp tháng 05/2014)



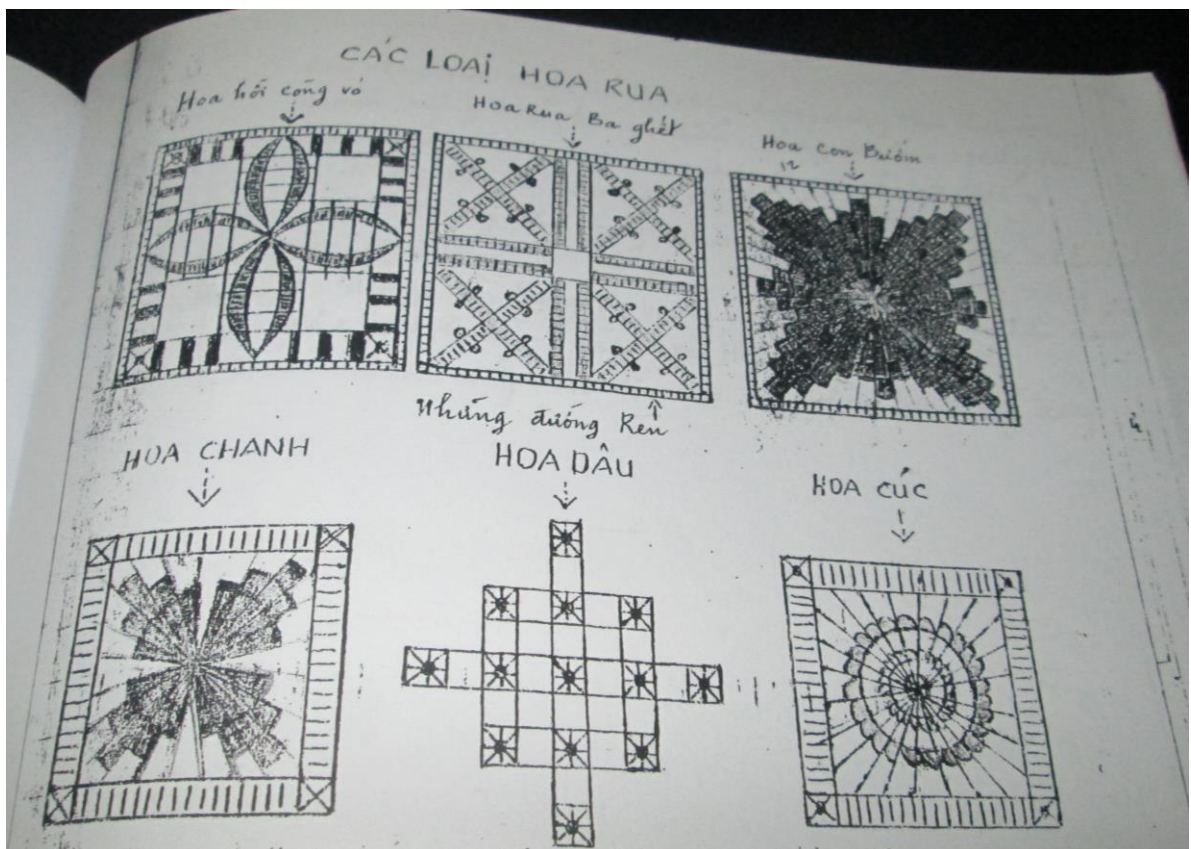
Ảnh 3: Mẫu thêu hình “hoa cúc rồi” (Nguồn: Tác giả chụp tháng 05/2014)



Ảnh 4: Mẫu thêu hình “hoa hồng” (Nguồn: Tác giả chụp tháng 05/2014)



Ảnh 5: Mẫu thêu hình “chim sế ngũ” (Nguồn: Tác giả chụp tháng 05/2014)



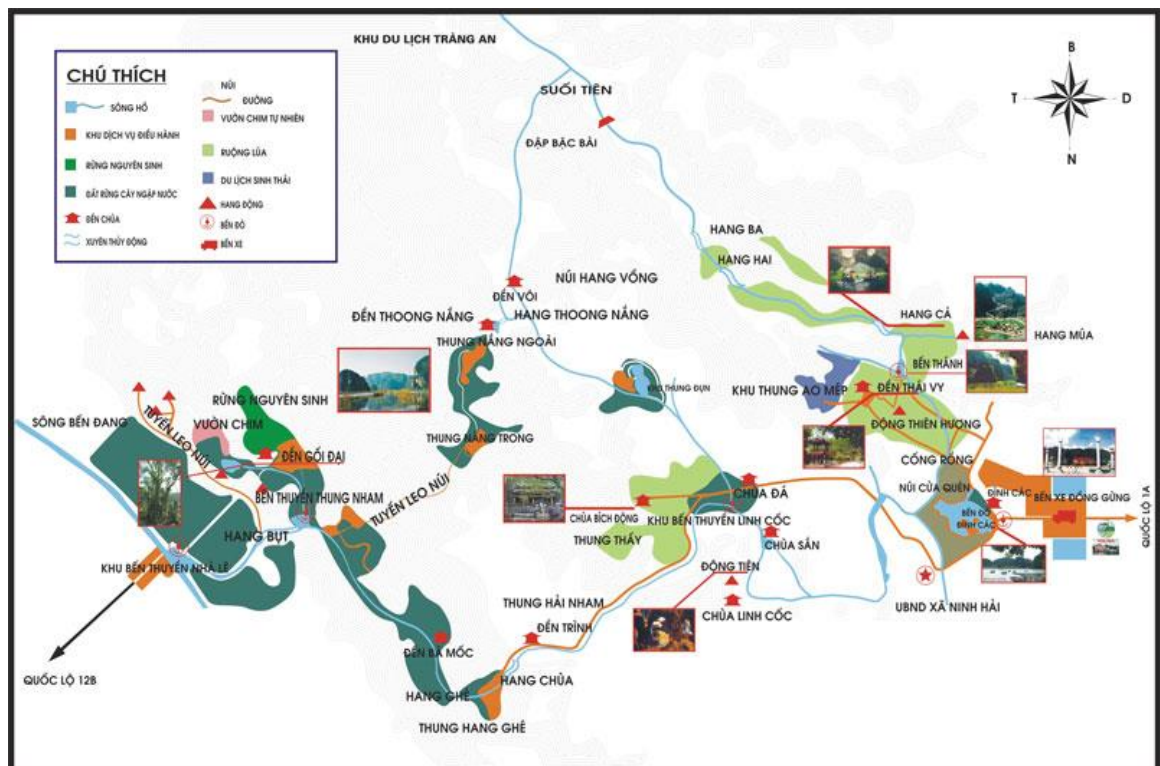
Ảnh 6: Một số mẫu hoa rua (ren) (Nguồn: Tác giả chụp tháng 05/2014)

PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ LÀNG NGHỀ THÊU REN VĂN LÂM



Ảnh 7: Đường vào KDL Tam Cốc - Bích Động (Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 8: Sơ đồ KDL Tam Cốc - Bích Động và quần thể danh thắng Tràng An
(Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 9



Ảnh 9 + 10: Bến thuyền Tam Cốc (Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 11: Khách sạn Yên Nhi (Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 12: Nhà hàng Thế Long (Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 13



Ảnh 13 + 14: Đền Thái Vi (Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 15



Ảnh 15 + 16: Lễ hội đền Thái Vi (Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 17: Khách du lịch tham quan làng nghề thêu ren Văn Lâm
(Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 18: Thợ thêu ren tại Văn Lâm (Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 19: Sản phẩm thêu ren Văn Lâm (Nguồn: Internet, năm 2015)



Ảnh 20: Tranh thêu: "Cội xưa" - Sản phẩm thêu của làng Văn Lâm (Nguồn: Internet, năm 2015)